

I THÁNG 7 NĂM 1966

BACH KHOA T H Ờ I - Đ Ạ I

năm thứ mười

DUY tiềm năng kinh tế của Việt Nam * ĐOAN

THÊM những ngày chưa quên * CUNG GIỮ

NGUYÊN thể giới James Bond * LỮ PHƯƠNG

đọc « Lược khảo văn học II » của Nguyễn văn Trung *

NGỌC VÂN Gemini 9 và Surveyor 1 * PHẠM HỮU

người bệnh * THẾ UYÊN tiễn đôn * HUY LỰC, TUỆ

MAI, TRẦN HUYỀN AN thơ *

SINH HOẠT thời sự kinh tế :

lịch sử một sự phá giá.

228

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 217 ĐẾN 228



SOCIETE FRANCAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

SOCIETE ANONYME

AU CAPITAL DE 3.759.750 FRS

Siège social : 50 Rue de Lisbonne -:- PARIS 8^e

DIRECTION et USINE AU VIETNAM

406, Běn Lê - Quang - Liêm -:- CHOLON

Adresse Télég. : DISTAMY

Boîte postale : CS. SAIGON

Téléphone Saigon 36.625 — 36.626

- *SES SIROPS*
- *SA PARFUMERIE*
- *SON VINAIGRE*
- *SES ALCOOLS INDUSTRIELS
ET PHARMACEUTIQUES*



BÁCH
KHOA THỜI ĐẠI
Số 228 ngày 1 - 7 - 1966

DUY <i>tiềm năng kinh tế của Việt Nam</i>	3
CUNG GIỮ NGUYỄN <i>thế giới James Bond</i>	11
ĐOÀN THÊM <i>những ngày chưa quên</i>	25
LỮ PHƯƠNG <i>đọc lược Khảo Văn học (II) của Nguyễn Văn Trung</i>	35
NGỌC VÂN <i>Gemini 9 và Surveyor 1</i>	43
PHẠM HỮU <i>người bệnh (truyện ngắn)</i>	51
HUY LỰC <i>vũ khúc buồn Đ.N.Á. (thơ)</i>	42
THẾ UYÊN <i>tiền đồn (truyện dài)</i>	61
TUỆ MAI <i>nét nhìn rặng đông</i>	70
DUY <i>lịch sử một sự phá giá</i>	71
MỤC LỤC <i>bộ môn từ 217 đến 228</i>	81

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa-soạn :
160 Phan Đình Phùng Saigon
Đ.T. 25.539
H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ Tánh Saigon
GIÁ: 12\$ Công sở : Giá gấp đôi
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay



Tifomycine



VOIE GÉNÉRALE

- dragées à 0,250g
- dragées à 0,100g
- poudre aromatisée
- suspension buvable
- ampoules injectables
- suppositoires à 0,250g

VOIE LOCALE

- collyre
- gouttes auriculaires
- ovules secs

TRAITEMENT D'ATTAQUE..

Distributeur :
UFFARMA CONG-TY
20A, Ben Bach-Dang
SAIGON



KINH TẾ TỰ-TÚC

(Xin xem Bách Khoa từ số 227)

TIỀM-NĂNG CỦA VIỆT-NAM

Kỹ-nghệ càng phát-triển, nhân-dân càng sung-túc. Tỷ-lệ nông-dân có xuống dưới 20 0/0 dân số mới chứng tỏ trình độ tiến bộ của quốc-gia, và muốn đạt được mức sinh sống như ở Mỹ, tỷ-lệ này phải xuống dưới 10 0/0,

Cho tới nay, các nước nông-nghiệp vẫn mang tiếng là bà con nghèo, so với các nước được thiên nhiên phú cho nhiều quặng mỏ. Miền Nam nước Việt có đến nỗi phải thất vọng vì số phận hẩm hiu dành cho các quốc-gia nông-nghiệp không ?

Nhiều khi người dân cũng mơ màng một ngày nào đó, dọc miền cát trắng, người ta sẽ kiếm được vài mỏ dầu, và toàn dân sẽ ngồi mát ăn bát vàng như ở sa mạc Koweit. Thuế má không phải đóng, học không mất tiền, thuốc men điều-dưỡng trong bệnh-viện tối-tân không phải trả, và lợi tức tính theo đầu người là 2000 Mỹ-kim. Vậy mỗi gia-

đình 7 người một năm kiếm được 2.450.000 đồng. Dân quên mà kiếm mỗi năm bằng 5 năm 10 tháng lương của Thủ-Tướng Việt-Nam.

Con nghèo không lẽ oán cha mẹ, dân nghèo đâu dám trách Quê Hương ? Và lại chúng ta cũng có nhiều niềm an-ủi.

Một người Do-thái, quốc-tịch Anh, đã từng sống mấy chục năm trời ở miền Nam Việt-Nam đã nói : « Ở đây, ném miếng củi xuống đất cũng mọc thành cây. Dân chúng lo gì không sung-túc. Trồng cây giống gì mà chẳng thành tiền ? »

Đúng vậy đó. Chỉ trồng cỏ không thôi, mỗi năm cũng được lợi-tức từ 12.000 đ đến 16.000 đ một mẫu. Ấy là theo thời giá 1960 còn ngày nay, phải trị giá tối thiểu là 30 000 đồng.

Mặt khác, thế-giới ngày nay sinh sản quá nhiều :

« Phổ phùng chật hẹp, người đông đúc.... » Đông tới 3 tỷ 200 triệu người

rồi. Mà thực-phẩm do Trái đất sản-xuất, chỉ có thể nuôi nổi, nếu ăn khoẻ và ăn sướng như dân Mỹ, 500 triệu người. Chả-trách 800 triệu dân đói rét Trung-Cộng lúc nào cũng hăm hè, hò hét như điên, và đòi hy-sinh cả trăm triệu người cũng không ngán.

Trong tình-trạng thiếu thực-phẩm kinh-niên như vậy, các nước nông-nghiệp trong tương-lai rất có đường. Sản-xuất cho thật nhiều nông-phẩm, thực-phẩm, rồi tích-trữ để bán cho Thế-giới nhân mãn, nhu cầu ngày càng tăng, làm gì không thu được nhiều lời đem lại phồn-thịnh cho nông-dân ?

Với một tâm-trạng lạc-quan như vậy, chúng ta hãy tính sỏ coi xem có thể sản-xuất những gì ?

Lúa gạo

Diện-tích đã khẩn hoang để trồng lúa là 2.409.500 mẫu, sản-xuất được 5 triệu tấn lúa. Năng-xuất trung bình là hai tấn một mẫu, quá kém cỏi, so với 9 tấn ở Bắc-Việt và 15 tấn ở Nhật Bản. Tại vì, miền Nam đất rộng người thưa, nên việc canh-tác chưa tích cực, hãy còn theo phương-thức Đại-canh-nông, làm ít công cũng đủ sài. Chỉ có khoảng một phần ba đất đai là trồng cấy hai mùa.

Ngoài ra, diện-tích còn bỏ hoang là 1 triệu mẫu. Nếu thực-hiện các công-tác thủy nông để cấy cấy 2 mùa và khẩn hoang tất cả các đất đai còn bỏ không, Việt-Nam sẽ có thể sản-xuất được 35 triệu tấn lúa, trị-giá : 175 tỷ bạc.

Cao-su.

Nếu lấy một năm để đối chứng — năm 1959 — diện-tích trồng cao-su là 90.000 mẫu kể cả các diện-tích mới trồng, chưa cạo mủ, so với 100.000 mẫu năm 1932, xử dụng 50.000 nhân-công. Xuất-cảng được 70.000 tấn, trị giá 1.642 triệu đồng so với tổng số xuất-cảng là 2.627 triệu đồng và tổng số nhập-cảng là 7.860 triệu đồng.

Nếu ta xuất-cảng được 250.000 tấn, thời quân bình được cán cân thương-mại khỏi cần đến ngoại viện.

Năm 1962, diện-tích trồng cao-su lên tới 135.000 mẫu. Diện-tích có thể trồng cao-su là 600.000 mẫu, nhiều nhất là ở Bà-Rá, 300.000 mẫu đất đỏ, và Tây-Ninh 100.000 mẫu đất đen.

Ấy là chưa kể, đất đỏ vô tận trên Cao-nguyên, cũng có thể trồng cao-su, nhưng tốn kém và ít kết quả hơn.

Nhưng nguyên vùng đất đỏ và đen ở dưới đồng bằng, cũng có thể cung cấp 1 200.000 tấn cao-su trị giá 600 triệu Mỹ-kim.

Cộng với tiềm-lực xuất-cảng gạo là 20 triệu tấn, mỗi năm miền Nam nước Việt sẽ thu hồi được 2.550 triệu Mỹ-kim gạo, nghĩa là 3.150 triệu Mỹ-kim kể cả cao-su.

Nếu cho rằng mộng như thế quá điên rồ, chúng ta hãy khiêm tốn hơn, chấp nhận mỗi mẫu lúa chỉ sản-xuất được 5 tấn một năm — con số thật là khiêm-nhượng, và có thể đạt được dễ dàng —

Việt-Nam cũng còn xuất-cảng được 8 triệu tấn gạo trị giá 1.020 triệu Mỹ-kim.

Về cao-su, mỗi năm có thể trồng thêm 50.000 mẫu. Về lúa, chỉ cần ba năm là đạt được tới mức 3.500.000 mẫu.

Xuất-cảng được 1 tỷ 620 triệu Mỹ-kim gạo và cao-su, không phải là con đường không tưởng và cũng không phải còn ở một tương-lai quá xa-xăm.

Hiện tại chúng ta chỉ cần 200 triệu Mỹ-kim để nhập-cảng hàng hóa. Lùi lại quá khứ, chúng ta đã từng xuất-cảng 1 triệu rưỡi tấn gạo trong nhiều năm, đem lại 180 triệu Mỹ-kim. Với 135.000 mẫu cao-su đã khai-thác, cũng có thể đem lại 135 triệu Mỹ-kim và tối thiểu cán cân thương-mại cũng được 315 triệu Mỹ-kim về bên xuất-cảng, thừa sức để trang-trải hàng-hóa, máy móc nhập-nội.

Nếu chúng ta thiết-lập nhà máy xử-dụng nguyên-liệu cao-su để chế-tạo hàng-hóa xuất-cảng, chúng ta còn có thể thâu được gấp bội ngoại-tệ, tối-thiểu cũng trên một tỷ Mỹ-kim.

Các cây kỹ-nghệ

Nếu chỉ chú trọng đến vấn-đề quân bình cán cân chi-phó, riêng việc trồng cây cao-su cũng đủ, không cần nghĩ đến các cây kỹ nghệ khác. Nhưng theo đuổi mục phiêu đa-canh-hóa và phát triển tất cả các tiềm lực của đất đai, chúng ta không thể nào bỏ qua các cây kỹ-nghệ khác.

Trà, 10.000 mẫu; cà phê, 10.000 mẫu; dừa, 43.000 mẫu; Kenaf, Cacao, Sơn, còn

trong giai đoạn thí-nghiệm và gây giống, đều có thể gia-tăng mau chóng diện-tích trồng trọt quan trọng và đem lại nguồn lợi-tức đáng kể cho quốc-gia.

Mía trong năm 1959, sản-xuất được 823.000 tấn. Diện-tích trồng trọt vào khoảng 16.000 mẫu. Nếu được săn sóc lựa chọn giống kỹ càng năng-xuất phải tăng gấp đôi và đạt được 100 tấn mỗi mẫu, thay vì 50 tấn hiện hữu, và diện-tích hiện hữu cũng đủ cung-cấp cho nhu-cầu quốc gia, khỏi phải nhập-cảng sáu, bảy chục ngàn tấn đường, Mía đã làm giàu cho nhiều quốc-gia miền nhiệt-đới, như Phi Luật-Tân, Cuba v.v,.. Nhưng tại Việt Nam các nhà trồng mía và làm đường tán, đường thẻ, đường cát vàng, lại phải kêu ca luôn luôn vì các nhà máy lọc đường ít khi « chiều cổ » đến sản-phẩm nội-địa.

Vụ công-ty đường « Vinh-Phú » trong đó Tạ-Vinh có cổ phần, là một trường hợp điển-hình. Công-ty này được phép nhập cảng 5000 tấn đường cát vàng từ Ấn độ qua, để đem lọc lại thành đường cát trắng.

Gọi là đường cát « vàng » thôi chứ thực ra cũng trắng lắm rồi. Cũng vì thế, đường chỉ đem vào nhà máy lấy lệ thôi, và được đem ra phân-phối ngay trên thị-trường, với tiền lời chính thức mua chưa tới 10đ bán 10đ50 một kilô. Ngoài ra còn được lời chợ đen 5đ một kilô.

Buôn có một chuyển, với một giấy phép nhập cảng, mà lời 60 triệu bạc Việt Nam, cộng thêm ngoại-tệ, huê-hồng đê lại ở ngoại quốc trị giá 10 triệu đồng nữa, mà không

phải đồ lấy một giọt mồ hôi, ai mà không thích ? Còn ai muốn khuếch trương trồng mía, còn ai muốn mua đường bởi sản xuất tại Việt-Nam làm gì nữa ?

Bị chất vấn tới bời, Bộ Kinh-tế cũ đã gân cổ cãi. Làm gì có gian lận ? Rõ ràng có nhân viên chánh phủ kiểm soát từ đầu chí đuôi, lại có Bộ Kinh tế phân phối. Đây này, có tháng hằng lọc được 200.000 tấn, lại có tháng hằng làm được những 1.500.000 tấn, mỗi lần đều có kê khai cẩn thận.

Ở Việt-Nam như vậy đó. Khả năng của nhà máy mà cũng có thể co dãn một cách quỷ-thuật như trên (có tháng 200.000 tấn lại có tháng 1.500.000 tấn) và luật lệ kiểm-soát có thể dày hàng thước, nhưng càng khó khăn, càng phân-phối tinh-vi bao nhiêu, thời giá cả hàng kiểm soát lại leo cao bấy nhiêu trên thang chợ đen.

Chỉ cần tăng diện tích trồng mía lên gấp ba, 50.000 mẫu, không phải là quá đáng, cũng đem lại cho cán cân thương-mại mấy chục triệu Mỹ-kim đường xuất cảng.

Hoa màu rau đậu.

Ngoài lúa gạo, khả-năng sản-xuất của miền Nam, về những nông-sản phụ, rất lớn lao và hầu như vượt quá mức tưởng tượng của người dân. Trong những năm qua, ta mới khởi-sự khai-thác lại hoa màu, rau, đậu.

Bắp, được 36.120 mẫu, 38.285 tấn ;
khoai lang : 48.500 mẫu, 275.145 tấn ;

khoai mì : 48.575 mẫu, 313.405 tấn ; đậu phụng : 33.585 mẫu, 28.550 tấn ; đậu nành : 5.530 mẫu, 3.930 tấn ; đậu xanh : 15.752 mẫu, 10.390 tấn ; rau cải : 9.335 mẫu, 108.450 tấn ; khoai tây : 285 mẫu, 2.805 tấn.

Các con số trên đây, chưa nói lên được gì hết. Xem như bắp, các chuyên-viên ngoại-quốc nghiên-cứu cùng Trung-Tâm Thực-nghiệm của ta đều kết luận có thể áp-dụng chương-trình phát triển đại qui-mô để sản-xuất 500.000 tấn, trên 10 lần mức sản-xuất hiện tại.

Về rau cải, Ông Bộ-Trưởng Canh-nông Mỹ, khi thăm viếng Việt-Nam và quan sát tình-hình cũng công nhận, nếu chọn giống tốt, sẽ sản-xuất gấp bội và chỉ cần canh tác 15.000 mẫu cũng đã giải-quyết rất nhiều vấn-đề tiếp-tế cho Đô-Thành.

Di-nhiên muốn sản-xuất cho nhiều cần phải tiêu thụ cho hết sản-phẩm, bằng cách xuất-cảng và xử-dụng nguyên-liệu trong các nhà máy biến-chế. Chẳng hạn, khoai và bắp có thể biến-chế thành thức ăn để khuếch-tương ngành chăn nuôi gia-súc ; khoai mì phải biến thành bột tapioca. Dầu lạc, phải có xưởng máy và kỹ-thuật biến-chế cho mất mùi hôi và trở thành dầu ăn, dầu salade thơm-tho.

Tuyệt đối phải chấm dứt tình-trạng khuyến-khích trồng cho nhiều khoai mì, rồi nông dân chỉ đánh đống cho chạy rựa, mọc mầm, không sao bán được.

Cũng như tình-trạng rau cỏ tươi, Dalat sản-xuất rất nhiều mà không bán

qua Tân-gia ba, Hồng-Kông được vì thủ-tục giấy tờ, vì tham quan ô lại, vì chính-sách hối-đoái cứng rắn.

Cây ăn trái.

Diện-tích trồng cây ăn trái là 57.435 mẫu, sản-xuất được 451.715 tấn trái cây. Ngành này có thể mỗi ngày một phát-triển. Nếu đóng hộp dứa và xoài, xuất-cảng bao nhiêu qua Âu-Châu và Mỹ, cũng có đủ thị-trường tiêu-thụ. Năm 1962, Việt-Nam đã xuất-cảng 246 tấn chuối qua Nhật-Bản. Nhưng so với số sản-xuất, 249.625 tấn, thời chưa bán ra ngoại-quốc được bao nhiêu.

Giải-quyết hợp-ly vấn-đề tiêu-thụ, xuất-cảng, kỹ-nghệ biến-chế, Việt-Nam sẽ trở thành vựa rau và trái cây cho tất cả các quốc-gia Đông-Nam Á-Châu, từ Ấn-Độ qua Nhật-Bản. Và còn rất nhiều triển-vọng xuất-cảng qua Mỹ-Châu, Úc-Châu và Âu-Châu.

Lâm-sản.

Người dân Việt-Nam vốn dĩ sợ ma-thiêng nước độc, nên ít chú trọng đến rừng núi. Nói đến lâm-sản, kiếm-lâm là chỉ nghĩ đến các huyền-thoại quanh vụ « cúp » gỗ.

Trong bao nhiêu năm, « cúp gỗ » là một áp-phe chắc ăn nhứt, một áp-phe bằng vàng.

Người ta thì thăm những giấy phép đốn cây này nọ đã đem lại bao nhiêu lợi-tức khổng-lồ cho người ký giấy, người trung-gian, người đứng đơn,

người khai-thác, người thầu lại, và có khi cho cả Việt-cộng nếu phải lấy gỗ trong rừng sâu,

Lâm dân nghèo đói thời làm bộ một củi khô, rồi mỗi lần vào rừng lại đốn ít cây tươi và thơm đầy một thời gian cho thành củi mục.

Các nhà khai-quang, dọc theo các trục-lộ giao-thông, cũng nhân chiến-thuật chống cộng này, đề kêu thêm ít gỗ các vùng rừng lân-cận, kéo về để ở trong vùng khai quang sau này sẽ đem bán cho các lái gỗ.

Cả những người xin khẩn hoang, cũng không lấy việc trồng tía làm việc chính mà chỉ cốt hạ được ít cây gỗ đem bán, còn đất rừng lại mặc cho cỏ dại phủ kín.

Nếu rừng núi không dùng để làm « áp-phe », có lẽ không còn làm được việc gì khác. 5.600.000 mẫu rừng, một phần ba diện-tích quốc-gia. Vậy mà kỹ-nghệ gỗ chỉ lên tới mức nhà máy cưa. Và 80% số lượng gỗ bị phí phạm vì kỹ-thuật chậm-tiến, vì phải bỏ rải rác từ trong rừng, dọc đường, tại các trại cưa, trước khi thành gỗ xẻ bán cho người tiêu thụ. Nhà máy giấy Cogido chỉ là một thí điếm một sản-phẩm của Phòng thí-nghiệm, nên không phản ảnh được tình-trạng thực-tế của kỹ-nghệ gỗ và không đáng kể — Bởi vậy, chúng ta chỉ sản-xuất mỗi năm được 500.000 thước khối ỗ tạo tác và 1 triệu sít-te củi. Nghĩa là trên diện-tích 100.000 thước vuông rừng chưa hạ được một cây gỗ !

Đến nỗi bộ Canh-nông thời xưa sợ dân chúng phải dùng gỗ đắt nên đề nghị Chính-phủ nhập-cảng 50.000 thước khối gỗ theo giá nhập-cảng 1.900đ. một thước khối. Khi đó giá thị-trường từ 2.100đ. đến 2.300đ. một thước khối. Đó là chuyện xa xăm, vì giá hiện tại lên tới 11.000đ. rồi.

Nếu sau này chúng ta cải-thiện hệ thống giao-thông, nhất là hệ-thống lâm lộ, chuyên môn khai-thác lâm-sản, tổ chức, chuyên chở, « vợi » gỗ cho hợp lý Việt-Nam phải sản-xuất hàng năm ít nhất là 10 triệu thước khối gỗ tạo tác.

Khi đó kỹ-nghệ giấy, kỹ-nghệ sợi rayonne sẽ phát-triển và sự tiêu-thụ gỗ, tính theo nhân khẩu, của chúng ta mới tiến lên bằng sự tiêu-thụ gỗ của dân Nhật. Mỗi năm Nhật-Bản phải nhập-cảng 5 triệu tấn gỗ. Nếu ta xuất cảng được 10 triệu thước khối gỗ là có thể thu hồi được 200 triệu Mỹ-kim.

Chăn nuôi

Chăn nuôi tại Việt-Nam chỉ đứng hàng thứ yếu với số gia-súc : Trâu : 800.000 con, Bò : 1.200.000 con, Heo : 3.000.000, Gà : 20 triệu, Vịt : 11 triệu.

Thú-sản được xuất-cảng vào khoảng: Trâu 500 con; Heo 70.000; Gà vịt ướp lạnh 200 tấn, trứng vịt 1.643 tấn; bột trứng 226 tấn; lông vịt 570 tấn.

Về đại-gia-súc, trâu bò chỉ dùng để cày bừa trên ba triệu mẫu đất ruộng. Mỗi năm hạ thịt cỡ 100.000 con, bò gấp đôi lần trâu.

Tính đồ đồng mỗi năm người Việt ăn chưa tới 1 kilô thịt trâu, bò, lấy đâu làm sức khỏe ?

Vấn-đề chính là thiếu những đồng cỏ nhân-tạo, Miền đồng bằng thời đất hẹp người đông, nên đất dù xấu như ngoài miền Trung cũng ráng đem cấy lúa. Còn Cao-nguyên đất rộng nhưng người lại thưa, nên ít người nghĩ đến vấn-đề trồng cỏ chăn nuôi.

Việt-Nam có một diện tích là 300.000 mẫu có thể biến thành đồng cỏ. Mỗi mẫu sản xuất được 60 đến 80 tấn cỏ tươi, đủ nuôi 9 đến 12 con bò hoặc trâu. Thêm được ba triệu vừa bò sữa, vừa bò thịt, Việt Nam sẽ giải quyết được cả ba vấn-đề, sữa tươi và sữa hộp, tăng thêm mức dinh dưỡng cho nhân dân về thịt, và xuất cảng bò sống, bò ướp lạnh.

Vấn-đề heo, trong nhiều năm qua đã làm nhức óc các nhà cầm quyền không ít — đôi khi đi cả đến chỗ thượng cẳng chân, hạ cẳng tay—thực ra, không phải là một vấn-đề nan giải. Mặc dầu chỉ chăn nuôi với tính chất gia-đình, mỗi nông dân nuôi vài ba con như tiền bỏ ống, tốn tới 2.500đ. mà chỉ bán 20.000đ. một tạ heo sống, chúng ta cũng có 3 triệu heo và riêng miền Tây nuôi gần 2 triệu con. Trong khi đó, lò sát-sinh đô-thành chỉ tiêu-thụ tới 400.000 con mỗi năm.

Với một triệu tấn phó-sản, tấm, cám, có thể chăn nuôi được 4 triệu con heo.

Sau này, cải thiện kỹ-thuật nuôi heo theo mức độ kỹ nghệ, với bốn năm triệu

tấn tấn cám, với sự khuếch-trương chương-trình trồng hoa màu phụ với các nhà máy biến-chế bột bắp, thức ăn cho heo, Việt-Nam có khả-năng sản-xuất 20 triệu heo mỗi năm, trị giá 300 triệu Mỹ kim.

Ngành nuôi vịt cũng có rất nhiều triển vọng, vì miền Nam hội đủ những điều kiện thuận lợi nhất : nhiều ruộng, nhiều đồng, nhiều sông ngòi, tôm cá, nhiều thức ăn thiên nhiên, khiến cho vịt có thể sinh sản mau chóng và chăn nuôi đỡ tốn kém. Chúng ta có thể xuất cảng sang các nước láng giềng thịt vịt ướp lạnh, vịt sấy khô, ướp mặn, trứng tươi, trứng muối hoặc ngâm thuốc. Lòng vịt và bột trứng vịt có thể xuất cảng qua Âu-Châu và Mỹ-Châu.

Ngư nghiệp.

Như trên đã nói, ngư-nghiệp còn ở trong tình-trạng quá thô sơ, quá lạc-hậu. Các số thống-kê do Nha Ngư nghiệp cung-cấp về năm 1958, rất khiêm nhường: cá tươi 153.000 tấn, nước mắm 45.000 tấn, cá khô 9.850 tấn, tôm khô 4.950 tấn, bong bóng cá 19,5 tấn. Xuất-cảng được 452 tấn cá tươi và 48 tấn tôm đông lạnh

Hải sản của chúng ta thật là vô cùng tận, nhưng phương-tiện khai-thác lại quá kém cỏi. Vấn đề trước nhất phải giải quyết là động-cơ-hóa các ngư-thuyền.

Vấn-đề thứ nhì là mở rộng vùng đánh cá ra khơi. Các thuyền nhỏ chỉ cho phép đánh cá trên mặt nước và gần bờ. Chỉ

trong một khoảng thời gian nào đó là sẽ vắng bóng cá. Tỷ dụ như cá mè, một thứ cá dùng đóng hộp, sinh-sản rất nhiều tại vùng bờ dọc từ Phan-Rí tới Phan-Thiết. Sau một thời gian đánh cá mè bằng thuyền có gắn động cơ, đàn cá mè đã biến mất hẳn trên mặt biển. Lâu lâu có một mẻ tấp vào vùng biển Vũng-Tàu.

Sau này cần phải có những tàu đánh cá có thể đi 15, 20 ngày hoặc một tháng ra biển khơi tìm các luồng cá.

Vấn đề thứ ba là phải sử dụng hơi lạnh kỹ nghệ vào việc chuyên chở, tồn trữ cá. Mỗi vùng biển chỉ có nhiều cá trong mùa cá chừng vài bốn tháng. Muốn điều hòa thị-trường phải có những phòng lạnh mênh mông để trữ cá tươi với độ lạnh 30 dưới không độ.

Vấn-đề thứ tư là phát-triển các nhà máy đồ hộp và đông lạnh để xuất-cảng tôm cá hoặc phân-phối trên thị-trường nội-địa.

Giải quyết được các vấn đề trên, Việt-Nam muốn sản xuất, tiêu thụ, xuất cảng bao nhiêu hải-sản cũng thực hiện được.

Kỹ nghệ.

Miền Nam nước Việt, giàu về nông nghiệp nhưng rất nghèo về khoáng sản, hầm mỏ. Hy vọng tiến tới kỹ nghệ nặng, với những nhà máy khổng lồ, những ống khói cao vút lên trời, tỏa bụi than như đám mây nhỏ, chỉ là ảo ảnh. Chúng ta chưa có một lò đúc thép nào hết, và

tiến tới việc chế-tạo các máy móc nhỏ, cũng là con đường vạn nan vạn khờ.

Kiểm-điềm lại chỉ thấy :

Mỏ than Nông-Sơn, 10 triệu tấn, trong số có 3 triệu rưỡi tấn là than tốt dùng vào kỹ-nghệ được.

— Than chì, quận Sơn-Tinh, Quảng-Ngãi thăm dò được 200.000 tấn.

— Quặng sắt, quận Mộ-Đức Quảng-Ngãi, bao phủ diện-tích chừng 7 cây-số vuông.

Ngoài ra chúng ta chỉ còn muối bẽ, cát trắng, đá vôi, những kho vô tận nhưng trị giá rất ít.

Bởi vậy chúng ta đã « cố đấm ăn xôi » nhờ vốn ngoại-quốc mà làm những chuyện phi-lý như khai-thác than Nông-Sơn, mà tiền chuyên chở về Saigon đắt gấp hai tiền vốn, đến nỗi các chuyên-viên phải vẽ vờ ra khu kỹ-nghệ An-Hòa, và rút cuộc than thì chất đống ở Nông-Sơn, còn máy móc ở An-Hòa thời nằm im không cục cựa. Hoặc chuyện xi-măng, khai-thác ở Hà-Tiên, nhưng lại điều-chế ở Thủ-Đức trong khi Cam-Ranh có đủ điều-kiện và nguyên-liệu chế-tạo tại chỗ xi-măng, tốt và ít tốn kém hơn.

Di-nhiên các kỹ-sư, chuyên-viên, cãi rất hay và có cả trăm lý do để bảo-vệ dự-án của họ. Nhà cầm quyền thời lâm vào cảnh « đấm lao phải theo lao » đã xuất vốn ra một phần, nghe nói ngược nói xuôi gì cũng đến tắc lưỡi gặt đầu mà xuất tiền ra nốt.

Đường hướng phát-triển của kỹ-nghệ

sau này, chỉ nhằm phục-vụ cho nông-nghiệp, biến-chế thực-phẩm, tận dụng cây kỹ-nghệ.

Các ngành dệt, thủy-tinh, hóa-học, đúc thép và chế-tạo máy móc nhỏ chỉ là phụ thuộc.

Ngoài ra chúng ta cũng có thể phát-triển các ngành kỹ-nghệ mới, nguyên-liệu không nặng-nề nhưng cần trình độ kỹ thuật, chuyên-viên giỏi, nhân-công khéo, rất thích hợp với người dân Việt Nam, như ngành điện-tử.

Tiểu-công-nghệ

Một nước nông-nghiệp, nông dân chỉ có công ăn việc làm trong ngày mùa còn ngày dưng lại lâm vào cảnh thất-nghiệp bữa cơm, bữa cháo, tất nền tiểu-công-nghệ phải phát-triển mạnh.

Tại Việt-Nam, đặc-biệt ngành tầm tang khi xưa rất phồn-thịnh. Các ngành gốm, sơn mài, đồi-mồi, xà-cừ, tre mây, trang sức bằng bạc, đồ đồng vv... đều có tiếng vang quốc-tế.

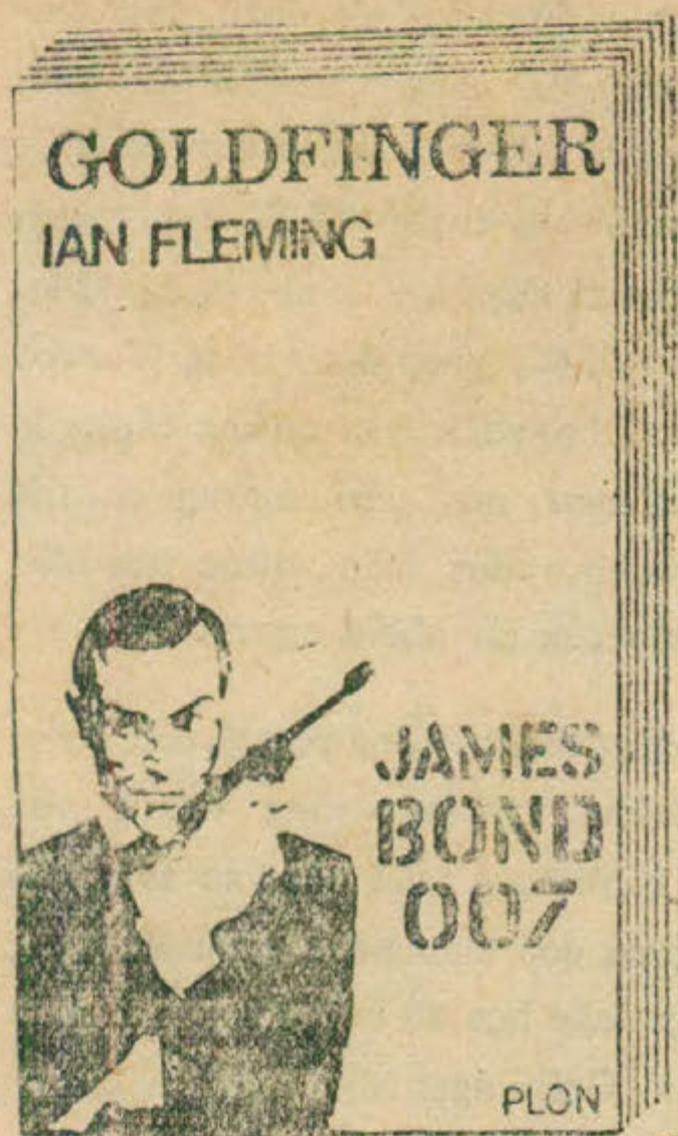
Khi quốc-gia đã tiến-bộ trên đường kỹ-nghệ hóa, mức sống của nhân-dân lên cao và nhân-công đắt đỏ, tiểu-công-nghệ trở thành món hàng xa-xỉ, không thể tồn tại được.

Trong một tương-lai gần, tiểu-công-nghệ có thể phát-triển tại Việt-Nam nhưng chắc chắn, trong vòng 10 năm, 20 năm, sau khi áp dụng chính-sách kinh-tế mới, tiểu-công-nghệ sẽ bị đào thải lần hồi.

(Còn tiếp)

DUY

Kỳ tới : Kế-hoạch kinh-tế tự-tức



007 và đồng loại

Phiên - luận về truyện của Ian Fleming và thế-giới James Bond

(xin xem BK.TĐ từ số 226)

Nghệ thuật của Fleming

Không thể đòi hỏi nơi những sách của Fleming điều gì mới lạ về phương-diện nghệ-thuật. Mục phiêu của tác giả rất giản dị, đặt ra một hay nhiều vấn-đề để cho nhân-vật chính phải giải quyết, đưa vào cốt chuyện những cảnh huống ly kỳ để hoãn lại sự kết-thúc và để cho người đọc hồi hộp ít nhiều thêm nữa. Lối bố cục truyện đôi khi cũng quá dễ dãi. Người ta có cảm tưởng tác giả ngồi trước bàn máy chữ, bắt đầu một chương với một ý định, rồi lại tiếp những chương khác với câu chuyện mới, rồi vì say mê với chuyện này, có thể quên chương đầu, đến sau buộc lòng phải trở lại, như trong *Secret Service* hay *Diamonds*.

Khi đọc lại, cảm thấy mình đã quên một đôi nhân vật có hơi lâu, tác-giả nhắc nơi đây nơi kia danh tính hay hành động, hoặc làm cho các nhân-vật ấy gặp lại một cách ngẫu nhiên, một sự ngẫu nhiên vụng về và khó chấp thuận được. Nhưng độc giả không quan tâm đến sự rời rạc của kiến-trúc và không đòi hỏi nơi thứ sách này một lối sắp đặt cân đối, hòa điệu, như thường thấy trong rất nhiều tiểu-thuyết cổ điển và có giá trị. Độc-giả, khi đã quen với thế-giới James Bond- cũng như độc-giả của những sách «chường», kiểm hiệp, chấp nhận và tha thứ tất cả sự giàn cảnh phi lý hay những chi-tiết sự-kIỆN khó tin được. Phải có thế, câu chuyện mới tiếp diễn được. Độc giả cần được

lời cuốn theo những tác-động liên tiếp, những tình cảnh gay cấn nan giải, muốn biết, và lo ngại, bên Thiện có thắng được Ác không, và thắng bằng cách nào, tốt hơn là bằng một cách thông minh hoặc tuyệt xảo mà độc-giả không thể nghĩ đến, hoặc bằng một lối quá giản dị nào mà độc giả không ngờ trước được; trường hợp này hay trường hợp kia cũng đem đến sự ngạc nhiên và gây hứng thú.

Ian Fleming cũng biết dùng đến, tuy không nhiều lắm, những cảnh hồi hộp, toát mồ hôi lạnh. Như trong *Secret Service*, Bond giả làm Sir Hillary đang ngồi hầu chuyện Blofeld, thì một người chúng vừa mới bắt được dẫn vào. Đó là một gián-điệp chung một sở với Bond. Khi người ấy tỉnh lại, mở mắt ra thấy Bond, mừng rỡ, gọi tên Bond và yêu cầu cho Blofeld biết là mình cũng làm một Hãng Nhập-cảng (hình-thức che đậy thường dùng). Nhưng Bond, tuy biết rằng mình từ chối, thì người bạn sẽ mất mạng, chỉ nghĩ đến công việc của mình phải theo đuổi. và giả vờ nói với Blofeld: « Tôi chẳng bao giờ biết người này. Có lẽ anh chàng đau quá nói sãng... »

Lối tác giả thường dùng hơn để hoãn lại sự tiếp diễn tác-động và để cho sự kết-thúc còn lâu, là những lối tán rộng, tách ngang, mà trong tiểu thuyết cổ-diễn của mấy mươi năm hay một thế kỷ trước, là những đoạn tả người, tả cảnh, hay phân tách tâm lý. Thay vì những thứ ấy, mà bây giờ ít ai muốn

dùng lại, Fleming dùng những tài-liệu đặc-biệt giúp cho sự hiểu biết của người đọc, như chuyện sưu tầm gia-phả, nghiên cứu huy-hiệu (*Secret Service*, 52), chiến-tranh vi-trùng (*S.S. 192*) cách phân biệt và chọn lựa kim-cương (*Diamonds 139*), hay phép đồng bóng Woodoo (*Live 22*) hoặc đem vào những cảnh gặp gỡ giữa nam nữ, với những chi-tiết kích thích, thỏa mãn được thị-hiểu thầm kín của rất nhiều người.

Fleming thật có công phu và biết dựng lên những truyện tưởng tượng với khung cảnh hoàn toàn đúng sự thật. Để cho người đọc không thể nghi ngờ, tác giả kèm luôn họa đồ Fort-knox, chỗ chứa vàng mà Goldfinger định đánh cướp, hoặc làm thành một « Lời riêng của tác-giả » đăng trước truyện (*From russia*):

« Cơ-quan *Smersh* (chữ rút gọn của hai tiếng *Smiert Spionam*, nghĩa là *Giết bọn gián điệp*) có thật. Hiện nay vẫn là một ngành tối mật của chính-phủ Liên-Sô. Đầu năm 1956, khi sách này đang viết, lực lượng *Smersh* trong nước và ngoài nước gồm đến 40.000 người và Tướng Grubozaboyschikov là vị chỉ huy. Lối tôi tả bề ngoài của nhân vật ấy theo đúng tướng mạo thật. Đến bây giờ, trụ sở của *Smersh*, như nói trong chương 4, vẫn đóng tại số nhà 13, Stretenka Ulitsa, Mạc-tư-khoa. Phòng hội-nghị đã được tả lại đúng đắn. Những lãnh-tụ Tình-báo đến họp nơi phòng ấy là những viên chức thật sự thường đến thảo luận những vấn-đề tương-tự như vấn-đề nêu ra trong truyện này. »

Đề tăng thêm sức hấp dẫn của những chuyện có thật, Fleming thường hay dùng dưới hình thức sử-liệu những phiêu lý lịch, những điện-tín bằng tiếng lóng hay mật-mã. Thay vì thuật lại sự-kiện, hay tóm tắt nội-dung, tác giả thích lối trình bày cả tài liệu. Nói rằng bọn Spectre đã gửi thư tổng tiền chính phủ Anh, sẽ không lý thú bằng đưa ra nguyên-văn bức thư tổng tiền. Trước khi đọc được thư, đọc giả phải trải qua một chốc chờ đợi và hồi hộp đề nghe giới thiệu bí thư trước đã.

Bao thư có đóng dấu «Khăn mặt», đề gửi cho tên Thủ-tướng, số 10, Downing Street, London, S.W.1. Mỗi chi-tiết của địa-chỉ đều đúng, cho đến chữ P.C. thêm ở phía dưới, vì Thủ-tướng cũng là Tư-vấn (Private Councillor). Lối chấm câu tỉ mỉ. Con tem đóng dấu nhà bưu-điện Brighton, 8 giờ 30 ngày 3 tháng 6. Bao thư là loại thường dùng trong thương mại. Chữ đánh máy sắc sảo và lịch-sự. Thư viết như thế này:

«Thưa Thủ-tướng, Như Thủ-tướng đã biết, hoặc được Tổng Tham-mưu Không lực cho biết, từ 10 giờ đêm hôm qua, ngày 2 tháng 6, một phi-cơ Anh-quốc mang hai vũ-khí nguyên-tử không thấy trở về sau một phi-vụ huấn-luyện, Phi-cơ ấy, số hiệu Villiers Vindicator O/NBR của phi-đội RAF số 5 căn cứ tại Boscombe Down. Kiểm-số của Bộ Tiếp-Vận trên vũ-khí nguyên-tử là MOS/bd/654/Mk.V và MOS/bd/655/MK.V. Còn có những số lý lịch khác của USAF rườm rà quá,

chúng tôi xin miễn cho Thủ-tướng khỏi phải đọc đến.

«Phi-cơ nói trên thi-hành một phi-vụ huấn-luyện của tổ-chức Minh-ước Bắc Đại-tây dương, có đoàn phi hành gồm năm người với một quan-sát-viên, chở đủ nhiên-liệu cho mười giờ bay với tốc độ 600 dặm một giờ và độ-cao trung bình là 40.000 bộ.

«Phi-cơ, cùng hai vũ-khí hiện giờ lọt vào tay tổ-chức chúng tôi. Phi-đoàn và quan-sát-viên đã bỏ mạng và Thủ-tướng có thể tin cho thân-nhân họ biết chẳng cần cho hay nơi phi-cơ đã rớt, vì Thủ-tướng cũng như chúng tôi không muốn tiết-lộ.

«Phi-cơ và vũ-khí có thể tìm lại được, nếu Thủ-tướng chịu trả cho chúng tôi số vàng tương đương với 100 triệu Anh-kim, vàng đúng chữ, hay chỉ kém không quá năm phần ngàn. Những chỉ thị đề trao vàng được ghi trong phụ-bản đính hậu. Một điều-kiện nữa là Thủ-tướng cùng Tổng-thống Hoa-kỳ ký 'giấy bảo-đảm miễn truy tố tổ chức chúng tôi cùng tất cả nhân-viên cộng-sự.

«Nếu các điều khoản trên không được chấp thuận trong vòng bảy ngày, từ 9 giờ GMT ngày 3-6-1959, nghĩa là cho đến 17 giờ GMT ngày 10-6-1959, sẽ có những hậu-quả như sau. Sau thời hạn đã định, chúng tôi sẽ cho tiêu hủy tức khắc một cơ-sở của Tây-phương trị giá khoảng 100 triệu Anh-kim. Sẽ có tổn hại nhân mạng. Trong 48 giờ sau hành động

cảnh cáo ấy, nếu không có dấu hiệu chấp thuận, một thị-trấn của một nước lớn nào đó sẽ bị tiêu hủy. Sẽ tổn hại rất lớn về nhân mạng. Tuy nhiên giữa hai hành-động ấy, chúng tôi dành quyền loan tin cho thế-giới biết và sự hoảng-hốt tự nhiên của tất cả các thị-trấn lớn sẽ khiến ông phải quyết định nhanh chóng hơn.

« Thừa Thủ-tướng, đây là sự thông tin duy nhất và cuối cùng. Chúng tôi chờ sự phúc đáp của ông, mỗi giờ theo giờ GMT trên làn sóng điện 16 mega chu kỳ.

Ký tên: Spectre (Cơ-quan đặc-biệt phản-gián, khủng-bố, báo-thù và tiêu-diệt). (*Thunderball*, 55)

Chú-trọng rất nhiều về mọi phương-tiện diễn-tả sự thật, Fleming dùng trong các truyện của mình rất nhiều tiếng lóng, tiếng chuyên-môn, tiếng địa-phương, cả những câu ngoại-ngữ, tiếng Đức, Pháp, Tây-ban-nha, không kể những danh-từ riêng về các thức ăn uống, những vật-dụng trang sức.

Vì viết nhiều chuyện, tác-giả không tránh khỏi những sự lặp lại. Có thứ lặp lại cần thiết cho đọc giả theo dõi được cốt chuyện, nhận định vai tuồng của mỗi nhân-vật, cũng có sự lặp lại có mục phiêu tầm thường hơn, khai thác sở thích hay háo kỳ tầm thường về đánh bạc, tán gái, ăn uống, lại còn có thứ lặp lại vô tình, vụng về, ví dụ như về ý trong hai cuốn *Moonraker* và *Thunderball*, về bố cục như trong *Moonraker* và *Doctor No*, đều có một chương với một tiêu-đề «*Pandora's Box*».

Xét một cách tổng quát thì kỹ-thuật của Fleming không thay đổi, từ tác-phẩm này qua tác-phẩm khác, trừ một số truyện ngắn gom lại trong cuốn *For your eyes only*. Trong mỗi truyện thường có : 1) một khung cảnh danh tiếng về giá-trị du lịch hay giải-trí, người đã biết, thích được nghe nhắc lại, và người khác thường mơ ước sẽ đến nếu có phương tiện, 2) một người nữ, nhất định phải đẹp và hình vóc kiểu Greta Garbo, không cần phải là hạng chung tình hay lãng mạn, chỉ một người xem việc gần gũi đàn ông là chuyện tự nhiên hay tất nhiên, trong hầu hết trường hợp là một tay gián-điệp, phản gián của bên này hay bên kia, hay của cả hai bên, hoặc là người thân thuộc hay tình nhân của một địch-thủ, 3) một hay nhiều nhân-vật đối địch, xuất sắc về gian ác, hung dữ, thuộc một quốc-gia mà dân-chúng tây-phương bấy lâu xem là nguy hiểm, 4) nhân vật chính, James Bond, gián điệp tài tình, bách chiến, bách thắng có rất nhiều mảnh khóc, tiêu xảo, dụng cụ đặc biệt với nhiều may mắn và 5) vì có James Bond, có những sự khoái lạc về ăn uống, đánh bạc, yêu đương, giết chóc.

Một thế-giới hắc ám

Thế-giới James Bond đầy cả dâm ô, tàn nhẫn, tội ác. Fleming đưa người đọc của mình tiếp xúc với một xã-hội cận bã, hắc-ám, bệnh hoạn. Những đoạn văn khiêu dâm, tuy chỉ là phần phụ đệm vẫn là phần đặc sắc. Dụng ý thâm kín của tác giả là sự khinh rẻ đàn bà do sự

sợ hãi nữ giới. Các cảnh được mô tả, tâm lý nhân vật được phơi bày, muốn nói lên những khuynh hướng thịnh hành trong dân chúng tây-phương là sự bình đẳng và tự do về duyên ái giữa nam và nữ, sự trưng bày công khai những lỗi yêu thương giữa người cùng một phái mà luân lý cổ truyền cấm đoán và luật-pháp chưa chấp nhận, sự đề cao dục tình và gác hẳn ra ngoài các sự lo âu về hôn nhân và cả ái-tình nữa. Xét cho kỹ, thì những đoạn văn trắng trợn phô bày ngôn ngữ và hành vi của những nhân vật bệnh hoạn, thác loạn, cũng chỉ là một hình thức bạo động, chứng tỏ một cách gián tiếp sự khao khát quân bình của kẻ bất lực hay vong thân.

Mở cuốn *From Russia*, người đọc đã chứng kiến cảnh một lực-sĩ trần truồng đang được một thiếu-nữ đấm bóp. Tác giả dùng cả một chương để tả tỉ mỉ lỗi ăn mặc, đúng ra là lỗi ở trần của thiếu nữ, những chi tiết về chân dung, những cử chỉ của thiếu nữ khi lấy dầu thoa xát nơi thân hình nhân vật kia, trong khí hậu im lặng và lạ lùng. Cũng trong tác phẩm ấy, tác giả trình bày một sự giao thiệp kỳ quặc giữa hai người nữ (kỳ quặc đối với người chưa được tiến-bộ như người tây phương). Rosa Kleb, nữ trưởng-ban ám-sát gọi một nữ cộng-tác-viên đến để trao một nhiệm-vụ. Sau khi khen ngợi những công-tác trước của Tatiana, và tặng cho người cộng sự kẹo và rượu sâm banh, Rosa trở lại với giọng nghiêm chỉnh để thăm vấn :

— Đồng chí có còn trình không ?

Tatiana rất đỗi ngạc nhiên nhưng buộc phải trả lời : — Thưa đồng chí đại tá, không còn nữa.

— Vậy đã biết bao nhiêu người đàn ông rồi ?

Tatiana tuy đã làm trong ban trinh-sát, tuy thuộc quyền của Rosa, tuy đang nói chuyện với một người đàn bà như mình, vẫn đang còn chút e thẹn tự nhiên không thể đem chuyện chỉ quan hệ đến mình làm thành đề tài thảo luận. Nàng thưa lại :

— Không hiểu những câu hỏi ấy có mục đích gì, đồng chí đại tá ?

— Hãy tỉnh trí ! Đồng chí hạ sĩ đừng quên rằng đồng chí đến đây không phải để đặt câu hỏi. Đồng chí quên đồng chí đang nói chuyện với ai. Hãy trả lời đi.

— Thưa đồng chí đại tá, ba người rồi.

— Khi nào ? Lúc bao nhiêu tuổi ?

Cuộc thăm vấn tiếp tục theo một điệu như thế. Rosa, môn đồ của Lesbos cần có những sự kích thích đã lên đến mức độ hữu hiệu. Rosa đã đi thay đồng phục, mặc cái áo ngủ, rồi đến nằm trên ghế dài. Rosa cố gắng dùng giọng rất mỹ miều để nói với Tatiana :

— Em hãy đi tắt đèn đi. Nút bấm bên cạnh cửa. Rồi đến đây ngồi với chị. Chúng ta cần quen biết nhau hơn.

Rải rác trong sách của Fleming có nhiều đoạn văn như thế. Tác-giả không ngần ngại tả cần thận những sự vượt v^e

mơn trớn, lối thoát y, chậm rãi có tác dụng thỏa mãn thị-hiếu của khách hàng như những người thoát y chuyên nghiệp trong các hộp đêm. Lối phụng-sự hiện-thực của tác-giả lắm khi có vẻ tàn nhẫn và phi đạo.

Cô gái Pussy (trong *Goldfinger*, 191) nói với Bond :

— Đến nay tôi chưa bao giờ gặp người đàn ông. Nghĩa đúng của câu là chưa bao giờ tôi dám gặp đàn ông, chưa bao giờ thương đàn ông hay mơ ước gần người đàn ông. Pussy tự xem mình là còn trinh tiết vì đối với Pussy cũng như đối với nàng Kiều sau mười lăm năm lưu lạc, gần gũi đàn ông và còn trinh tiết là hai chuyện khác nhau không có gì mâu thuẫn. Pussy vẫn tự xem mình là còn trinh, nhưng sợ Bond sau này có thể chê trách vì không cùng hiểu một lối, nàng phải nói tiếp : « Tôi là người miền Nam. Anh cũng biết miền Nam định-nghĩa người trinh-nữ thế nào ? Đó là người con gái chạy mau hơn anh nó. Trong trường-hợp tôi, tôi không thể chạy mau hơn cậu tôi được. Lúc bảy giờ tôi mới 12 tuổi. Không có gì hay cả. Anh cũng có thể tưởng tượng điều đó. » (*Goldfinger*, 191)

Thế-giới James Bond, là một thế-giới không biết đến tình yêu. Tình yêu đã được thay thế bằng dục-tình, phá hủy tất cả cái gì cao đẹp và bền bỉ trong khi khinh miệt thế xác của họ.

Cũng vì thiếu tình yêu, mà thế-giới ấy đầy cả những hành động tàn nhẫn và

độc ác, vì sự ghét thù đi đôi với một ý muốn nhục mạ kẻ địch. Nếu biết đến những âm mưu kinh tởm của những nhân-vật như Drach trong *Moonraker*, như Goldfinger trong *Goldfinger* hay Nô trong *Doctor No* và cho rằng tác-giả đã bày ra những chuyện quá đáng thì quên rằng Fleming không cần phải tưởng tượng nhiều để dựng lên sự tàn nhẫn và độc ác của nhân-vật mình. Fleming, nếu đã làm phụ-tá giám-đốc một cơ-quan tình báo Anh, cũng thừa biết bên này hay bên kia màn sắt, những thủ-đoạn hành hạ, tra tấn và trừng trị thế nào rồi. Hướng chi lịch-sử rất gần, đã đi ngang qua đời Fleming và những người đồng thời, hoặc được ghi lại cẩn thận trong vô số tài liệu, cũng cố gắng hiển cho tác-giả vô số hình ảnh tiêu biểu, mà sự thật còn hơn cả truyện kỳ nữa.

Trong thời kỳ Hitler nuôi mộng bá chủ hoàn cầu, sự tàn sát một cách độc ác, phi nhân hằng triệu người vô tội bất luận đàn bà trẻ con, đã trở thành một quốc-sách và một triết-lý. Những công việc một nhân vật của Fleming có thể làm, thật lu mờ số với những thành công vĩ đại của một tên thừa hành của Hitler, một Himmler hay một Eischmann. Trả lời trước một toà án Đồng-Minh, một trưởng-ban Tiêu-Diệt của Đức quốc-xã đã khai rằng riêng đoàn hắn đã giết tất cả là chín mươi ngàn đàn ông, đàn bà và trẻ con. Khi đoàn đến một làng hay thị-trấn nào, chúng tìm những công-dân Do-thái có thế-lực hơn hết, ra lệnh cho họ tập trung tất cả dân chúng

nói là để đi nơi khác. Nhưng rồi dân chúng sẽ bị lột trần, chở bằng xe hơi tới nơi pháp-trường, thường thường là một chiến hào, rồi bị hạ sát, và thây hất xuống hố. (2)

Những trại giam, phòng hơi ngạt, lò sát sanh, đã đánh dấu sự tiến bộ kỹ thuật rõ ràng đối với những lối giết người thời Tần-Thủy-Hoàng hay Alexandre. Những thời xa xăm chưa có dụng cụ tối tân, chưa đào tạo được những cộng-sự-viên mẫn cán không thể nào có như dưới thời Hitler một hệ-thống tổ chức chu đáo, với chỉ-thị, thông tư, báo cáo, tường-trình về kết quả các cuộc thí nghiệm giết người và khai thác cái chết của người. Những nhà bác-sĩ, nhà khoa học Đức đã đem tài năng trí tuệ của mình phụng-sự những kế hoạch ghê tởm nói là để giúp vào tiến bộ và văn-minh! Họ đã nhốt đàn ông với đàn bà trong những phòng thay đổi áp suất, để xem mức chịu đựng của cơ-thể. Cũng đàn bà và đàn ông được đặt trần truồng ở ngoài trời những đêm giá tuyết để đo lường sự kháng cự của thể xác con người. Đàn bà cũng như đàn ông được dùng làm vật thí nghiệm hiệu lực chất độc hóa học, phương pháp thiến hoạn, hay cung cấp những sọ dừa, hay bộ xương cho các viện bảo tàng hay được lột da cho các bà đại-tá Đức làm chụp đèn vì da người, sau khi thuộc, có những đường vân rất đẹp! Những nhà thông thái của Đức cũng còn ra công nghiên cứu khí hậu thế

nào thuận tiện hay không thuận tiện cho sự giao cấu. Sau khi để những đàn ông lạnh mạnh trong phòng có nhiệt độ rất thấp, đến nỗi phải run rẩy và gần chết, họ lại đem đàn ông ấy đặt giữa những đàn bà, dĩ nhiên không mặc gì hết, để xem xét rất kiên nhẫn sự phản ứng tự nhiên của con người được đem thí nghiệm cùng sự tăng gia nhiệt-độ của cơ-thể khi gần bên hơi ấm tự nhiên, cùng sự biến thiên của nhiệt-độ suốt thời gian có sự giao.cấu.

Chuyện thật đã có như thế, thì một Rosa Kleb của Ian Fleming (trong *From Russia*) cho đặt máy quay phim để ghi lại đêm gặp gỡ của Bond với một nữ tình báo, để sau này có dịp xem lại tấn tuồng, thì cũng chỉ là tầm thường so với mấy bác-sĩ Đức ở trên. Cũng chỉ là một phường bệnh hoạn, điên cuồng (paranoï-aque) như chính Hitler (3) và bọn tham quyền khát máu đó đây. Đáng ngại hơn là trường hợp hạng này, thác loạn của họ không những gây tai họa rộng lớn, mà còn có thể đầu độc đám đông, gói gắm tội ác của chúng với những danh từ huy hoàng, với những lý tưởng cao đẹp ích lợi cho nhân quần xã hội. Vì giả sử như Hitler và chủ-nghĩa quốc-xã không hoàn toàn thất bại, nếu thế-chiến thứ ba

(2) William L. Shirer, —. *The rise and Fall of the Third Reich* (Simon and Shuster, N. Y 1960 (trang 1249)

(3) Xem Nguyễn Văn Hoài: *Adolf Hitler, Essai sur ses tendances*. IFOM, Saigon, 1952.

kết-thúc với sự tan vỡ của phe đồng-minh thì có thể có những sử gia thuật lại chuyện theo một chiều hướng khác và xem sự giết năm triệu dân Do Thái là một kỳ công vĩ đại, mọi phương-sách độc-đoán là chiến-thuật cao cường. Có mấy ai sống cùng một thời đại, khi bóng tối được xem như ánh sáng, khi Quỷ sứ đóng một cách tài tình vai tuồng Thượng-đế, có mấy ai đủ minh mẫn và đủ can-đảm để nuôi dưỡng và bảo vệ chân-lý nếu lương-tri cho thấy? Hầu hết chúng ta cũng theo tâm-lý quần chúng chấp nhận lần lần khí hậu tàn nhẫn và độc ác đến nỗi còn tìm ra được những lý lẽ để bênh vực và truyền bá nữa. Vì nói như Pierre Klossowski (4) Bá-tước Sade, người đã tặng cho nhân loại tên mình để chỉ sự tàn nhẫn độc ác tinh-vi sự khoái lạc khi làm cho kẻ khác đau khổ cũng chỉ là phản ảnh một phần nào các khuynh hướng tiềm tàng của mỗi người trong chúng ta. Nếu ai hỏi ông thánh Benoît Labre nghĩ gì về bá tước Sade, là người sống cùng một lúc, thánh có lẽ đã trả lời: Sade là một người rất gần tôi. Và theo một luận-điều, thì những nhân vật thâm độc của Ian Fleming cũng chỉ là cận nhân của chúng ta, hay đáng thương hơn, là chính chúng ta vậy, khi chúng ta bào chữa hay thăng-hóa những hành-vi, ngôn-ngữ, tàn bạo đối với đồng loại, khi chúng ta quên mất tình yêu, và chỉ biết hận thù!

Trong các truyện của Fleming, sự tàn nhẫn kín đáo nhất nằm trong truyện ngắn *Quantum of Solace*, một truyện hơi khác

vì James Bond chỉ thủ một vai quan sát không có tác động can thiệp, chẳng có tán gái hay giết người. Điểm chính là sự tàn nhẫn của một ông chồng muốn trả thù vô phúc và bù chữa cái ngu xuẩn của mình. Phải lòng một chiêu-đãi-viên hàng không, vì xưa nay ước ao được một người vợ thờ phụng một cách lịch-sự và dễ thương, một viên bí-thư sứ quán đạt được mục-đích khi làm lễ hôn phối với người ấy. Nhưng để đáp lại tình yêu nồng nàn của chồng, người đàn bà ấy lại trao tình yêu cũng nồng nàn của mình cho một người khác. Sau một thời gian đau khổ, người chồng buộc lòng xin ly dị, trong thời gian chờ đợi án tòa, chồng chỉ giao thiệp với vợ ở trong nhà bằng những mảnh giấy nhỏ ghi những điều trao đổi tối cần thiết. Ly dị xong, chồng không để lại gì cho vợ, trừ ra một xe hơi cũ, theo lời năn nỉ của vợ. Nhưng khi người vợ đem xe đi bán thì biết một cách chua cay là xe ấy không còn thuộc quyền sở hữu của chồng từ lâu.

Quen với những kích thích mãnh liệt hơn trong những truyện khác, người đọc truyện có thể xem đó là một tác phẩm kém nhất của Fleming, một truyện James Bond không có James Bond.

Huyền-thoại James Bond

Cũng như một phát-minh nguy-hại mà nhà khoa-học không thể thu hồi được

(4) Pierre Klossowski — Sade mon prochain, Seuil, Paris, 1947.

cũng như một yêu ma ly khai khỏi quyền thầy phù thủy, nhân vật James Bond không còn hoàn toàn lệ thuộc quyền biến hóa của tác-giả, khi những người tán thưởng, cùng với những người sống nhờ nơi sự khai thác thương-mãi, đã biến nhân vật thành một huyền-thoại. Fleming buộc lòng phải liên tiếp trung thành với cốt cách của nhân-vật đề vâng theo thị-hiểu đám người ngưỡng mộ, bất luận thị-hiểu có giá trị hay không.

Người ta yêu chuộng Bond, không chỉ vì Bond là một anh hùng tài ba của thế giới gọi là tự-do, thắng được cái hiện-thân đủ màu sắc, đủ phương hướng đủ xảo quyết của Ác Quỷ, người ta khoái Bond là vì đó là một kẻ yêu đời, sành mọi lối ăn chơi và có sở đào hoa. Bond thực - hiện được mộng của nhiều người, đạt được ước muốn thông thường của một số độc-giả. Bond đã biết chiếm đoạt và vinh thắng, chiếm đoạt được những dấu hiệu khoa trương của giàu sang, vinh thắng trong những cuộc phiêu lưu tình cảm, trong những cơn thử thách gan dạ và tài năng.

Fleming đã dựng lên cho người khao khát hạnh phúc vật chất một nhân vật thành công rực rỡ về phương-diện ấy. Trong khi tác-giả Fleming sống một đời giản-dị, không *snob* một cách tầm thường như Bond, không thích uống rượu hay ăn cao-lương mỹ vị, thì nhân-vật Bond phải là người sang trọng, phải tỏ là người quen thạo với những vật-dụng xa xỉ đắt tiền, với những lối xử-thế của

nhà đài-các phong-lưu, một người hợp thời trang khi dùng những thức được quảng-cáo nhiều trên báo chí quốc-tế (đồng hồ Rolex, rượu Dambruine, nước hoa Lenthéric, bật-lửa Ronson hay Zippo, thuốc-lá Parliament hay Chesterfield, v.v...) khi trú tại khách-sạn danh tiếng, khi sống nơi những trung-tâm du-lịch, chỗ họp mặt những bậc giàu có ăn chơi.

Bond là người biết sống, theo nghĩa thỏa-mãn nhu-yếu của giác-quan. Chỉ một buổi ăn sáng, Fleming viết cẩn thận như thế này :

«James Bond dùng điềm tâm. Bữa ăn quan-trọng đối với chàng. Khi chàng sống ở Luân-Đôn, bữa ăn ấy diễn ra theo một nghi-lễ không thay đổi. Điềm tâm thường là cà-phê đậm, thứ cà-phê hiệu De Bry mua ở phố New Oxford lọc trong một bình Hoa-Kỳ. Bond uống từng tách lớn cà-phê đen không đường. Trứng luộc đựng trong cúp màu xanh bít vàng trên miệng. Trứng luộc trong ba phút hai mươi giây. Trứng là thứ trứng gà giống Pháp. Rồi Bond lại xoi hai lát bánh mì mỏng, nướng chín đều, trét thêm bơ Jersey và mứt dâu loại Little Scarlet, một ít mứt hiệu Vintage Oxford của hiệu Cooper và chút mật ong Na-uy của hiệu Fortnum's. Bình và muỗng cà-phê cũng như nĩa bằng bạc hiệu Queen Anne, chén là chén sứ hiệu Minton, cùng một màu xanh đậm có vành vàng trên miệng. (*From Rusia, 74*).

Bond, sành ăn và cũng sành về cờ bạc không có lối chơi nào chàng không biết. Bond thích cờ bạc, thích cuộc đen đỏ,

thích những sự bất ngờ, thích những phút gây căng, khoái trí khi được cuộc nhưng thần nhiên khi canh tàn, chẳng quan tâm nhiều đến thành bại.

Bond còn biết tán gái, thích những cuộc đổ đên với tình. Bond là giòng dõi Don Juan và Casanova, thuộc vào hạng người bị hoành đoạt hay thác-loạn, bề ngoài có vẻ hùng nhưng thật yếu-đuối, muốn chiếm đoạt mà sợ bị chiếm đoạt, không tin-tưởng nơi ái-tình vì chỉ có kinh-nghiệm về bóng dáng và dự-phóng của ái-tình mà thôi.

Những cuộc gặp gỡ của Bond với phái nữ đều là những cuộc gặp gỡ hăng say và chóng tàn như những ván bài. Trong một truyện (*Secret Service*), Fleming đã làm cho độc-giả phải hồi hộp ít nhiều, khi được biết Bond cưới vợ. Sau khi thanh toán được cơ-sở khởi xướng chiến-tranh vi-trùng của Blofeld, anh-hùng Bond giữ lời hứa bằng lòng cưới cô Tracy, con của tên trùm Draco đã giúp cho chàng thành công. Bond đã đi chọn nhẫn cưới, đã cùng Tracy đến Tòa Lãnh-sự Anh để làm lễ, đã long trọng trả lời câu hỏi chủ-hôn với hai tiếng *Bằng Lòng*, đã được người quen thuộc tại tòa Lãnh-sự chúc mừng và đưa lên xe hoa.

Một kết-luận tươi đẹp như thế là phần cần thiết cho những tiểu-thuyết hồng, và truyện thần-tiên, và không thích hợp chút nào với thể-giới James Bond. Quyết - định quá hợp lý, quá đạo-đức của Bond như trên gây

cho độc-giả một thứ ngạc-nhiên như khi được tin Bond đã trả khí giới, không chịu ghét Smersh nữa, đã cai rượu với thuốc lá hay đã đi tu rồi ! Nết James Bond cưới vợ được thì nên cho Bond đi tu còn hơn. Vì nhân-vật ấy, thật ra, cũng đáng đi tu, sau khi đã phục-vụ khá nhiều quốc-gia và nhân-loại hết mình rồi, (5) cũng nên ăn năn những tội của mình, cầu nguyện cho những kẻ đã tàn nhẫn đối với mình và những người đồng phe phái, ăn năn sớm chừng nào tốt chừng ấy, kéo « Ngày mai thì đã trễ rồi », như một bài hát nào đó thường nhắc. Mà về phương-diện khai thác, để Bond đi tu, còn có thể cho nhân-vật thoát, sau khi chỉ vào nhà tu không phải để tiện bề hành đạo, mà chỉ cốt để khám phá một âm-mưu nào của kẻ thù, hay để cho Bond trả áo trở lại đời, vì tiếng gọi của sông núi, của đồng-bào, của giai-cấp yếu hèn bị áp bức, hay nói một cách thiết thực hơn, vì tiếng gọi của Ông M .. thượng-cấp của Bond ở sở Tinh-báo, hấp dẫn mãnh liệt hơn tiếng gọi của Thượng-Đế thường nói từ nơi xa quá với những danh-từ bóng bẩy khó hiểu.

Để cho Bond cưới vợ, thì quả thật Fleming định chôn sống Bond, hay đã phản bội Bond đi tạo một nhân-vật khác, hay là quá khờ dại không nhận thức rằng nguồn lợi tức cũng như đề tài sẽ cạn đi nếu Bond không còn tự-do để

(5) Ý này có Jacques Ouvard dùng rồi, khi tạo nên nhân-vật Tu-sĩ Boileau. Truyện trinh-thám gần đây của tác-giả này là *Frère Boileau se fâche*, Le Masque, Paris, 1965.

tán gái công khai nữa. Nhà văn Fleming không thiếu khôn ngoan, cho nên sau cùng đã giết Bà James Bond, mượn tay của người trong bọn Blofeld, hấn xả vào xe đưa cặp tân hôn. Cưới vợ được mười lăm phút, Bond đã goá vợ, cuộc phiêu-lưu tình cảm của Bond có thể tiếp tục ngay trong truyện sau.

Bon là một kẻ yêu đời mà vươn cái nghiệp giết người. Đúng ra, thì anh ta không thích làm điều ấy, nhưng khi nào cần đến, anh cũng có đủ kỹ thuật và can đảm để giết, và giết xong thì không muốn nghĩ đến nữa. Bình luận và hối tiếc không hợp với nghề nghiệp mà không ích lợi gì cho cơ-quan của mình. Thêm nữa, hối tiếc sẽ phá rầy tâm hồn (*Goldfinger*, 7). Lối nghĩ của Bond không khác lối nghĩ của mấy sát-nhân khác trong truyện. Chúng cũng giết vì sinh sống, vì bòn phận, và giết xong cũng không cần hối tiếc, vì hối tiếc thì tâm hồn không được yên, mà tâm hồn xao xuyến sẽ làm hỏng những tác-động giết người cần thiết sau đây.

Tuy thế người ta vẫn không loại được tâm hồn, không gạt bỏ được lương-tâm. Lương-tâm không để cho sát-nhân dù là chuyên nghiệp và tàn nhẫn đến đâu, yên mãi mãi được. Có những lúc lương-tâm xuất hiện bất ngờ. Sau khi giết một tên Mỹ-tây cơ lợi hại, Bond không thể tự cấm mình suy nghĩ, dù chỉ suy nghĩ trong chốc lát, và dù để đi tới kết luận hay quyết định nào.

« Phải giết nó không thì bị nó giết.

Dù sao con người khắp thế giới đều giết nhau, đều giết kẻ khác, người ta mang những thứ vi-trùng trong mình rồi thổi vào mặt kẻ khác. Người ta để cho khí độc lọt ra những nhà bếp. Người ta để hơi độc trong những nhà sửa xe. Còn bao nhiêu người đã tham gia cuộc chế-tạo bom khinh khí từ những người thợ mỏ lấy uranium cho đến những người có cổ-phần trong các công-ty khai thác ấy ? Trên thế gian này có ai mà không giết một người khác không, chắc hẳn không ai tránh khỏi dính líu với việc giết hại người láng giềng của mình.» (*Goldfinger*, II)

Ai cũng giết cả. Đạo-đức với dã man có lẽ chỉ là vấn-đề giết ít và giết nhiều, Draco, trùm của đảng cướp Union Corse đã lý luận như vậy.

Bond, một người biết giết người vì nghĩa vụ, cũng còn ngáy thơ khi trách cứ tên Goldfinger phải giết một số người mới lấy được vàng tại Fort Knox.

— Ông điên rồi chứ ? ông sẽ giết hết sáu mươi ngàn dân chúng nơi thị-trấn này hay sao ?

Nếu xét về phương-diên thật-tế, thì Goldfinger rất gần thật-tế hơn Bond. Hấn trả lời :

— Tại sao không giết ? Những người ở Hoa-Kỳ lái xe cũng giết chừng ấy số người trong hai năm.

Chính những điềm hoài nghi rải rác trong các truyện của Fleming cho thấy

tác-giả không đến nỗi hời hợt trong các luận điệu, không đến nỗi nông cạn trong tâm lý của nhân-vật bên này hay bên kia, theo thiện hay theo ác.

Cả vấn đề thiện và ác, tính-cách chủ-quan của sự phê phán, cũng đã làm cho tác giả lưu ý. Khi nói chuyện với một đồng nghiệp Pháp, tên Mathis, Bond có những ý như sau :

— Thật hay chứ ! Anh hùng Bond đã giết được hai thằng quý-tặc, nhưng khi anh-hùng Le Chiffre khởi đầu giết tên quý-tặc Bond và quý-tặc Bond tự biết mình không quý tặc chút nào, thì anh thấy mặt trái của sự việc. Gian tặc với anh hùng lẫn lộn với nhau.

Bond lại nói thêm :

— Dĩ nhiên, đây là một vấn-đề ái-quốc và làm cho mọi sự hợp với lẽ phải. Phải hay trái, cũng là nước tôi, cái luận điệu ấy có vẻ lỗi thời rồi. Ngày nay chúng ta chống cộng-sản. Đúng. Nếu tôi sinh ra năm mươi năm trước đây, thì chủ-nghĩa bảo-thủ chúng ta có hiện giờ cũng có thể gọi là cộng-sản và lúc đó chúng ta cũng được lệnh đi chống. Lịch-sử ngày nay đổi thay nhanh chóng, và anh-hùng và gian-tặc thường hay đứng nơi những phần đất biến đổi... Để làm tỏ rõ thiện với ác, chúng ta đã tạo ra hai hình ảnh tiêu biểu hai cực đoan, cái thật đen và cái thật trắng, và chúng ta gọi là Quỷ và Chúa. Nhưng trong khi làm thế, chúng ta gian lận một chút. Chúa là một hình ảnh rõ ràng, chúng ta có

thể biết từng sợi râu của Ngài. Còn Quỷ ? Quỷ giống gì ? Chúng ta không cho Quỷ một chút may mắn nào cả. Có những cách nói về thiện và lối sống lương thiện, nhưng không có Sách Ác nói về ác và lối sống thế nào để trở nên gian ác. Quỷ không có những nhà tiên-tri để viết mười điều răn dạy của Quỷ, và chẳng có đám văn-nhân nào viết tiểu-sử của Quỷ. Trường-hợp của Quỷ có phần thiếu sót. Chúng ta chỉ biết về Quỷ nhờ một mớ chuyện thần tiên do cha mẹ và thầy giáo chúng ta kể lại. Quỷ không có kinh sách để dạy chúng ta biết đến thể-chất của Quỷ, hay những dụ-ngôn về dân ác, tục-ngữ về dân ác, văn-chương bình-dân về kẻ ác, vân vân. Như thế, Le Chiffre phụng-sự một dự-định huy hoàng, một dự định thật là linh-động, có lẽ là dự định cao đẹp hơn hết. Nhờ một cuộc sống gian ác mà chính tôi góp phần hủy diệt, Le Chiffre của ta đang tạo nên một hình thức xấu xa, mà nhờ đó, chỉ có nhờ đó, hình-thức lương thiện mới có được. Chúng ta may mắn, nhờ một sự hiểu biết ngăn ngừa tên ấy, chúng kiến và đánh giá độc ác của nó và chúng ta trở dậy tốt hơn và đức hạnh hơn.

Đề đáp lại Bond, Mathis đã nói một cách mỉa mai :

— Hay lắm. Tôi rất hãnh diện về anh. Anh cần phải được tra tấn mỗi ngày. Anh nhắc tôi nhớ cần phải làm một cái gì gian ác ngay từ chiều nay. Tôi phải khởi sự liền. Tôi có vài điểm thuận lợi rồi tuy là điểm rất nhỏ, nhưng nay tôi phải hành động nhanh chóng **khi đã được**

anh soi sáng. Tôi sẽ sống một đoạn đời xinh đẹp biết bao. Nào, xem ta bắt đầu với gì ? giết người, đầu độc, hãm hiếp ? Không. Đó là thứ việc vụn vặt tuế toái. Tôi phải tra cứu Hầu-tước Sade mới được. Tôi chỉ là bé con về địa hạt này... Nhưng anh Bond ơi còn lương-tâm của ta ? Chúng ta sẽ làm gì với lương-tâm khi phạm một tội lỗi thú vị nào ? Đó là vấn đề. Mưu xảo lắm, chàng lương-tâm, và cũng xưa lắm, xưa như gia-đình đầu tiên đã sinh ra chàng. Chúng ta phải cẩn thận với lương tâm, nếu không thì chúng ta không hoàn toàn vui được. Dĩ nhiên, chúng ta phải giết lương-tâm trước, nhưng lương-tâm là thứ khó tiêu diệt. Cái chuyện không phân biệt được người tốt và người xấu, quân-tử với tiểu nhân anh hùng với gian tặc, vấn-đề chỉ khó trong trừu-tượng. Bí quyết để phân biệt nằm trong kinh nghiệm bản thân của mỗi người, dù Anh là người Anh-quốc hay Trung-Hoa. Khi anh trở về Luân-đôn, anh sẽ tìm thấy vô số Le Chiffre đang tìm cách giết hại anh hay bạn bè anh, hay đang âm mưu tàn phá đất nước anh. Anh phải giết chúng để tự-vệ hay để bảo-vệ những người thân yêu của anh. Hãy cứ đặt anh sống giữa đám người, anh sẽ thấy rằng chống trả người dễ hơn là chống lại với nguyên-tắc... (*Casino*, 109)

Lối tác-giả gieo hoài nghi trong đầu óc James Bond là một cách khôn khéo để đưa Bond từ chỗ giả tạo khuôn sáo về thật-tế phức-tạp và tế-nhị hơn.

Ngoài tài kể chuyện rất hấp dẫn, ngoài công phu sưu-tầm tài-liệu, ngoài sự hiểu biết đúng đắn thị-hiệu quần-

chúng, Ian Fleming còn có quan-niệm minh-mẫn về đời và đôi chút u-mặc đã giúp nhà văn khỏi chìm đắm trong thế-giới hắc-ám và mê ly, tuy do mình dựng nên, nhưng phản ảnh ít hay nhiều thực-trạng xã-hội hiện đại. Fleming biết nhìn mọi khía cạnh, mặt trái, mặt phải, của nhân vật hay sự kiện. Fleming là nhà sáng tác, không phải nhà tuyên-truyền. Fleming đã cho James Bond nghi đến sự hiện-diện và lý-do hiện-diện của đồng-loại với Bond bên kia chiến-tuyến, đối diện với mình, như thề những hình ảnh của mình trong một gương soi.

Khi Bond được mời qua Hoa-kỳ gặp gỡ những đồng nghiệp bên ấy, thấy sự tiếp đón niềm nở, Bond cảm động nhưng không khỏi nghi thầm : Chúng ta dĩ nhiên là bạn, nhưng cho đến... ? (*Friends, of course, in this instance, but still... — Live, 7*)

Bạn hay thù, giữa các nước với nhau cũng chỉ là vấn-đề trường hợp và giai đoạn. Các truyện của Fleming gợi lên cảm-nghi rằng đời nhân-vật tiểu-thuyết cũng như đời mọi người có thể xem như là một cuộc chơi hay một ván bài xì-lát chẳng hạn. Có thể may mắn bắt hai lá bài đều thật tốt và thắng cuộc. Có thể gặp phải bài quá nhỏ, buộc phải rút lá thứ ba, thứ tư, để cho mình thắng hay để cho mình phải oác. James Bond hay đồng-loại, người nào, phe phái nào, có thể tự phụ khoác lác cho rằng bài của mình sẽ không bao giờ oác ? Ian Fleming là một nhà văn tả chân biết tôn trọng sự thật, dù cho sự thật có chua chát, và điều đó là một ưu-điểm đáng khen.

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DẶNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY ◊ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Đường Nguyễn-Sửu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

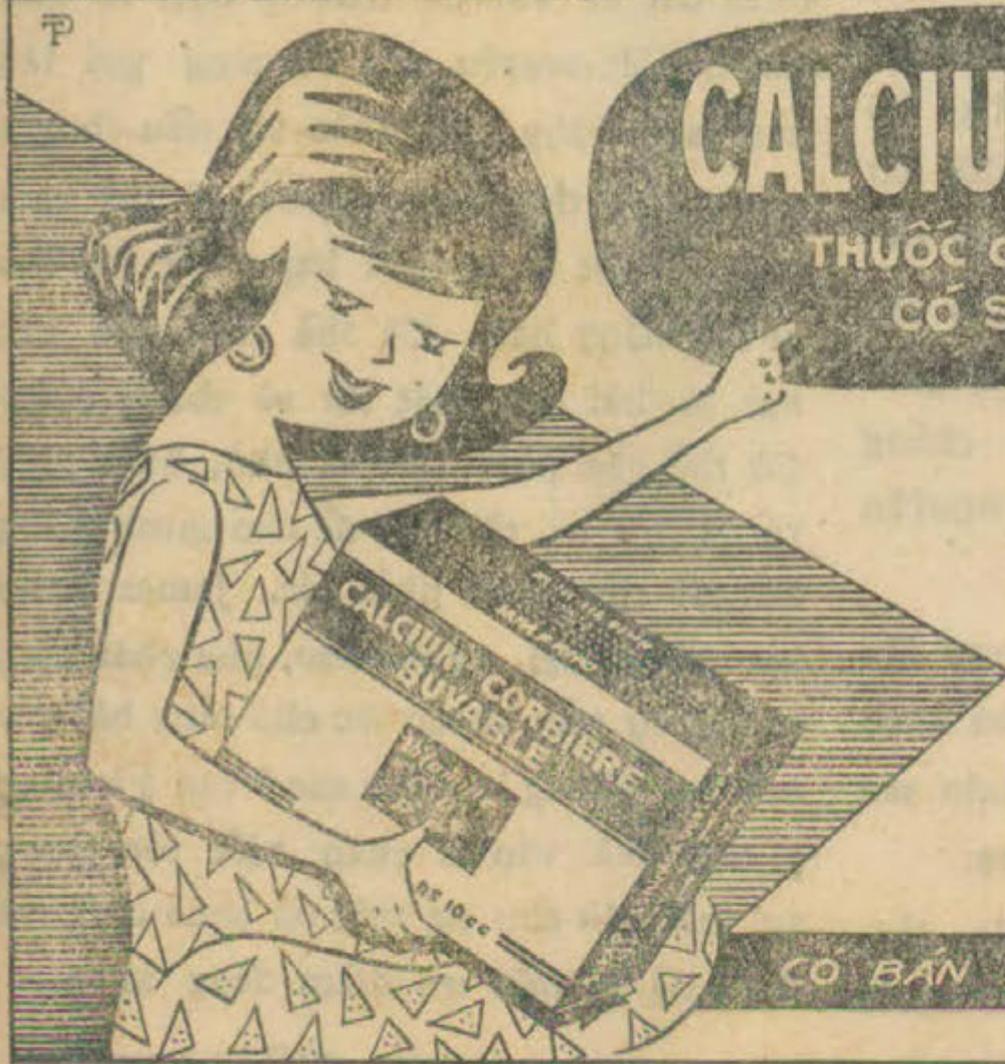
NGEI XANH đang xuất bản

Một cuốn sách? — Không một tấm lòng,
Một tấm lòng với Người, với Việc, với Non sông :

SỐNG và VIẾT với....

Nhất-Linh, Lê-Văn-Tương Á-Nam, Lê-Văn-Siêu, Doãn-Quốc-Sỹ, Đông-Hồ Sơn-Nam, Bình-Nguyên-Lộc, Vi-Huyền-Đắc, Nguyễn-Hiến-Lê, Hồ-Hữu-Tường

CALCIUM CORBIERE
THUỐC CHÍCH — THUỐC UỐNG
CÓ SINH-TỐ CD-PP



Chuyên trị:

- YẾU XƯƠNG - GẦY XƯƠNG.
- CƠ THỂ SUY NHƯỢC.
- TRẺ EM MAU LỚN.
- DƯỠNG THAI - CHO CON BÚ.

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

NHỮNG NGÀY CHƯA QUẺN

ĐOÀN-THÊM

Để giúp người ít tuổi đương muốn tìm hiểu thời-cuộc, tôi có biên soạn cuốn **Hai mươi năm qua** mà Nam-Chi Tùng-Thư xuất bản và sắp phát hành.

Trong tập tài-liệu đó, tôi đã ghi vắn tắt những việc xảy ra, từng ngày, từng tháng, từng năm, trên các lãnh-vực quốc-tế và quốc - nội, ở các địa-hạt chánh-trị, quân-sự, hành-chánh, tài-chánh, kinh-tế, văn-hóa, xã-hội... Tóm lại tôi đã trình bày một thứ niên-biểu sơ-lược và khách-quan đề tiện bề tra cứu.

Nhưng khi xét lại, và ngẫm lại, tôi thấy có những việc đáng kể rõ-ràng, vì đã có dịp quan sát đề học hỏi, hoặc đã chứng kiến nên không thể bị sai lầm hay chịu ảnh-hưởng của sách báo. Và lại, đối với nhiều sự và nhiều người, mọi xét đoán của tôi đã được thời-gian lắng dịu và gạn lọc, nên tôi không còn ngại sự nghiêng lệch mà bất-cứ ai cũng phải đề phòng.

Song dù khao khát sự thật, dĩ-nhiên tôi chỉ thấy **một vài khía cạnh**, nên chỉ có hy-vọng bỏ tức phần nào những nhận định của bao người khác cùng trẻ hay hơn tuổi tôi. Vậy xin chọn và thuật lại một số điều mắt thấy tai nghe, đã ghi từ hồi 25 tuổi, nghĩa là khi tôi đã quen suy xét việc quanh mình và khi vận nước bắt đầu biến chuyển.

Đức đánh Pháp.

Thứ bảy 2-9-1939, bạn S. của tôi tới thăm và bảo ngay:

— Biết tin chưa? Chúng nó đánh nhau thật rồi đấy!

— Tránh sao được.

Tôi nhớ đã trả lời bình-tĩnh, vì cuộc

xXx

giao-tranh Đức-Pháp đối với nhiều bạn và tôi là sự tất-nhiên, sau bao lần thấy Hitler gào thét trên báo chí hoặc màn ảnh thời-sự mà chúng tôi ham đón coi.

— Thế thì liệu sẽ ra sao?

— Sẽ được đọc báo thích hơn và xem

nhiều phim chiến-sự hay hơn phim A

'O u est, rien de nouveau (Ở mặt trận phía Tây, chẳng có chi lạ)

S. đồng ý và hỏi tôi còn giữ cuốn *La Guerre future* (chiến-tranh mai sau) để đọc lại xem có đúng hay không, những lời tiên-đoán khủng-khiếp mà một nhóm cựu-chiến-binh đã phổ biến với mục-đích cồ động hòa-bình cho nhân-loại.

Tôi bình thản không phải vì coi thường một tai-họa quốc-tế, song vì thấy đời sống quanh mình yên ổn quá, lại định ninh rằng Đông Dương xa Âu-Châu, nên chắc sẽ không có gì đáng ngại, cũng như trong thế chiến 1914-1918.

Nhưng người Pháp ở Hà-nội xem chừng hoang-mang lắm. Hàng ngày, với vẻ mặt chiêu đấm, họ chen nhau trước mấy bản tin-tức vô-tuyến dán ở cửa nhà Crédit Foncier đường Paul Bert. Song khi nghe Daladier hô hào trên màn ảnh, khối người vỗ tay tán thưởng, hình như tin tưởng vào chiến-lũy Maginot với hàng trăm cây số bê-tông, mà Thủ-Tướng Pháp cho là đủ kiên-cố để ngăn chặn xâm-lãng.

Các báo được đón mua tấp-nập, nhất là tờ *l'Entente*, song chỉ được vài tuần; vì trái với sự chờ đợi của mọi người, chẳng thấy chuyện gì giật gân. Hôm nào thông-cáo ngăn ngui của bộ Tổng-Tham-Mưu cũng chỉ nhắc lại một câu khiến cho bao người phát chán: không có chi đáng kể, hai bên đối-phương đều hoạt động (*Rien à signaler. Activités de part*

et d'autre) hoặc là: không có chi lạ. Các đội thám-thính đi tuần tiểu (*Rien à signaler. Activités de patrouille*) Thật khác xa những sự tưởng-tượng của tôi: bom dội long trời, phi-cơ bay ào-ạt để xứng vai trò mà Thống-Chế Foch đã tiên định từ 1920: không-quân sẽ làm chúa-tề ở các chiến-trường, *l'aviation sera la reine des batailles...*

Tuy-nhiên, quanh tôi cũng thấy xôn xao về việc tòng quân mà chánh-quyền Pháp khuyến khích. Một lớp huấn-luyện sĩ-quan tương-đương với lớp quân-sự trường Saint-Cyr, được mở lần đầu cho thanh-niên Việt có bằng tú-tài: một cái cách quan-trọng được hoan nghênh, vì cho tới nay, người Việt chỉ lên tới cấp quản, ách-xi-đăng (*adjudant*) là cùng. Một số sinh-viên trường Luật và trường Thuộc xin gia nhập ngành mới, rồi sau này thành Tá hay Tướng trong quân-đội VM hay VNCH.

Song dư-luận bàn tán nhiều nhất đến trường-hợp một giáo-sư thạc-sĩ VN tình nguyện đăng lính. Ông được đại-tướng Catroux, Toàn-quyền Đông-Dương gửi bức thư ngỏ khen ngợi tấm lòng thiết-tha bảo vệ tự-do, nhân-loại và văn-minh, chống xâm-lược dã-man của độc-tài Quốc-xã. Và chẳng bao lâu, thấy ông xuất bản một cuốn ký-sự bằng Pháp-văn có tả cảnh gọt khoai Tây trong trại

Hàng vạn người khác, tuy chẳng nhằm mục đích cao siêu như ông, cũng sốt sắng xin đi làm thông-dịch-viên (*inter-*

prêtes) lính thợ chuyên-môn (ouvriers spécialisés OS) hay không chuyên-môn (ouvriers non - spécialisés, ONS). Bạn NVL, một giáo-viên tiểu-học, giải thích cho tôi bộ quân-phục với mũ chào-mào của anh : sang Tây một chuyến cho biết đó biết đây, chứ cứ bị cầm chân mãi trong xứ này thì bức-bối lắm. Ý-kiến này được nhiều người tán đồng, và tôi cũng tin rằng đó là động-lực mạnh nhất đã thúc đẩy rất nhiều thanh-niên đầu quân : họ chẳng trung-thành với mẫu-quốc nào hết, chẳng theo đuổi lý-tưởng gì, nhưng muốn thoát-ly, rời cảnh tù-hãm của dân bảo-hộ bị cấm xuất ngoại, trong khi họ khao khát tìm hiểu cuộc đời văn-minh của thế-kỷ XX.

Duy cũng có những lý-do đặc-biệt như của anh NTN : sang Pháp để rồi có dịp lấy dăm, đề hành hạ cho thích, và báo thù sự khinh rẻ của "da trắng giống cái" ở bên này, và sự ngạo-nghe của "da trắng giống đực" : bọn này lấy đàn bà mình thì được, còn mình không thể làm thân với đàn - bà của họ, vô-lý quá. Thế ra tòng quân cũng là một lối trút hận và san bằng bất-công trong khi kẻ ngậy thơ cứ ngỡ là một hành-vi thân Pháp.

oOo

Pháp mất nước.

Vì tin-tức chiến-sự buồn tẻ, tôi đã chán không theo dõi. Nhưng đến đầu tháng 4-1940, Đức chiếm Đan-Mạch và Na-Uy; rồi chỉ trong hơn một tháng, các

đoàn cơ-giới Panzer vượt qua Hòa-lan và Bỉ, đẩy hơn 300.000 quân Anh ra khỏi Dunkerque, tràn ngập đất Pháp, và tới 14-6 thì ÷ vào Ba-Lê.

Bạn S của tôi nghe tin, khoái trí, hô theo lối Quốc-xã : Heil Hitler (Hitler muôn năm !) Chẳng phải là bạn yêu gì lãnh-tụ áo nâu, còn ghét bộ râu của kẻ chiến-thắng, mà anh kêu là bắt chước vụng-về của hề Charlot. Nhưng anh còn ghét Pháp hơn, và vui mừng với tất cả sự hạ-hê của người thấy đối-phương bị ngã : « cho chúng nó hết nhắng.. »

Khốn nỗi, nguyện-vọng của anh chưa đạt được. Nếu có kẻ bưng mặt khóc như viên chánh-án Paul C, thì khối viên chức và thường-dân Pháp vẫn giữ vẻ kiêu-cãnh, có lẽ còn kiêu-cãnh hơn vì mặc-cảm bị thuộc-dân phen này coi rẻ. Với những người Việt quen biết, họ tìm cách chống chế : thua thì cũng còn Đồng-Minh, còn Đế-quốc, và sẽ tiếp tục kháng chiến ở thuộc-địa, quân-đội vẫn anh-hùng, chỉ bại trận vì bọn chánh trị chia rẽ và mấy tư-lệnh bắt-lực. Một đốc công Lục-lộ thường ngồi uống rượu ở một quán đường Paul Bert; đọc tin tướng Weygand lui binh, anh ta đập bàn rơi cả chiếc ly : trời đất ơi, chỉ huy thế mà cũng đòi ! (Nom de D...! Quel Commandement ! Vous voyez ça ? Quel Commandement !).

Người Việt hóm lăm, biết thừa tâm-trạng của kẻ ngã ngựa, nhưng có khi

cũng cố ý trêu chọc, Ông tham V gặp cấp trên là một viên cai-trị, hay làm ra vẻ lo âu và hỏi thăm: thế bao giờ «quân ta» chiếm lại Paris? Hỏi mãi, đến bận thứ ba thứ tư, thì ông bị quát lại: này, tôi khuyên anh đừng có làm cái trò sở siên! (eh bien, je vous conseille de ne pas faire le malin!) nhưng ông cũng không chừa, cứ đem câu đó đi hỏi Tây khác, đề mỗi lần thấy câu thì về cười với bạn.

Kề ra cũng phải có kẻ xược như ông để bù cho những vị khéo biết gạt lệ chia buồn với quý-quan, nhân dịp tang tóc đau thương của mẫu-quốc. Đó là lời mà ông phủ M. đã ngỏ cùng công sứ, với giọt nước mắt được tin là thành-thiệt. Chẳng rõ khả-năng rung cảm có góp phần nào vào sự thăng thưởng mau lẹ của ông không, chỉ biết câu chuyện đã được chính ông thuật lại trong bản điều-trần đề tự phê bình, mà về sau ông đã có dịp viết trình đồng-chí cán-bộ coi trại giam Đầm-Đùn, nơi ông bị an trí gần một năm vì tội Việt-gian.

Còn đại đa-số người ở Hà-nội, đối với sự đại bại của Pháp, chỉ có những phản ứng liên quan đến gia-đình: Chú Ba ở Marseille, nhưng chắc khỏi phải ra trận, Tiền gửi cho cháu N. học ở Ba Lê. Chẳng biết có nhận được nữa không. Đức chiếm đóng, thì trao đổi tin tức làm sao với anh Q, ở Strasbourg? Ngoài ra, ít ai thắc mắc về phương diện chính trị, hoặc có ước đoán hậu-quả của biến cố mới, thì cũng chỉ dựa vào

quyền lợi cá-nhân: như mấy ông công-chức trẻ bàn với nhau rằng Đông Dương sẽ thuộc Hitler, vậy nên đi học tiếng Đức...

Song chẳng bao lâu, nhiều người thấy chưa có sự gì thay đổi giữa Pháp và Việt. Thống-chế Pétain, với ủy-nhiệm của Quốc Hội Pháp, đã hội kiến với Hitler, nhận hợp tác với Đức, và được tạm giữ nguyên các thuộc địa. Tháng 7 năm 1940, chánh-phủ Pháp thành lập tại Vichy, cử tư-lệnh hạm đội Viễn-Đông là Đô đốc Jean Decoux làm toàn quyền Đông-Dương kiêm Cao-Ủy tại Thái-Bình-Dương, đề thay tướng Cattroux vì tướng này sắp ngã theo phe kháng chiến do De Gaulle lãnh đạo.

Quyền thống-trị của Pháp như vậy vẫn chưa suy giảm, song tình-hình ở Pháp cũng ảnh hưởng nhiều đến cục-diện Đông-Dương. Chánh-sách Decoux phản chiếu trung thực chánh-sách Pétain và sự chia rẽ hai phe bên chính-quốc, cũng gây sự chia rẽ song song ở thuộc-địa.

Tổ-chức của Pétain phỏng theo của Quốc-Xã Nazi, suy tôn cá-nhân lãnh-tụ, lập các đoàn-thể hướng dẫn quần-chúng để thực hiện chế-độ tập-quyền nghiêm-khắc. Decoux cũng vội-vàng đặt ra các chi-nhánh của đoàn chiến-sĩ và Chi-Nguyên Cách-Mạng Quốc-Gia (Légion, Volontaires de la Révolution Nationale); Đồng-thời, còn thiết lập như ở Pháp,

các Nha Thông-Tin Tuyên-Truyền và Nha Thanh-Niên Thề-Thao là những cơ-quan chưa từng có ở xứ này, để nhắc lại phần nào những cơ-cấu của Goebels hay của Rudolph Hess. Tranh ảnh Pétain được in bán và treo trong các công-sở, trên nóc các nhà hát lớn và các tòa thị-sảnh, lại được chào trước khi diễn kịch hay chiếu phim. Mỗi lần có mết-tinh hay đại-lễ, học-sinh trường Pháp với đoàn-viên Chiến-sĩ hát vang bài Thống-chế ơi, có chúng tôi đây ! Maréchal, nous voilà ! Lời vàng ngọc của Thống-Chế được phoi trên các biêu-ngữ hay in thành sách : Thống-Chế đã nói... Le Maréchal a dit...

Kề cũng giống những « huấn-từ » ; những bài « Hồ Chí Minh muôn năm » hay « Suy tôn Ngô Tổng Thống » ; giống hình ảnh treo cao của « Bác » của « Quốc Trưởng, Chef de l'Etat » của « Chí-sĩ » ; giống tổ-chức Thanh-Niên hay đoàn cán-bộ tuyên-truyền mà các chánh-quyền từ thời Phan Văn Anh hay Trần-Huy-Liệu... đều cho là không có không xong. Chúng ta đã không quên chiếu cố cả những danh-từ vang vang như « Cách Mạng Quốc Gia », và lấy cả bịnh chia rẽ của thời Decoux ..

Decoux theo đúng chỉ-thị của Pétain, loại trừ các phần-tử thuộc chế-độ cũ mà lại có chân trong các đoàn-thể đối-lập như nhóm kháng-chiến Résistance hay hội kín Franc-Maçonnerie ; ai đã trót tham gia thì phải thú thật và hứa từ bỏ,

nếu không thì bị phạt nặng hay mất chức : « Thà mất chức còn hơn là chịu nhục », Tổng thanh-tra Lao-Động W. đã nghe lời này trong nước mắt, khi nhận được mẫu giấy kê khai thành-tích. Tuy đa-số viên-chức Pháp chẳng dám chống đối ra mặt như vậy, họ vẫn ngấm ngấm ủng hộ phe chống Đức. Hai sĩ-quan Pháp đã bị bắt ở ga Vinh-Yên, khi định trốn qua Vân Nam theo Đồng-Minh và De Gaulle ; họ nằm ép trên tấm ván gắn vào gậm một toa xe lửa, và quyết không chịu bò ra, lúc bị mật-thám dọa bắn ; họ chỉ để cho lời khỏi chỗ nắp khi đã bị thương.

Trước tình-trạng đó, người Việt nào gần gũi Pháp, biết đối xử ra sao ? Một ông Kiềm-Học thức-thời, có sáng-kiến đọc bài diễn-văn dài quá một giờ tại Nhà Hát Lớn Hà-Nội, tán dương công-đức của vị danh-tướng đã cứu nguy mẫu-quốc, và tường thuật trận Verdun với nhiều chi-tiết cụ-thể, tường chừng ông đã tham chiến anh-dũng. Đô-Đốc ban khen, và đặc-cách cho vinh thăng Đốc-Học để treo gương cho kẻ khác soi...

Nhưng kẻ khác soi, có lần được bài học nên thân. Một công-chức Việt cũng bắt chước ca tụng Thống-Chế trước mặt Chủ-Sự Pháp và Giám-Đốc Pháp, và được các cấp trên ban xuống nụ cười. Cách đó ít lâu, nhân dịp tư thăng, ông nhờ Chủ-sự đề bạt, nhân thể xin nhắc lại lòng trung-thành bất-diệt đối với Quốc-Trưởng ở Vichy. Bấy giờ Chủ-sự

mới nghĩ ý cho biết là ông bị Giám-đốc ghét lắm, vì thực ra Giám-đốc thuộc nhóm De Gaulle : nhưng có cho vàng ông cũng chẳng dám cải chính bằng cách đề cao tướng này.

oOo

Nhật sang ta.

Từ hai năm nay (1938) tôi vẫn nghe đồn rằng, do đường xe lửa Hải-Phòng Vân Nam và Hà Nội — Lạng Sơn, Pháp chở rất nhiều hàng hóa và súng đạn cho quân đội Tưởng-giới-Thạch kháng Nhật ở Tứ-Xuyên và Hoa Nam.

Rồi qua vài tờ báo Pháp không bị kiểm-duyet, mới biết Nhật đã bắt-mãn khá lâu, nhưng chưa tiện phản đối Pháp một cách quyết-liệt.

Nay Pháp vừa thua Đức, Đức lại là đồng-minh của Nhật, nên Nhật không còn ngần ngại can thiệp, trước hết theo đường lối ngoại-giao với chánh-phủ Pétain ở Vichy.

Chánh-phủ này, phần vì thân Đức, phần vì không thể từ chối, đành hứa chấm dứt tiếp tế cho quốc-quân Trung-Hoa, và thuận trên nguyên-tắc để Nhật cử người tới Đông-Dương kiểm soát chuyên-chở.

Trước sự chần-chừ của phủ toàn-quyền và Đô-đốc Decoux, Nhật tỏ rõ thái-độ cứng rắn. Không những họ đã đặt các trạm khám xét ở biên-giới Việt-Hoa, còn buộc Pháp để quân Nhật qua

Bắc-kỳ, lên Vân-Nam đánh Tàu, xử dụng các phi-trường và hưởng nhiều sự dễ-dàng khác.

Hai bên còn đương giằng co, thì đột nhiên ngày 22-9-1940, quân Nhật tràn từ Quảng-Tây sang Lạng-Sơn, nổ súng sát hại khá nhiều quân Pháp, rồi vài hôm sau đổ bộ ở Đồ-Sơn. Trong số người tử trận ở Đồng-Đặng, có trung-úy Robert Dennery, thạc-sĩ luật-khoa từ năm 25 tuổi, nói bảy thứ tiếng, dạy học giỏi và đánh dương-cầm cũng giỏi.

Các tin trên được loan truyền mau lẹ và phản-ứng đầu tiên của nhiều giới, là phen này chắc Pháp sụp đổ đến nơi, và Nhật sẽ giúp Việt thoát ách đô-hộ.

Tin-tưởng này đã khiến một số thanh niên nghiêng hẳn về phía chống Pháp. Cựu sinh-viên trường Luật, như D.Đ.H, C.Đ.L, L.N.G... liên lạc ngấm ngấm với vài nhóm chánh-trị, hoặc lên lên hoạt động ở vùng Cao, Bắc, Lạng.

Nhưng độ hai tháng sau vụ Lạng-Sơn lại nghe đồn : những đoàn thể theo Nhật bị Nhật bỏ rơi, để mặc công-sứ Pháp là Chauvet tàn sát hàng ngàn. Cuộc đàn-áp này, vài năm sau mới được chứng thực, nên dư-luận vẫn tốt đẹp đối với quân-đội Phù-Tang. Dầu sao, sự hiện-diện của họ không khiến tôi chú ý bằng thái-độ của bà con Việt Nam.

Nhiều đồng-bào hồi đó cũng như tôi vốn phục Nhật về nhiều phương-diện : tinh thần ái quốc, đức hy-sinh, năng-lực

canh tân và phát triển, chiến-thắng về vang trong trận Nhật-Nga 1905 v.v..

Song tôi đã từng nghe kể những sự áp-bức mà dân Triều-tiên phải chịu dưới quyền thống-trị của Nhật, lại theo dõi hành động bạo ngược của quân-phiệt Nhật tại Thượng-Hải và Nam-Kinh 1937-1938, nên tôi rất nghi ngờ thiện-ý của những người nuôi tham-vọng thôn tính toàn cõi Á-Đông.

Đã có lần tôi ngỡ ý như trên, thì vậ_i bạn cho là tôi sẵn thành-kiến hoặc bị tuyên-truyền. Chung quanh tôi nhiều già trẻ thi nhau ca ngợi Nhật, với giọng thiết-tha mà tôi sẽ chấp nhận hoan-hỉ nếu là Suzuki hay Okata.

Số chiến-hạm Anh Mỹ bị Nhật đánh đắm, trưng ở biển lớn phòng Thông-tin Hà-Nội, được nhiều đồng bào ghi nhớ và nhắc lại cho nhau với lời thán phục chưa từng nghe ở miệng những kẻ thân Pháp lâu đời. Có người còn phóng đại hoặc tưởng tượng những giai-thoại về chiến-sĩ Nhật trên các mặt trận Miến-Điện hoặc Biển San-Hô : một Nhật, sau khi dùng võ Judo hạ 100 Anh, bị vây, khó thoát, rạch bụng, lấy gan, ném vào quân thù, băng-dai Mi-ka-dô rồi mớ_i về châu thổ ; — một Nhật khác về hỏ_i Công-Sứ Pháp ở Bắc-Giang : đay bảo trồng dâu không nộp ? Sứ cúi đầu vái lạy và khất lẫn, Nhật đánh một tát, má Sứ ba ngày chưa khỏi vết lằn. Những sự phi thường đó chẳng do UPI hay BBC phóng ra, cũng không phải là con

đẻ ngây thơ của những đồng-bào chất phác, nhưng của nhiều phóng-viên, phú-thương, công-chức ở Hà-Nội.

Bà con chúng bạn của tôi mẫn Nhật như vậy, lại tin rằng một ngày gần đây Nhật sẽ làm bá-chủ Á Đông, và Nhật thù ghét Pháp nên sẵn lòng binh vực cho Việt-Nam thu hồi Độc-Lập. Bởi thế, người này đi học tiếng Nhật và quay về hán-học cùng văn-minh Á-Đông ; người khác làm quen chơi thân với Nhật, hoặc xin việc làm giúp Nhật, mong dựa vào thế-lực Nhật mà ngoi lên trên địa-hạt thương-mại hay chính-trị.

Nhiều thư-quán thuê được khá lời vì in sách bán sách học chữ Nhật. Nhiều người treo biển dạy tiếng Nhật, được chiếu cố tấp nập. Cám ơn nhau, nhiều bạn nửa đùa nửa thật, dùng tiếng *A - ri - ga - tô* thay tiếng *mer - ci*, Bộ Nho - Giáo của Trần - Trọng-Kim và cuốn *Cồ-Học* Tinh - Hoa của Nguyễn Văn Ngọc, trước kia chất đống, nay được tái-bản và bày bán ở nhiều sạp vỉa hè. Sách dạy chữ Nho, như các tập *Tân-quốc-văn* Giáo-khoa-thư được dịch và in lại nhiều lần, ngoài nhiều quyển « Hán-văn tự-học »...

Nhật kiều lú-dừ ở tiệm D-K đường cửa Đông gần gầm cầu, được vồn vã chào mời như một yếu-nhân. Thông ngôn Nhật được nề vì và hỏi han nhiều hơn công-chức sở Pháp, nhất là khi ông cho biết là có liên lạc với Hiến-Binh

Kempetai : chẳng khác gì mấy thầy Thông được gọi là quan-lớn, hồi Pháp mới sang bảo hộ. Một số giáo-sư tư-thục, ký-giả, y-sĩ, học-giả nuôi mộng chính-trị, giao thiệp kín đáo với các viên chức Nhật, qua trung-gian của vài thương-gia Nhật, vì còn e mặt-thám Pháp làm phiền.

Làm phiền cũng dễ, vì Pháp vẫn nắm quyền cai-trị, một sự không ngờ, hay là một sự có thật nhưng khó hiểu. Có lý nào một nước đã mất mà vẫn còn thuộc địa ? Quân đội Nhật đóng khắp Đông-Dương, đòi gì cũng được, thế mà Pháp vẫn duyệt binh, ra lệnh, dạy học, bán hàng, khai mỏ, thu thuế, cách chức, bỏ tù... Tình trạng này phi lý, nhưng mãi về sau, tôi mới tìm ra tài liệu liên-hệ để xét lại và hiểu rõ hơn.

Pháp đã chịu hàng Đức, Pétain hợp tác với Hitler, thì Nhật cũng phải nể đồng-minh mà dung thứ Pháp. Thuộc-địa Pháp, nếu phải đem nhường, lý-ưng sẽ về tay Đức, lẽ nào Nhật hót tay trên ; vả lại, cần đợi chiến-tranh kết liễu, mới có thể dứt khoát. Ngoài ra, Nhật còn bận chống Anh và Mỹ, tổ chức khu-vực thịnh-vượng chung Đại-Đông-Á, thì ôm đồm làm chi cho nhọc thêm các xứ Việt, Miên, Lào ? Nhân-viên thông thạo về Đông-Dương cũng thiếu rất nhiều. Pháp đã quen việc, thì tạm để yên cho quản trị như cũ, Nhật càng rảnh tay và đỡ mang tiếng với Đức, miễn sao Pháp cung ứng đủ nhu-cầu của quân-đội Thiên-Hoàng. Bởi vậy Nhật mới ký

với Pháp những hiệp-định và hiệp-ước 1940 — 1941 và thừa nhận chủ-quyền Pháp ở Đông Dương.

Sự duy-trì chế-độ cũng vừa tiện cho Nhật, vừa lợi cho Pháp, nhưng càng gây bất-mãn cho nhiều người Việt đương mong ước độc-lập hoặc ít ra một thể-chế rộng-rãi hơn. Pháp thừa hiểu rằng phải thỏa mãn phần nào những nguyện-vọng bình-đẳng hay tự-trị mà cả thiểu số các người Việt được tin cậy như quan-lại lão-thành, cũng không còn ngần ngại bày tỏ đôi khi. Đề mua chuộc những giới tân-tiến và thanh-niên, Decoux đặt ra những ngạch hành-chánh và chuyên-môn bản-xứ và cho hưởng những quyền lợi gần như của nhân-viên Pháp có điều kiện tương đương; ngoài ra, còn dự định tái lập chức Kinh-Lược Bắc-Kỳ để giao cho Thượng-thư Phạm-Quỳnh, với nhiệm vụ quản trị quan-lại, và cho cảm tưởng là áp dụng đúng hiệp-ước bảo-hộ 1884.

Song những cải-cách nửa chừng theo một quan-niệm chật hẹp, ở thời đó cũng như bất-cứ bao giờ, không công-hiệu vì chỉ hướng về thiểu-số mà bỏ rơi quần-chúng, lại dựa vào quá-khứ chớ không nhằm những sức mới đương lên. Nên trong bóng tối, các nhóm quốc-gia và cách-mạng càng gắng tìm phương-tiện giải phóng dân-tộc. Nhưng khi đó, tôi vừa rời khỏi nhà trường, chưa quen biết những phần-tử tranh-đấu, chỉ được nghe đồn xi-xào về những hoạt-động thầm kín của Phục-quốc-hội, Quốc-Dân-Đảng hay Đại-Việt Dân-Chính. Tôi chẳng

biết thế nào mà tin, bởi vậy tôi chú ý hơn đến những việc xảy ra trước mắt.

oOo

Sự có mặt của Nhật-Bản, buổi đầu không gây xáo trộn nào đáng tiếc cho đời sống hàng ngày của dân-chúng Việt Nam.

Họ quen nếp giản-dị hoặc khắc-khổ, chẳng những nhiều ai, nhưng cũng không thân thiết với ai. Không thấy trẻ thơ lẻo đẻo theo sau quân-nhân xin tiền, kẹo hay thuốc lá mà họ cũng chẳng có; không thấy mọc ra tiệm nhầy hoặc phòng trà, tuy phòng trà ở xứ họ nổi tiếng khắp hoàn-cầu; không thấy người kéo xe cao-xu bỏ đồng-bào để tranh chở họ, vì họ đi bộ hoặc dùng xe vận-tải nhà binh...

Vả lại, họ không có dáng vẻ tươi cười để thu hút tình-cảm : phần đông chỉ trùng-trục huỳnh-huých, hoặc grom dài lê-thê. Ở các nơi họ đóng, ngay giữa thành phố Hà-Nội hay Hải phòng, lính đứng canh, mặt hầm hầm, tay lăm-lăm cầm ngang khẩu súng như sẵn sàng nổ đạn. Đôi khi binh sĩ đề cho xem tập dượt đấu võ, cầm gậy hay kiếm vừa phang nhau vừa la hét, trông dữ-dội và nghe rùng-rợn.

Hễ thấy nhà nào có ván hay cốt che hàng rào, thì biết ngay là có Nhật. Hồi đó, chẳng ai ném lựu-đạn hay gài mìn định hướng; nhưng họ không muốn ai dòm ngó : cần mật là đặc-tính của giống Phù-Tang, trái hẳn với ba-hoa là thói quen của nhiều dân Pháp. Pháp uống rượu vào

thì giữa tiệm ăn cũng thốt ra nhiều điều cần giấu, đến nỗi sở Thông-Tin phải cho dán ở những nơi công-chúng ra vào một mảnh giấy in lời căn-dặn : Thống-Chế đã nói : ngậm miệng cũng là phục vụ (Le Maréchal a dit : se taire, c'est servir). Còn như Nhật, thì đố ai đoán họ ẩn ý gì sau nét mặt lạnh như tiền, trơ như đá ? khó lòng theo dõi hành tung của họ; quân xa chở lính qua lại suốt ngày, chẳng biết đi đâu, cùng một số làm nghi binh hay đã tăng nhiều ? Mãi đến 1945, khi Đồng Minh sang giải giáp, mới rõ quân số Nhật ở Đông Dương vượt quá... 1 triệu.

Hơn một triệu người vạm vỡ, không có đồ hộp mang theo, lại ăn cơm thì biết bao nhiêu gạo cho vừa ? Nên một trong các điều khoản cốt yếu của hiệp ước Pháp — Nhật, là Pháp phải cung cấp cho quân đội Nhật đủ số thóc gạo cần thiết. Pháp liền bắt dân quê đem nộp ngay sau mỗi mùa, nhiều ít theo số ruộng canh tác. Sự nộp thóc là một lệnh gắt gao, mà các cấp thừa hành phải buộc dân tuân bằng đủ mọi cách ; đối với các ông Huyện ông Phủ thời đó, việc này khần bách hơn việc giữ đê chống lụt. Giá thóc lên cao, gạo bị khan hiếm, chánh quyền Pháp phải đặt lệ phát thẻ phân phối cho mỗi gia đình ở các thành phố : trước còn được 15 kí, sau rút xuống 12 kí, rồi 8 kí cho mỗi người mỗi tháng. Tới giữa 1944, nạn đói kém đã đáng lo ngại.

Một hậu quả nữa của sự chiếm đóng

Đông Dương, là các cuộc oanh tạc của phi cơ Đồng Minh. Máy bay Anh Mỹ tới thăm viếng Bắc-Việt từ giữa 1942, mới đầu một tháng dăm lần, nhưng số phi-vụ càng ngày càng tăng, trước còn do thám, sau bắn phá và ném bom. Các cuộc tấn công chỉ nhằm những nơi có Nhật đóng, song cơ-sở Nhật rải rác trong các thành-thị và ngoại-ô, nên sự thiệt lây đôi khi khó tránh ; tỉ như vụ ném ga xe lửa Gia-Lâm và Hà - Nội, cuối 1943 : hơn ngàn người chết và bị thương, ở các làng phụ cận như Lương-Yên Lương-Sử. Các trục giao thông bị phá cũng nhiều, nhất là đường xe lửa Hà-nội — Saigon, nên gạo Nam khó tã ra Bắc, than Bắc khó chở vô Nam.

Ở Hà Nội, giới hữu quyền tổ chức phòng-thủ thụ-động (Défense passive) lập những đoàn cứu-thương, bắt đào hầm trú-ẩn trên các bãi đất trống hoặc cho xây trong các vườn tư, và đặt còi báo động tại nhà máy đèn, nhà hát thành-phố. Chắc nhiều người hiện nay còn nhớ những cảnh ngừng sống, mỗi khi còi rúc mấy hồi u-ú. Xe cộ phải dừng ở gốc cây, người đi bộ đồ xô xuống hầm hoặc chạy vội về nhà, các cửa tiệm đóng sập... Chỉ trong vài phút, phố phường im lặng, hoặc tắt phụt đèn chìm vào bóng tối nếu phi cơ tới ban đêm. Những bận đầu, dân chúng còn sợ hãi, lâu dần quen đi, ngồi ì trong nhà, ít ai chịu ra hầm, vả chăng hầm đề lâu ngày cũng đầy rác hoặc sũng nước mưa. Chỉ những người qua lại các bến phà, hoặc đi xe đò ban ngày mới ngại

vì dễ bị đạn hay ít ra cũng hoảng hồn khi nghe tiếng ình ình để nhận của Liberator hoặc B24. Bực nhất, là chẳng may ở gần nơi Nhật đóng, vì phi cơ Mỹ vù qua, lính Nhật hay bắn tỉ tạch vài phát súng tay, để bị trả lại hàng tràng liên-thanh : cũng vì thế, mà nóc viện bảo tàng Maurice Long ở Đấu Xảo Hà Nội, đã bị tan tành trong giây lát.

xXx

Bom đạn, thóc cao gạo kém, nạn đói đe dọa, đã khiến dân chúng nhất là ở thôn quê, oán thán cả Pháp lẫn Nhật và chế-độ một cõ hai chòng. Hoàn-cảnh và tâm-trạng đó đã hun đúc ngấm ngấm những sức chống đối đương chờ ngày nổi dậy...

Đ.T.

Kỳ tới : Nạn đói Ất Dậu ; Nhật đánh Pháp ; Các biến cố khác...

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài "Nạn lạm phát trên thế giới hiện nay" của Đoàn Thêm đăng trên BK.TĐ. số trước (227 ngày 15-6-66) trang 27, cột 2, nhiều chữ *lạm phát* đã sắp lằm thành *lạm pháp*.

Xin quý vị độc giả vui lòng sửa lại giùm cho và trân trọng cáo lỗi cùng tác giả.

ĐIỂM SÁCH

Tác phẩm : **Lược khảo văn-học II**

Tác giả : **Nguyễn Văn Trung**

Nhà xuất bản : **Nam Sơn — 1965**

● LỮ-PHƯƠNG

Lược khảo văn học II là tác phẩm biên khảo văn học thứ ba — sau *Xây dựng tác phẩm tiến thuyết* và *Lược khảo văn học I* — của Nguyễn Văn Trung, một tác giả trong những năm gần đây thường lưu tâm đặc biệt đến khoa lý luận văn học, môn học có chủ đích đặt những vấn đề cơ bản cho sáng tác cũng như cho phê bình văn học. Tác giả vốn là một giáo sư đại học, nên tác phẩm này cũng như hai tác phẩm trên đều là những bài giảng cho sinh viên dự bị Văn khoa đem in lại. Hiểu nguồn gốc này và thấy các tác phẩm trên xuất hiện cách nhau không lâu, các sinh viên Văn khoa sẽ có dịp tin tưởng rằng vẫn có nhiều giáo sư Việt Nam không quên đại học là một trung tâm nghiên cứu hơn là một nơi dưỡng lão cho những ông già năm bảy năm liền vẫn nhai đi nhá lại những món ăn hầu đã lên mùi. Nhưng đó chỉ là những cảm nghĩ có thể có của các sinh viên ; đối với độc giả ở ngoài đại học, thì vấn đề quan trọng ở đây là

xét xem đâu là chủ điểm của tác phẩm cũng như tìm xem đâu là những cống hiến mà tác giả đã mang đến cho sinh hoạt văn chương của miền đất này.

● 1. — Nội dung tác phẩm gồm có ba chương. *Chương thứ nhất có chủ đích tìm hiểu đặc tính cùng khả năng của ngôn ngữ văn chương*. Theo tác giả, ngôn ngữ văn chương khác với ngôn ngữ hàng ngày ở chỗ nó không gắn liền với việc làm, dẫy vào hành động, nhưng « đưa chúng ta vào tình cảnh nghịch lý : nó vừa nhằm thể hiện một cảnh đời như sống thực, đồng thời như vừa che dấu, hư vô hóa cảnh đời đó » (t. 63). Nói thể khác, ngôn ngữ văn chương không gọi nhắc một thực hữu nhưng đưa về một *tượng tượng*. Muốn thưởng thức, do vậy cần phải có một thái độ mà Sartre gọi là « *ngụy tín* » (mauvaise foi), nghĩa là « giả vờ tự lừa dối, rồi cuối cùng tìm là thật sự tự lừa dối » (t. 64). Thái độ ấy có được là do nhà văn biết khai thác triệt

đề cái khả năng phù phép của ngôn ngữ để cấu tạo nên một vũ trụ chặt chẽ của người và vật ở trong tác phẩm. Và chính cái tinh cách xây dựng giả tạo này đã khiến tác giả chấp nhận quan điểm của Michel Butor, Merleau Ponty — quan điểm có thể thu gọn trong câu nói của Mallarmé « *Hễ khi nào có cố gắng về bút pháp là có thi pháp* » (Chaque fois qu'il y a effort sur le style, il y a versification) — để không thừa nhận sự phân ranh hẳn hoi giữa thơ và văn xuôi như Valéry, Breton, Sartre coi ngôn ngữ thơ có giá trị tự tại hoặc như nhóm Xuân thu nhã tập coi thơ như một thứ tôn giáo siêu việt. Sự kiện chứng minh cho sự xóa bỏ phân biệt trên là thơ đã từ chỗ gò bó trong khuôn luật dần dà trở nên cởi mở mà đến gần văn xuôi hơn — như thơ tự do chẳng hạn ; ngược lại, văn xuôi ban đầu thường lỏng lẻo sau cũng phải tô sức và xây dựng lại ; và như vậy cả hai đều có thể gặp nhau trên một giao điểm nghệ thuật định nghĩa như một nỗ lực của con người cấu tạo bằng kỹ thuật và tưởng tượng. « *Vậy bất cứ bản văn nào dù không xây dựng theo một quy ước nhất định vần điệu v.v... vẫn chứa đựng tính chất thơ. Thơ văn là một. Văn có tính chất thơ, Văn là thơ và ngược lại!* » (t. 65). — Về khả năng của văn chương căn cứ vào quan niệm cấu trúc trong ngữ học của Ferdinand de Saussure, tác giả đã đi đến kết luận « *trong ngôn ngữ văn chương, nhà văn là người phải tạo ra nghĩa mới bằng cách ghép nối, liên kết, phối hợp mới vượt khỏi những nghĩa đã*

có sẵn. » (t. 71) ; bởi vì theo Saussure, « *mỗi chữ chỉ có nghĩa nhất định khi được ở trong một câu và do đó trước khi được đặt vào trong câu, chữ tiếng chưa có nghĩa nhất định, còn vô định trống rỗng, hazy còn ở tình trạng chờ đợi « triển hạn » theo một kiểu nói của Merleau Ponty* » (t. 68). Làm văn là sắp xếp những công trình mới mẻ ngôn ngữ ấy vậy. Quan niệm về « cơ cấu » ấy đã khiến tác giả đi xa hơn trong việc tìm hiểu khả năng của ngôn ngữ văn chương, cho rằng « *những tiếng, những chữ, câu, nghĩa của câu như sống một cuộc đời phiêu lưu vô định, giang hồ, luôn luôn trên đường, có dừng lại ở một tổ chức nào thì cũng chỉ là tạm thời, rồi lại lên đường chờ đợi được đón nhận trong những tổ chức tương lai chưa thành hình* » (tr. 79). Tinh cách này làm cho văn chương mang trong bản thân nó một khả năng đặc biệt khác là sự hàm hồ. Nhà văn muốn nói ra một chủ ý, nhưng không nói ở trong chữ viết mà lại nhờ những dấu hiệu ám chỉ một cách gián tiếp. Ngôn ngữ ám chỉ gián tiếp này, nếu một phần làm cho văn chương có được cái hứng thú độc đáo thì chính đó lại là đầu mối của bao nhiêu là sự hiểu lầm, bởi vì « *một đặc tính của dấu hiệu là sự hàm hồ. Hàm hồ chính vì dấu hiệu đưa về một ý nghĩa không trực tiếp bày tỏ, cho nên hàm hồ là nguồn gốc của những ngộ nhận... Sống một cuộc đời bằng dấu hiệu ! Tình cảnh đó tạo ra những say mê thú vị tìm kiếm, đồng thời cũng tạo ra những bi kịch ngộ*

nhận. Dấu hiệu! đó là một trong những điều làm nên sự cao cả hay làm than của con người ở đời và sống với những người khác» (t. 82)

Chương thứ hai bàn về ngôn ngữ kịch. Về vấn đề này, theo tác giả, điều quan trọng là phải tìm « yếu tính » của kịch, nghĩa là tìm những yếu tố trời bắt và thường hằng của nó để phân biệt với những ngành nghệ thuật khác nhất là với văn chương. Theo tác giả, kịch đòi hỏi hai điều kiện cơ bản : 1 — động tác của diễn viên, 2 — thiết yếu cần có người xem tham dự ; vì lẽ kịch dựng nên không phải để đọc nhưng là để xem. Chính hai điều kiện này đã đưa tác giả đến nhận định « tưởng là kịch thuần túy nhất » (t. 129). Và cũng do tiêu chuẩn trên để thăm xét so sánh các bộ môn kịch dị biệt tác giả đã cho rằng kịch truyền thanh cũng như kịch truyền hình thiếu hẳn những điều kiện trên. Tác giả cũng không chấp nhận một danh từ mới của một vài nhà văn Việt Nam gần đây là tiểu thuyết kịch ; bởi vì đó chỉ là sự vá víu vô nghĩa giữa hai ngành khác biệt (tiểu thuyết viết cho một độc giả cô đơn còn kịch diễn ra cho nhiều người dự) biểu hiện cái nghèo nàn của sân khấu miền Nam. Cũng từ những tiêu chuẩn đó, tác giả đã cho rằng cuộc tranh luận của các tác giả Tây Phương xem kịch là văn chương hay là trình diễn là một cuộc tranh luận bế tắc vì đó là một thứ chủ nghĩa cá nhân tranh giành sự quan trọng của vai trò người viết hoặc người

dàn cảnh. Nhưng nếu đứng ở lập trường tập thể coi « tất cả (tác giả, nhà dàn cảnh diễn viên...) đều là công trình tập thể hoặc tham gia góp ý kiến xây dựng, hoặc tích cực tiếp thụ những ý kiến của người khác trong tinh thần trách nhiệm chung và với ý định phục vụ quần chúng, nghệ thuật, thì không còn vấn đề ai trọng ai khinh nữa » (tr. 132). — Sau khi giới-thuyết cũng như hạn-chỉ lĩnh vực kịch, tác giả bàn về những phạm trù kịch cùng các quan niệm sâu khấu. Tác giả kể tới cái bi đát thường có trong kịch cổ điển Hi-lạp biểu hiện sự bất lực của con người trước định mệnh, cái khôi hài gồm có cái cười chia rẽ căm thù, cái hài hước có tác dụng đoàn tụ lành mạnh nhiều khi rất cần cho những kẻ tu tri. Ngoài ra còn có cái bi đát khôi hài trong kịch của Ionesco và Samuel Beckett cười người và đời nhưng cũng chính cười ngay cái sự phi lý nghèo nàn trong kiếp sống của mình, còn có quan niệm kịch phê phán và thực tiễn của Bertolt Brecht với lối trình diễn tách rời độc giả khỏi chuyện kịch để nhận định phê phán mà phần nhiều đề tài đều nhằm bày tỏ những khổ đau của con người trong những chế độ phát xít bạo tàn và tư bản bóc lột...

Chương thứ ba có chủ đề tìm hiểu mối tương quan giữa văn chương và chính trị, có thể ghi nhận ở hai điểm như sau. a) Trước hết, ta thấy tác giả đã cổ xúy cho một nền văn chương gắn liền với chính trị và xã hội. Theo tác giả, hành tá^c

viết văn tự thân nó đã bao hàm ý nghĩa viết *cho* người khác rồi: tác phẩm viết ra cốt đến tay người đọc chớ không phải để nhét vào xó tủ. Đàng khác, quần chúng ngày nay lại có sức cưỡng chế lớn lao, bắt nhà văn phải lưu ý tới họ; từ vị trí mình, nhà văn lại thấy mình cũng liên đới với đồng loại trong những cảnh huống chung của vận mạng con người; do vậy thờ ơ với những vấn đề chết sống của nhân loại ngày nay như chiến tranh, nghèo khổ, áp bức, bất công... là một thái độ tự gạt lừa thiếu trung thực. Ý thức được nhiệm vụ làm người của mình, nhà văn không thể nào làm khác hơn là đứng về phía đám đông quần chúng, dùng văn chương tố cáo những thống khổ mà hàng tỉ người thấp cổ bé họng đang gánh chịu âm thầm. Vì đó mà chúng ta thấy tác giả chống đối tất cả những hình thức đào thoát thực tại trong văn chương, dù đó là những bài thơ than mây khóc gió hay thứ văn chương "phi chính trị" kiểu Robbe Grillet; bởi vì trong những nước chưa có tự do chính trị thì quan niệm văn chương của Goytiolo, một nhà văn Tây Ban Nha, còn cần thiết trong vai trò hướng dẫn quần chúng bằng thông tin và tranh đấu. b) Nhưng có phải chủ trương như thế, tác giả đã gán cho văn chương cái sức mạnh vạn năng thay đổi được thực tại cuộc đời? Tác giả không tin tưởng điều đó. Duyệt qua cuộc tranh luận văn học giữa hai phái « vị nghệ thuật » và « vị nhân sinh » ở Việt Nam vào khoảng 1935-1936 để thấy sự

bế tắc của nó là tách rời văn chương khỏi chính trị thành hai lãnh vực rồi xét xem chúng có tương quan với nhau không; tác giả dừng lại hơi lâu nơi chủ trương văn nghệ « dẫn thân » của Sartre — vốn coi bản chất của hành động viết văn (nhất là ngôn ngữ văn xuôi) là đụng chạm tới ngay *ý nghĩa* vốn bao giờ cũng gắn chặt vào thực tại — nhưng lại thấy cái bất lực đến thành ảo tưởng của chủ trương này. Bởi theo tác giả, đó chỉ là những « lời nói suông » không thay đổi được gì cái nhớp nhúa của thế giới khốn khổ nghèo đói ngày nay. Nói rằng viết văn để phục vụ người nghèo, nhưng người nghèo chìm đắm trong cơm cháo nhọc nhằn thì giờ đâu mà thưởng thức; rốt lại chỉ tới tay bọn no cơm ấm cật mà thôi — bọn này vừa hưởng thụ lại vừa có thể lợi dụng văn chương để quảng cáo và biện hộ cho chế độ thối nát của mình như bọn thực dân và tư bản. Thành ra vấn đề vẫn bế tắc: nhà văn dẫn thân, hoặc thành anh hề làm vui cho bọn thống trị hoặc là một tay « gián điệp nước đôi » không dứt khoát giữa tư bản và vô sản. — Nhận định ấy của tác giả thật ra không đưa ông tới chỗ nghi ngờ hoặc hoàn toàn phủ nhận tác dụng của văn chương nhưng chỉ cốt nêu ra cái giới hạn của nó mà thôi. Theo tác giả, tuy không trực tiếp đổi thay đời sống văn chương vẫn « có thể gây dựng một ý thức hay hỗ trợ cho ý thức đó khi đã biến thành phong trào vận động đấu tranh » (t. 220). Nói thế khác, nếu không có hành động của quần chúng đi

kèm, nền văn chương chính trị và xã hội chẳng ăn thua gì cả.

2.— Tóm lại tác phẩm có ba vấn đề rõ rệt: vấn đề đặc tính và khả năng của ngôn ngữ văn chương, vấn đề kịch và vấn đề sứ mệnh văn hóa. Ba vấn đề ấy có thể tách rời riêng rẽ, in thành từng tập cũng chẳng làm mất sự thống nhất của nó — bằng cứ là tác giả đã cho in chương III thành cuốn *Nhà văn người là ai? với ai* (1). Tuy vậy, qua sự trình bày giải quyết vấn đề của tác giả ta vẫn tìm thấy nhiều yếu tố tổng quát bao trùm tập sách.

Ai có theo dõi tác giả từ trước tới giờ đều thấy trước hết nơi đây sự tiếp tục một đức tính trí thức đặc biệt của ông là sự *tìm tòi mới lạ*. Tác giả đã dùng cái vốn kiến thức của mình, giới thiệu những xu trào triết học và văn học mới mẻ, hiện đại nhất của nước ngoài — đặc biệt là của Pháp — để giúp những người không đủ phương tiện tiếp xúc với sách báo ngoại quốc mở rộng thêm nhãn giới của mình. Trong *Lược khảo văn học II* này, chúng ta có thể biết một cách tỉ mỉ đầy đủ quan niệm văn thơ của cổ nhân đến lập trường của nhóm *Xuân thu nhā tập* gần đây cùng là ý kiến của các nhà văn tây phương như Valéry, Breton, Sartre, Michel Butor, bày tỏ về vấn đề này. Chúng ta còn hiểu được thế nào là quan niệm ngữ học cơ cấu của Ferdinand de Saussure mà ông Trương Văn Chính và Nguyễn Hiến Lê đã áp dụng có hiệu quả

trong khi *Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam*, lại nghe thêm biết bao ý kiến của những nhà viết kịch và dàn cảnh tranh luận xem kịch là văn chương hay là *trình diễn*, nhân đó mà làm quen với những tên Ionesco, Beckett, Brecht... vốn rất xa lạ với độc giả Việt Nam. Chúng ta còn có dịp biết thêm quan điểm của biết bao nhà văn từ xưa như Lê Quý Đôn, đến nay như các nhóm duy tâm (Hoài Thanh Lưu Trọng Lư, Lê Tràng Kiều..), duy vật (Hải Triều, Bùi Công Trùng, Trần Huy Liệu..) thời tiền chiến, bên cạnh những nhà văn Âu châu hiện đại như Sartre, Camus, Goytolo, Claude Simon, Yves Berger, Robbe Grillet... tỏ bày về sứ mệnh nhà văn. Ngoài ra, ta còn loáng thoáng nghe thấy đó đây ý kiến của một vài nhà văn miền Bắc bây giờ, như nghe tiếng vọng mơ hồ của miền đất cách chia. Người ta có thể chê trách rằng tài liệu phong phú nhưng trình bày nhiều khi rườm rà trùng điệp làm khuất hết mất ý tưởng phê phán của tác giả; nhưng nếu nhớ rằng đây là những bài giảng cho sinh viên năm dự bị thì người ta sẽ dễ dàng đồng ý rằng sự trình bày như thế lại có lợi cho việc học tập rất nhiều. Tóm lại mà nói, chúng ta có thể tìm thấy nơi đây rất nhiều điều mới mẻ để mở rộng thêm chân trời kiến thức của mình, dù không hoàn toàn đồng ý với quan điểm xét nhìn vấn đề của tác giả đi nữa.

(1) Nam Sơn — Saigon — 1965 (Tủ sách Nghiên cứu xã hội)

Nói thế không phải chúng ta không gặp được bên cạnh mô kiến-thức ấy một số *quan niệm văn học giá trị và bất lịch*. Chẳng hạn, chúng ta sẽ dễ dàng chia xẻ lời phê bình của tác giả đối với bọn thi ca siêu thực André Breton, cho đó là một *“du côn văn nghệ, vì nó chống đối mọi hình thức, quy tắc lý thuyết về mọi phương diện bằng văng tục, chửi rủa, đập phá... văng tục, chửi rủa, đập phá người khác và sau cùng... lẫn nhau”* (t. 27), hoặc đối với Xuân thu nhã tập là một *klauynh hướng tiêu biểu giai đoạn chót của một thứ văn chương lãng mạng đã đến thời kỳ tuyệt độ bế tắc. Sự bế tắc văn nghệ trên phản ảnh những bế tắc về chính trị thời đó. Những nghệ sĩ thuộc nhóm này muốn thoát li khỏi thực tế, cái thực tế chính trị “loạn bát nháo” do những mâu thuẫn của một nền thống trị ngoại bang hai mặt : thực dân và Đế quốc Nhật* (t. 35). Đối với những người làm văn học bây giờ thì lời phê phán này còn xác đáng hơn, bởi vì chúng ta còn có thể chép y nguyên những giòng chữ này — trừ việc đổi tên đổi họ — để mà gửi tới bọn tự xưng là ý thức nhất của cái nền văn học Ngô triều ốm đau đang còn lây lất tới bây giờ. Cao hơn nữa, người ta còn có thể học tập được tinh thần tiến bộ của tác giả qua chương 3 bàn về sứ mệnh nhà văn. Ta biết rằng, tuy cùng bàn về một vấn đề mà hầu như tác giả đã phủ nhận hoàn toàn thái độ tiêu cực trong *Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết* gán cho nhà văn vai trò viết *“như ve kêu nắng, quốc kêu hè*

không còn rung động được trước cái khổ đau của đồng loại; ta còn không thấy tác giả giao cho nhà văn cái sứ mệnh *“nhìn đời như một bi kịch”* trong *Lược khảo văn học 1* vốn cũng chỉ là cái lương tâm khốn khổ của một lớp trí thức phân hóa cô đơn và xa lìa dân tộc. Ta cũng không còn thấy tác giả hăng hái tách rời văn chương khỏi luân lý như độ nào nữa, nhưng lại nghe thấy luận cứ thiết tha và mạnh mẽ của tác giả thúc đẩy văn chương nhập thế chống đối cường quyền bạo lực hướng về xây dựng công bằng dân chủ cho đông đảo những con người bị áp chế từ lâu. Vì vậy, quan niệm tốt đẹp về văn học ấy còn là một *quan niệm tích cực về đời nữa*. Cuộc sống này chật chội những bịp lừa trắng trợn tràn ngập đói rách bất công, đầy dẫy những khổ đau do chiến tranh li loạn; đó là những sự thật quá đổi lớn lao mà chỉ có bọn trùng sâu mới cam đành nhắm mắt bỏ qua. Không phải tác giả không biết rằng chẳng ai có thể cấm nhà thơ thở than cho lá úa hoa tàn hay giai bầy trò đau ngực iê; nhưng tác giả chỉ muốn *“tôn trọng những giai đoạn, cái gì cần làm trước thì làm trước”* (t. 228) đấy thôi; nói như thế tức là cho rằng trong lúc dân chủ còn phải bỏ nhiều xương máu để tranh thủ, công bằng đang là những danh từ đau ốm ho hen, và cách mạng thì bị hiếp dâm trắng trợn, và trong lúc mà cả dân tộc đang quần quai rên xiết vì bom đạn, ngòi đó mà nói các truyện *“siêu hình siêu ảnh”* thì làm sao

tránh khỏi bị đời nguyên rủa là lũ vô loài. Quan niệm của tác giả có thể tiêu biểu cho một tầng lớp trí thức đang « bưng con mắt dậy » sau những giấc ngủ mê man trong ảo vọng đề nhìn thẳng vào thực tại cuộc đời dân tộc đang kêu đòi *cách mạng xã hội* tranh đấu thoát li sự khống chế của ngoại bang đem về quyền sống đích thực cho đông đảo quần chúng cần lao nghèo đói khắp miền đất nước này - cái thực tại mà lũ bạo tàn còn đủ thông minh để nhận ra nhưng vì bị quyền lợi cá nhân làm khuất lấp, tự ái che mờ, nên chỉ hô hào bằng những ngôn từ to rỗng mà tước bỏ đi mất cái nội dung thật sự. Quan niệm văn học của tác giả còn đến gần sự thật rất nhiều khi tác giả đã nhìn thấy cái giới hạn của văn chương, đánh tan ảo tưởng của bọn cuồng tin văn nghệ hơn kém từ túy óc mà lại thích tuyệt đối hóa văn chương như giá trị siêu việt cuộc đời, bởi vì tự thân nó, văn chương chỉ là thành phần của một toàn thể sinh hoạt trong một xã hội nhất định với những nhu cầu đặc biệt do nhiều cơ cấu chặt chẽ khác nâng đỡ. Ý thức được cái giới hạn ấy, nhà văn sẽ học được tính khiêm nhường để từ bỏ ảo ảnh cứu rỗi cuộc đời được bằng lời nói - nhất là lời nói văn chương trong những xã hội chưa có dân chủ tự do - để hiểu rõ rằng lời nói phải đi đôi với việc làm, hoặc là gây ý thức cho cái sinh thành, hoặc là hỗ trợ cho cái ý thức đang có đề vận động thúc dục người người châu quần quanh lẽ phải hướng về tranh đấu cho đời sống tốt lành hơn. Và nếu

chấp nhận lập trường của tác giả, chúng ta có thể tự hỏi rằng trước sự kêu đòi mãnh liệt của quần chúng ngày nay, các nhà văn của chúng ta đã đến lúc từ bỏ con đường u mê tăm tối để trở về bắt gặp cách mạng xã hội đang cuồn cuộn dâng ngập cuộc đời chưa?

(còn tiếp một kỳ)

LỮ PHƯƠNG

SÁCH MỚI

Bách Khoa vừa nhận được

— **Tuổi thơ**, tập truyện của Lương Thế Nam, do Sáng Tạo xuất bản và gửi tặng. Sách gồm 12 truyện và 1 phụ lục về một lối viết quốc ngữ rút ngắn và bỏ dấu. Sách dày 284 trg. Bản đặc biệt không ghi giá bán.

— **Thằng Thuộc con nhà nông** của Hồ-Hữu-Tường do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 120 trang, tập đầu trong bộ sách « Một kinh nghiệm sống », nói về giai đoạn 1910 — 1921. Bản đặc biệt không đề giá.

Đối thoại nguyệt san do sinh-viên văn-khoa Saigon chủ trương, số ra mắt Tuổi trẻ-V.N. nghĩ gì về 20 năm chiến tranh, Chủ-nhiệm: Phạm-quốc-Bảo, Thư-ký Tòa-soạn: Hồ-đắc-Tâm. Tòa soạn: Trường Đại-Học văn khoa Saigon. Mỗi số khổ 15 × 21 dày 130 trang, giá 12đ.

VŨ KHÚC BUỒN ĐÔNG NAM Á

Mai này nhớ nhau trên sàn gỗ bóng
những bước phù-du cuộc sống vô-thường
Nhạc trào lên võ căn phòng biển động
trong vòng tay diu-dặt nhịp buồn thương

Đưa em về đông hay tây
Đi em về góc bể chân mây
Nơi đâu tiếng súng vùng đông á
Đừng xé đôi tim cuộc sống này

Đưa em về bắc hay nam
Đi em vào màu tím màu lam
Nơi đâu máu đỏ vùng đông á
Đừng vấy đôi chân những bước thềm

Đi em xuống thấp ru lên cao
Đưa em vào bề rộng trời trăng sao
Nơi đâu khói lửa vùng đông á
Đừng cháy tuổi thơ thế-hệ sầu

Ngày mai tìm nhau trong lò lửa nóng
Đông nam á mê man chiến cuộc vô thường
Anh diu em trên nước non này bão động
Nhạc oà lên nức nở nhịp buồn thương

NGƯỜI HAY MÁY

SẼ CHINH PHỤC KHÔNG GIAN ?

Gemini 9 và Surveyor I

NGỌC VÂN

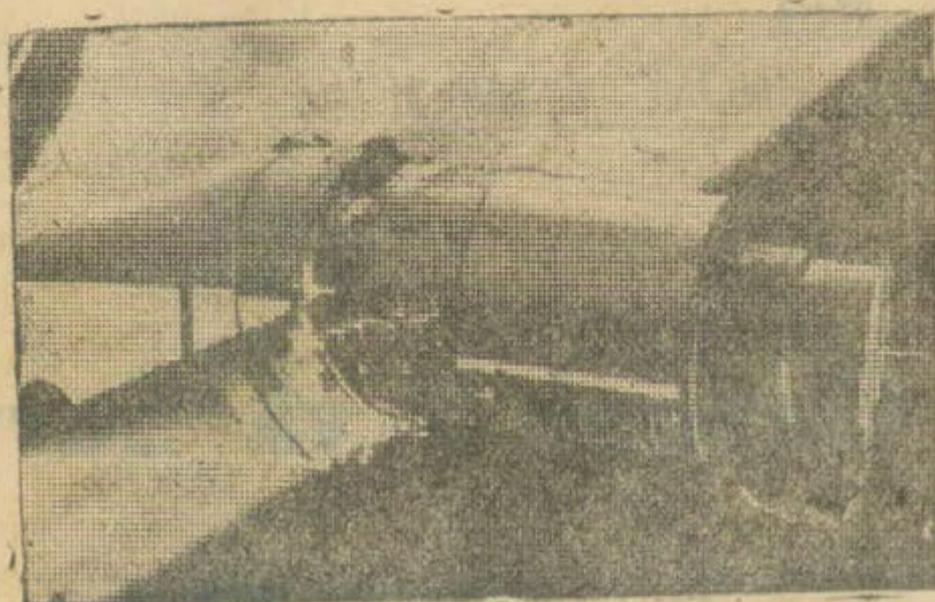
Vào đầu tháng trước, chỉ trong có vài ngày, hàng triệu dân Mỹ và Âu châu đã theo chân Surveyor I và Gemini 9, dự những pha hào hứng nhất trong công cuộc thám hiểm không gian. Surveyor I đã hạ xuống mặt trăng truyền hình về trái đất và Gemini 9, sau một phi vụ đầy trắc trở, đã nhẹ nhàng đáp xuống Đại Tây Dương ngay trước máy truyền hình và máy ảnh của các phóng viên trên mẫu hạm *Wasp*. Sự thành công bất ngờ của Surveyor I trùng hợp với những khó khăn của Gemini 9, đã một lần nữa cho ta thấy trong công cuộc thám hiểm không gian nhiều khi máy móc đã làm được những công việc ngoài khả năng tháo vát và óc tính toán của con người.

Điềm gở

Với những rủi ro liên tiếp từ lúc chuẩn bị đến lúc trở về trái đất, ngay cả những bộ óc thuần-lý nhất của người Tây-phương cũng phải tin rằng Gemini 9 là một con tàu xấu số. Ba tháng trước đây, hai phi hành gia Charles Bassett và

Elliot See, được chọn để đảm nhiệm phi vụ, đã tử nạn máy bay ở gần căn cứ. Thomas Stafford và Eugene Cernan đã được chọn để thay thế. Đáng lẽ phi thuyền đã được phóng lên vào ngày 17 tháng 5 để làm thí nghiệm ráp nối với một hỏa tiễn Agena đang bay trên quỹ đạo. Nhưng hỏa tiễn Agena dùng làm mục tiêu tập dượt, đã rời khỏi giàn phóng rồi rơi luôn xuống biển. Stafford và Cernan đã chui vào phi thuyền đợi, lại phải chui ra. Chuyển đi phải hoãn lại nửa tháng để có thì giờ hoàn tất một vệ tinh khác dân dị và sơ sài hơn để thay thế cho Agena. Vệ tinh này, gọi tắt là ATDA (Augmented Target Docking Adaptor), không chứa nhiên liệu và do đó sẽ giữ vai trò hoàn toàn thụ động trong thí nghiệm đón tàu và nối tàu trên quỹ đạo.

Lần phóng thứ nhì, ATDA đã ngoan ngoãn lên quỹ đạo. Stafford và Cernan sẵn sàng để lên theo, nhưng máy điện tử trên Gemini 9, đến phút cuối cùng, lại từ chối không chịu cộng tác, vì một lý do rất dân dị là máy bị chạm giầy. Chạm



giây là một lỗi lầm rất thông thường đối với những ai đã từng dùng điện và bất cứ ai cũng có thể sửa được. Nhưng trong khoa thám-hiểm không-gian, chạm giây đã suýt gây ra tai nạn chết người cho các phi hành gia Neil Armstrong và David Scott trong chuyến bay Gemini 8. Ngay sau khi vừa nối vào với hỏa tiễn Agena, giây điện điều khiển hỏa tiễn điều chỉnh đã bị chạm và các hỏa tiễn liền tự động khai hỏa khiến cho phi thuyền lờng lộn quay tít trong không gian. Các phi hành gia phải đợi cho đến khi hỏa tiễn cháy hết nhiên liệu rồi mới điều-chỉnh lại vị trí phi thuyền và vội vàng... hạ thủy ngay.

Kỷ lục nhớ tàu

Lần này chỉ một tiếng đồng hồ sau, máy điện tử đã được sửa lại. Nhưng vì cần phải đón ATDA trên không trung, thời gian thuận lợi để phóng phi thuyền đã bị giới hạn trong 6 phút then chốt khi ATDA bay ngang qua mũi Kennedy. Sáu phút đó qua đi, giờ phóng Gemini 9 lại phải hoãn lại hai ngày. Stafford và Cernan lại lục tục ra khỏi phi thuyền.

Và Stafford đã là phi hành gia đầu tiên phá kỷ lục thế giới về thành tích... nhớ tàu. Kề cả chuyến bay Gemini 6 trước đây, anh đã chiếm kỷ lục chui vào phi thuyền 5 lần mà vẫn không lên quỹ đạo. Lần cuối cùng, trước khi vào phi thuyền Stafford và Cernan đã nghiêm sắc mặt mà trao cho nhân viên phụ trách việc phóng hỏa tiễn một que diêm không lỗ, làm bằng một cái gậy trắng sơn vắn đỏ đầu có gắn một bóng đèn, để nhóm lửa hỏa tiễn. Cử chỉ tượng trưng có ý nghĩa kỹ-thuật của người Tây-phương vô tình đã có hiệu lực thần bí của mê tín Đông phương. Được « đốt vía, giải độc » Gemini 9 đã ngoan ngoãn bay lên quỹ đạo.

Trước mồm cá sấu

Nhưng vẫn chưa hết rắc rối. Ngay khi ATDA bay lên, đã có dấu hiệu báo có lẽ lớp vỏ bằng thủy-tinh-sợi che chở bộ phận rập nối đã không rời khỏi vệ tinh. Stafford được lệnh đến gần để nhìn cho rõ. Sau ba vòng quỹ đạo, Stafford đã thấy ATDA hiện ra trên màn radar. Bốn tiếng đồng hồ sau, Gemini 9 tiến sát ATDA

và Stafford đã nhìn thấy rõ hai mảnh vỏ bọc đã mở ra nhưng còn dính vào mũ vệ tinh, trông như con " cá sấu há mõm " đang lăn lộn trên không trung !

Căn cứ dưới đất đã cố sức " lắc " ATDA để cho cái vỏ rơi ra, nhưng vô hiệu. Con " quái vật " vẫn cứ há mõm ra như chề riều hai nhà phi hành gia cụt hứng. Nồi nóng, Stafford đề nghị cho Gemini 9 tiến sát vệ tinh rồi lấy cần đập nhẹ vào mũ " cá sấu " để cho hai " hàm " rơi ra. Nhưng căn cứ chỉ huy không chấp thuận sợ rằng có thể gây ra tai nạn rủi ro cho hai phi-hành-gia.

Lại một lần nữa, một lỗi lầm tầm thường một sơ ý của con, đã làm hỏng " đại sự ". Cả một thí nghiệm quan trọng đã phải bỏ chỉ vì bốn cái đầu giấy lòng thông ở mũ vệ tinh. Hai lớp vỏ bọc gắn lại với nhau bởi một cái chốt. Khi lên quỹ đạo, chốt này sẽ tự động nổ làm tung vỏ bọc ra. Bốn đầu giấy lòng thông có nhiệm vụ giạt đứt giấy dẫn điện tới chốt nổ để vỏ bọc rời hẳn khỏi vệ tinh. Khi sửa soạn phóng, có người thấy bốn đầu giấy lòng thông lại tưởng là thợ làm cầu thả, liền lấy băng keo dán chặt lại cho gọn. Kết quả là khi chốt nổ, đầu giấy không tung ra, không giạt đứt được giấy điện. Hai lớp vỏ bọc chỉ mở ra mà vẫn không rời khỏi vệ tinh.

Ba lần hẹn.

Với thí nghiệm nối tàu bãi bỏ, chương trình phi-vụ liền được cấp tốc thay đổi, và ba thí nghiệm đón tàu đã được đem ra thay thế cho thí nghiệm nối tàu. Thí nghiệm thứ nhất dùng

những kỹ thuật đã đem ra dùng trong các chuyến bay Gemini 6,7,8, và đã được cải thiện. Thí nghiệm thứ nhì thử cách đón tàu chỉ dùng máy tính và thước định vị tri phi thuyền bằng sao phòng khi radar trên phi thuyền bị hỏng. Thí nghiệm thứ ba, thử phương pháp đón tàu sẽ dùng cho phi thuyền Apollo đưa người lên mặt trăng. Gemini 9 bay cao hơn ATDA khoảng 13 cây số và tiến lên phía trước khoảng 140 cây số. Ở vị trí này Gemini 9 sẽ tới gần ATDA từ phía trên. Lần này cái phi hành gia gặp phải khó khăn. Từ trên cao nhìn xuống, vệ tinh ATDA lẫn vào bề mặt trái đất ở dưới nên không nhìn được rõ. Phải mất 11 tiếng đồng hồ và 15 kí nhiên-liệu mới thực hiện được thí nghiệm. Vì cố gắng quá nhiều và vì sau một đêm mất ngủ các phi hành gia cảm thấy mệt, yêu cầu được nghỉ 24 tiếng đồng hồ trước khi thi-hành thí nghiệm quan trọng thứ hai : bước ra ngoài không gian.

Ghế bay.

Sang đến sáng ngày chủ nhật, sau một đêm ngủ ngon giấc, Cernan mở cửa phi thuyền và bước ra ngoài không gian. Sau khi tháo gỡ bộ phận hứng bụi vụn thạch ngoài thành phi thuyền và gắn máy quay phim và gương phản chiếu để ghi hình ảnh, Cernan sửa soạn làm thí nghiệm quan trọng : di chuyển trong không gian. Theo chương trình, cuộc du ngoạn ngoài không gian của Cernan sẽ có hai giai đoạn. Trong một tiếng đồng hồ đầu sẽ di động quanh phi thuyền mà vẫn dính vào phi thuyền bằng một sợi dây dài 8 thước. Sợi dây này sẽ vừa

là dây an toàn, vừa là ống dẫn dưỡng khí và vừa là dây liên lạc với phi thuyền. Trong một tiếng rưỡi đồng hồ sau, sau khi đã làm quen với tình trạng lơ lửng, Cernan sẽ đeo vào lưng một bộ phận di chuyển tự động, gọi tắt là AMU (Astronaut Maneuvering Unit). Bộ phận này nặng 72 kí, có trang bị bình dưỡng khí, máy truyền tin để liên lạc với phi thuyền và có thể tự động di chuyển và điều-chỉnh vị-trí bằng 12 hỏa tiễn nhỏ phụt dưỡng khí lỏng. Bộ phận này trông tựa như cái ghế bành có hai thành ghế, thành ghế bên phải có nút điều chỉnh vị trí và thành ghế bên trái có nút điều khiển sự di-động. Với cái ghế bay này Cernan sẽ hoàn toàn độc lập đối với phi thuyền. Một sợi dây dài 38 mét sẽ được dùng để giữ cho Cernan khỏi rời xa phi thuyền nếu có xảy ra tai nạn. Cernan sẽ có nhiệm vụ thử di-động trong không gian với cái ghế bay này.

Thua đơn thiết kếp.

Nhưng ngay từ tức đầu Cernan đã gặp khó khăn. Sợi dây lòng thòng cứ quấn chặt lấy người anh như con rắn làm cản trở mọi cử động. Cũng như Ed. White một năm trước đây, Cernan phải luôn luôn cố gắng để giữ cho người khỏi bay bổng lên phía trên phi thuyền.

Sau 55 phút lơ lửng, và vào đúng lúc phi thuyền đi vào trong nửa tối của trái đất, Cernan sửa soạn đeo « ghế bay » vào người. Bộ phận này để ở phía

sau phi thuyền và được che chở bởi 1 lớp vỏ cách nhiệt. Đáng lẽ lớp vỏ bọc này phải tự động tách rời ra ngay khi phi thuyền lên quỹ đạo. Nhưng vì một lỗi lầm kỹ thuật vỏ cách nhiệt này vẫn còn đó. Cernan phải cố gắng lắm mới lôi được AMU ra khỏi vỏ bọc. Sau đó Cernan lại phải kiểm điểm lại 32 động tác để thử các hệ thống di chuyển và cung cấp dưỡng khí của bộ phận. Công việc này đòi hỏi quá nhiều sức. Vì hoạt động quá nhiều và có lẽ cũng vì thần kinh căng thẳng, Cernan thở mạnh và toát mồ hôi quá nhiều. Bộ phận hút hơi ấm của bộ áo giáp làm việc không kịp và hơi ấm đọng lại thành băng trên tấm kính che mặt của bộ áo giáp, khiến Cernan không nhìn thấy rõ gì cả. Cernan yêu cầu Stafford bơm thêm dưỡng khí vào bộ áo giáp để giảm bớt hơi ấm nhưng vô hiệu.

Thêm vào đó một thành ghế bay AMU lại bị kẹt không hạ xuống được. Cernan cố sức kéo xuống, mồ hôi lại toát ra, hơi thở lại mạnh hơn, và nhịp tim đập vọt lên tới 180 nhịp trong một phút, gấp đôi nhịp tim đập của Stafford lúc bấy giờ và cao hơn cả mức nguy hiểm đã được ấn định là 150 nhịp một phút. Stafford đã hồi hộp theo dõi Cernan từ khi bước chân ra ngoài phi thuyền, thấy bạn gặp phải nhiều khó khăn, đành phải ra lệnh bỏ thí nghiệm.

Sau 2 giờ 5 phút ở ngoài không gian

Cernan lại chui vào phi thuyền, thở hồn hèn vì quá mệt. Khi vào phi thuyền Cernan đã lúng túng tuột tay đánh rơi mất cả ống kính 16 ly của máy quay phim và một cuộn phim màu dài 24 th đã ghi các hoạt động của anh ở ngoài không gian. Anh ta vội vàng chộp với theo nhưng cả phim lẫn ống kính đã theo nhau biến vào trong không gian. Còn lại 1 cuộn thì lại bị thiếu ánh sáng, cũng trở thành vô dụng. Những ai đã chụp hình để kỉ niệm một cuộc du lịch hào hứng và tốn kém mà rốt cục đã mất cả máy ảnh lẫn phim, chắc sẽ thông cảm được nỗi bức mình của anh chàng phi hành thám mệ t này !

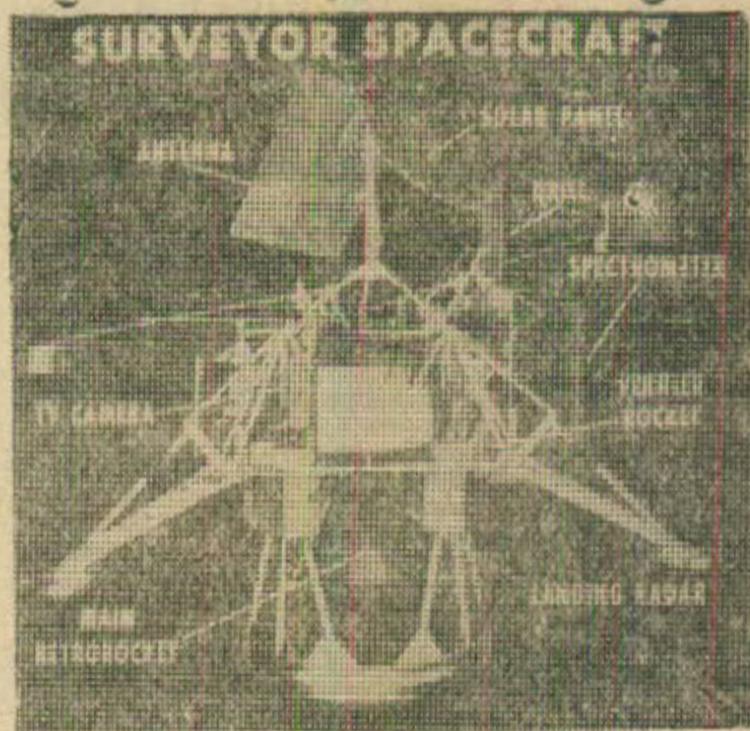
Các giới hữu trách của Cơ quan Hàng không và Không-gian Hoa-Kỳ đã cho Gemini 9 là 1 chuyến bay thành công, nhưng thực ra chuyến bay Gemini 9 so với các chuyến bay trước đã là một chuyến bay nhiều thất bại nhất. Hai thí nghiệm then chốt là nối tàu và di chuyển trong không gian đã không thi hành được. Ba thí nghiệm đón tàu đã thi hành được và đã giúp ích rất nhiều cho chương trình người lên mặt trăng. Nhưng Gemini 9 đã không thu được kết quả mong muốn.

Từ đầu đến cuối, chuyến bay đã chỉ gặp toàn chuyện không may. Ngày cả đến cuộn phim chụp hình cũng bị mất, bị hỏng. Trong khi đó ở cách xa trái đất 400.000 cây số, một bộ máy vô tri vô giác, Surveyor I, lại ngoan ngoãn gửi về

trái đất hàng ngàn bức ảnh tuyệt mỹ về bề mặt của mặt trăng. Sự thành công và chính xác của máy móc, trùng hợp với sự thất bại và bất trắc của con người, vô tình đã đặt một mối nghi ngờ khả năng làm việc của con người có thể không bằng máy móc trong công cuộc thám hiểm không gian.

Buổi đầu thắng lợi

Surveyor I là phi thuyền đầu tiên của Mỹ đáp nhẹ nhàng xuống mặt trăng để



Phi thuyền Surveyor — Các bộ phận chính

— **Antenne** : cột ăng ten ; **Solar panel** : bảng hấp thụ ánh sáng mặt trời ; **Spec trometer** : phổ quang kế ; **Drill** : khoan đất ; **TV Camera** : máy thu hình ; **Vernier Rocket** : hỏa tiễn điều chỉnh ; **Main retrorocket** : hỏa tiễn phản chiều chính ; **Landing Radar** : ra - da dùng để đáp xuống.

thăm dò nơi đáp xuống cho các phi hành gia tương lai. Thành công của phi thuyền Surveyor I ngay lần phóng đầu tiên là cả một sự ngạc nhiên ngay cho chính những người phụ-trách chương-trình. Trước khi Luna 9 đáp xuống mặt trăng và Luna 10 lên quỹ đạo vòng quanh mặt trăng, Nga đã thất bại ít nhất là 4 lần trong việc đưa phi thuyền xuống mặt trăng. Các kỹ-sư không-gian của Mỹ đã trù liệu là ít ra phải sau bốn chuyến bay mới có thể hạ Surveyor xuống mặt trăng được. Vậy mà ngay trong chuyến bay đầu tiên, chỉ cần một sự điều chỉnh nho nhỏ trong khi đang bay, Surveyor I đã ngoạn ngoạn hạ xuống mặt trăng chỉ xa nơi đã định có 10 cây số. Đó là một sự chính xác ngoài sự tưởng tượng nếu ta biết rằng tốc độ của hỏa tiễn chỉ cần sai có một mét trong một giây đã đủ khiến phi thuyền bay lạc ra khỏi mục tiêu 250 cây số.

Máy thay người

Giai đoạn then chốt nhất của chuyến bay, là giai đoạn đáp xuống mặt trăng. Chính trong giai đoạn này mà Nga đã liên tiếp thất bại với các hỏa tiễn Luna 5, 6, 7, 8. Muốn đáp nhẹ xuống mặt trăng, phi thuyền phải được hãm lại đúng lúc, đúng chỗ và đúng mức. Hãm lại sớm quá, phi thuyền sẽ đứng lơ lửng một chút rồi rơi xuống mặt trăng, hãm lại muộn quá phi thuyền sẽ xô vào mặt trăng với tốc độ quá nhanh, và sẽ bị vỡ tan nát.

Công việc điều khiển phi thuyền ở giai đoạn then chốt khó khăn này, các nhà bác học ở Jet Propulsion Laboratory đã khiêm tốn nhường cho máy móc làm cả. Họ chỉ theo dõi và điều khiển phi thuyền đến cách mặt trăng 100 cây số. Sau đó, theo một dấu hiệu radar đặt trên phi thuyền, bộ máy điện tử trong phi thuyền sẽ tự động dành lấy quyền điều khiển. Các nhà bác học chỉ còn biết bó gối ngồi cầu nguyện cho máy khỏi lầm lẫn. Ở cao độ này, Surveyor I đang lao vào mặt trăng với tốc độ 10.000 km/giờ. Muốn cho Surveyor I nhẹ nhàng đáp xuống mặt trăng, phải khai hỏa, hỏa tiễn phản chiếu đúng lúc để giảm tốc độ xuống còn có 400 km/giờ trong 40 giây. Trong khi đó máy đo cao độ và tốc độ bện nhậy trên phi thuyền cấp tốc đo cao độ và tốc độ của phi thuyền so với mặt trăng. Máy điện tử ghi nhận lấy các dữ kiện và ra lệnh cho ba hỏa tiễn điều chỉnh khai hỏa vừa đủ mạnh để giảm tốc độ phi thuyền xuống còn có 5km,5/giờ. Và phi thuyền đáp xuống mặt trăng nhẹ nhàng như người nhảy dù hạ chân xuống đất.

Surveyor 1 và Luna 9.

Với kỹ thuật này Surveyor I đã đáp xuống mặt trăng nhẹ nhàng hơn Luna 9. Theo sự ước tính của các nhà bác học Tây phương, Luna 9 đáp xuống mặt trăng với tốc độ 16km/giờ. Với tốc độ này Luna 9 đã đáp xuống khá mạnh. Sự va chạm như vậy vượt hẳn sức

chịu đựng của người và có thể làm cho máy móc bị hư hại. Vì vậy, máy móc ở Luna 9 đã được bọc trong một quả cầu kim loại có bốn múi. Chỉ sau khi quả cầu đã đứng yên rồi, bốn múi mới mở ra để máy móc làm việc. Kỹ thuật điều khiển phi thuyền của Mỹ do đó có phần tinh vi và tế nhị hơn của Nga.

Ngay đến cả phi thuyền Surveyor I cũng được trang bị kỹ lưỡng và kiên trúc tinh vi hơn Luna 9.

Surveyor I nặng 280kg trong khi đó Luna 9 chỉ nặng có 100kg. Surveyor I lại được trang bị bằng một bình điện chạy bằng ánh sáng mặt trời, có thể cung cấp điện ít ra là một tháng. Trong khi đó Luna 9 chỉ có bình điện thường, sau 12 tiếng đồng hồ đã hết điện. Luna 9 chỉ gửi về có vài chục bức hình chụp được. Surveyor I đã gửi về hơn 10 ngàn bức hình rất rõ, cho ta thấy từng vết lõm nhỏ, từng hòn đá trên mặt trăng... Cho tới nay, Surveyor I đã chịu được sức nóng 120 độ của buổi trưa trên mặt trăng. Người ta hy vọng phi thuyền cũng sẽ chịu được nhiệt độ 100 độ dưới 0 độ của ban đêm trên mặt trăng và sẽ tiếp tục chụp ảnh phong cảnh ban đêm của mặt trăng với ánh sáng phản chiếu của trái đất.

Có một điều đáng tiếc là trọng tâm của Surveyor I được tinh chỉnh vi đến nỗi khi một cột ăng-ten của phi thuyền không vươn ra hết, phi thuyền đã mất

thẳng bằng và hơi lệch xuống phía dưới một chút. Ống ảnh do đó đã không chiếu được đủ xa ra phía chân trời để có thể chụp được ảnh trái đất từ mặt trăng. Nếu không những người chán ngắm cảnh trăng lên trên mặt đất sẽ được dịp ngắm cảnh "đất lên" trên mặt trăng!

Nhưng nhiệm vụ của Surveyor I, cũng như của Luna 9, không phải là để chụp ảnh phong cảnh mà là để tìm hiểu về mặt trăng. Surveyor I và Luna 9 đã cho ta thấy là đất mặt trăng đủ rắn để chịu đựng được sức nặng của phi thuyền. Các nhà bác học Mỹ cho rằng mặt trăng tựa như một thửa ruộng, mới cày, người đi lên trên sẽ để lại dấu chân sâu độ một phân.

"Đất" trên mặt trăng có lẽ tựa như đất bồi pha lẫn các chất khác giống như cát, đá cuội và đá. Để thử xem mặt trăng có bụi không Surveyor I đã phụt ra một luồng khí nitrogène. Ảnh chụp lúc hơi phụt ra không thấy có bụi bay lên. Nỗi lo ngại cả phi thuyền lẫn phi hành gia sẽ bị chìm trong lớp bụi trăng đã hoàn toàn không phải nghĩ tới nữa.

Người thua máy.

Với kỹ thuật đón và nối tàu được hoàn bị, với thí nghiệm hạ xuống và bay vòng quanh mặt trăng thành công, công cuộc đưa người lên mặt trăng chỉ còn là vấn đề thời gian. Nhưng theo một vài kỹ thuật gia, việc đưa người lên mặt trăng hay bất cứ một thiên thể nào

khác là một công việc tốn kém và ít lợi ích về kỹ thuật. Nó chỉ có giá trị tuyên truyền nhiều hơn là nghiên cứu, bởi vì nó đã biến thành một mục tiêu quan trọng trong cuộc chiến tranh lạnh giữa Mỹ và Nga. Những cái gì cần biết về không gian và các thiên thể có thể thực hiện được rẻ hơn và chắc hơn bằng các phi thuyền tự động tương tự loại Surveyor I. Con người chỉ có thể đặt chân đến những nơi đã được máy móc thăm dò và đã bảo đảm một phần nào sự an toàn nhân mạng. Những khó khăn Gemini 9 gặp phải, trùng hợp với sự thành công mỹ mãn của Surveyor I, đã làm giảm tầm quan trọng của vai trò con người trong công cuộc thám hiểm không gian. Rồi đây, khi khám phá những thiên thể ở cách xa trái đất chỉ độ vài chục năm ánh sáng, con người giới hạn bởi cuộc đời ngắn ngủi, sẽ phải hoàn toàn trông cậy vào máy móc để thi hành sứ mạng.

NGỌC VÂN

đã phát hành :

- **THÀNH THUỘC CON NHÀ NÔNG**
của Hồ hữu Tường
- **HOÀNG TỬ BÉ** (*Le Petit Prince*) *của Saint-Evupéry*
- **NHAN SẮC**
truyện của Dương Nghiêm Mậu
do nhà ANTIÊM xuất bản

Tao đàn **SĂM - GIANG**

sắp cho ra mắt quốc dân :

- 1.— Quang - Trung **NGUYỄN - MUỆ**, người anh hùng áo vải cờ đào hay là giấc mộng lớn chưa thành của Ngự-Í Nguyễn-Hữu-Ngư
- 2.— Muồng-Tênh, của Không-Ngh; Phạm-kì-Ngôi.
- 3.— Đây, Săm giang, tuyển tập thi, văn nhạc, kịch của Tao đàn.

TUẦN NÀO CŨNG VỀ THÊM NHIỀU SÁCH HAY,
GIÁ ĐẶC-BIỆT (GIÁ 1. C.)

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẢNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính - trị, Triết - học,
Văn - học, Khoa - học, Nghệ - thuật v. v...

NGƯỜI BỆNH

• PHẠM HỮU

Hoảng nằm ngửa mặt nhìn trần nhà. Những sợi tơ nhện dăng lưa thưa ở những góc tối. Tiếng quạt máy quay vù vù. Nệm giường êm như muốn nhún xuống. Hoảng thấy thoải mái. Hoảng tưởng tượng cái cảm giác khi vùi nước tuôn trên thân mình. Những luồng nước mát rượi đi tới đâu biết tới đó. Hoảng cố xua đuổi những hình ảnh đáng thương của người bệnh mới vào sáng nay.

Hồi sáng, lúc vừa ăn hết khúc bánh mì, Hoảng nghe tiếng chân người bước dần ngoài hành lang; rồi hai người lao công khiêng một bệnh nhân vào phòng I. Hoảng không nhìn rõ như thế nào, chỉ thấy người bệnh nằm bất động, cho đến khi được đặt xuống giường. Một người con gái mặc chiếc áo xanh và chiếc quần trắng. Hoảng không nhìn rõ mặt, nhưng đoán có lẽ nàng xinh đẹp. Mái tóc cúp cúp và rối lên. Hoảng chẳng để ý gì thêm, vì cảnh một người bệnh mới vào nằm điều trị là một cảnh quá thường ở cái khu «Dưỡng Lao Viện» này. Hoảng ngả người ra chiếc ghế mây. Có tiếng người bước tới gần, rồi một bàn tay đặt lên vai :

— Anh Hoảng, anh Hoảng, có lính mới.

Hoảng quay lại :

— Học Được.

— Chiến không ?

— Chiến.

— Vậy hả ? Cho vào gia đình nhà mình được không ?

— Không biết. Anh Hoằng vào làm quen đi.

Hoằng cười :

— Thế Chung thay mặt anh làm quen không được à ? Mà này, màn thứ mấy ?

— Em cũng chả hiểu, nhưng thấy chị Minh nói, hình như là màn thứ ba.

— Vậy à ?

Giờ đây Hoằng nhớ tới cảnh đó.

Hoằng xoay nghiêng người nhìn ra cửa. Cây phượng phía trước mặt có những nụ hoa đỏ, tự nhiên Hoằng thấy nó có vẻ buồn buồn làm sao. Hoằng thể giải thích tại sao mình cứ luôn luôn bị lôi kéo vào những nỗi buồn vẩn vơ như thế. Cây phượng lá cành xum xuê, đã là chứng nhân của bao nhiêu đổi thay ở khu nhà thương lao bé nhỏ này. Đã có bao nhiêu người nằm ở đây, ba tháng, bốn tháng, bảy tám tháng, có khi hàng hai ba năm. Cứ nghĩ tới những cảnh bệnh nặng phải nằm trong một thời gian dài như thế, Hoằng bỗng thấy rùng mình. Rồi Hoằng nghĩ tới mình, gần năm trời bị giam hãm nơi đây — thời gian lặng lẽ trời thật nặng nề. Bất giác Hoằng thở dài.

Buổi chiều.

Trời thật đẹp, Hoằng chưa bao giờ quên lệ cứ mỗi buổi chiều nằm trên trên giường, nhìn nắng úa đuổi nhau trên những ngọn cây, và nghe tiếng buổi chiều thâm lặng lùa vào phòng. Thói quen đó như đã là một thành phần trong cuộc sống của Hoằng.

Bỗng nhiên có tiếng xôn xao ở phòng bên, Hoằng ngồi phồm dậy. Rồi Chung chạy sang, vẻ hốt hoảng :

— Anh Hoằng ! anh Hoằng ! mau mau nguy cấp !

Hoằng nhảy vội xuống đất, chạy theo Chung.

Người bệnh hồi sáng đang ho rũ trên giường, máu ở miệng úa ra tràn đầy nệm trắng. Những người bệnh xung quanh đang hốt hoảng cuống cuồng. Tiếng chân rối loạn càng làm cho khung cảnh đáng sợ thêm. Hoằng nhảy xổ tới. Lúc chiếc chậu thau đặt hững dưới nền gạch, Hoằng xóc ngang ngực, đặt đầu người bạn mới trên đùi mình, và nói như hét :

— Đi kêu phòng trực.

Người bệnh vẫn ho dữ. Máu chưa cầm lại được. Máu úa ra cả mũi. Mỗi tiếng ho là những tia máu bắn tung tóe. Cứ mỗi lần như thế, Hoằng lại lấy tay bịt mồm và mũi bạn. Hoằng thấy màu máu đỏ đang nóng ran trên tay,

như thân xác bạn cũng đang như muốn sôi lên trên cánh tay kia của mình. Chung quanh không một tiếng nói; và Hoằng thoáng nhận thấy có một lúc, một cô bệnh nhân đưa tay che miệng.

Hoằng phải chịu đựng sự lo sợ ấy trong phút chốc. Một sinh viên trong tấm áo trắng chạy vội vào với ống chích trên tay. Cô y tá và bà sơ chạy theo đằng sau.

— Làm sao ?

— Ra máu dữ quá, ma soeur — một người bệnh đáp.

— Đề chính thuốc cầm máu.

Khi mũi kim đâm mạnh vào mông bệnh nhân, Hoằng vội mừng như vừa thoát được một tai nạn nguy hiểm. Bệnh nhân vẫn tiếp tục ho. Nhưng tiếng ho yếu dần. Hoằng thấy mặt người bệnh nhăn lại, rồi hai tay rã ra, đặt yên trên mặt giường. Bàn tay Hoằng vẫn hờ trước cửa miệng người bệnh. Bà sơ cất tiếng nhỏ nhẹ nói :

— Hồi sáng đã làm ta hoảng.

— Nặng, thưa ma soeur ?

— Nặng lắm. Lúc xe cấp cứu đưa vào, ta đã tưởng nguy.

Hoằng chép miệng, lắc đầu, hỏi bà sơ :

— Hồi sáng cũng ra máu, ma soeur ?

— Có. Có lẽ cũng nhiều như vậy.

— Em tưởng đâu cũng thường.

— Lúc ở dưới trại cấp cứu... bà sơ thở dài, thứ dữ đây. Bị chắc lâu rồi mà không chịu chữa.

Lúc đó người bệnh đã nằm yên. Đôi mắt nửa nhắm nửa mở như không còn một chút sinh khí nào nữa. Lúc đó Hoằng đặt xuống giường để đi rửa tay, cặp môi người bệnh mấp máy như muốn nói điều gì, nhưng không ai nghe rõ.

Ngoài hành lang tiếng gọi cơm đã vang lên. Rồi tiếng « ga-mên » quăng trên mặt bàn, va chạm vào nhau chí chát. Chiều nào cũng vậy, cứ vào khoảng gần sáu giờ, tiếng người đàn bà vang lên như hát :

— Cơm, các cô các cậu ơi !

Tiếp đó là tiếng bệnh nhân gọi nhau lấy cơm, và tiếng chân chạy, tiếng ga-men va chạm nhau. Những tiếng đó Hoằng nghe quen thuộc cũng như một ngày nào ở quê, nằm trong chăn, nghe tiếng chổi quét, sân vắng lên từng nhát trong sương sớm.

Nhìn người bệnh nằm thiêm thiếp trên giường, Hoằng xoa xoa hai tay vào nhau cho khô nước, bảo Chung :

— Phải mua cái gì cho cô ta ăn chứ nhỉ ?

— Đề lấy cháo.

— Đã hẳn, nhưng phải mua mấy cái hoa quả đấy chứ.

Chung quay nhìn mấy người bạn, rồi gật gật cái đầu, bảo :

— Đề tụi em ra An Đông mua cho.

Hoảng chỉ tay ra cửa :

-- Ra Đồng Khánh đây này cô gần hơn không.

Chung tròn tròn mắt, liền thoáng :

— Chứ không phải là ở Đồng Khánh có cô bán hàng xinh xắn hả.

Cả đám cười ồ. Tự nhiên Hoảng cũng thấy vui vui. Ở nơi đây chẳng bao giờ cái buồn kéo dài được tới một buổi. Cả cái vui nữa, những tình cảm thay đổi bất ngờ dễ làm tiêu tan để đưa đẩy người ta vào những cảm nghĩ thường thường là bi ai.

Hoảng nhìn người bệnh một lần nữa, rồi bước chân về phòng.

x^xx

Khi bữa cơm xong, lại luyên náo những tiếng động dưới nhà bếp. Những người bệnh khi ăn xong, mỗi người rửa ga mên của mình. Tiếng kim khí va chạm nhau, tiếng nước chảy xè xè, xen lẫn tiếng cười đùa, tạo thành một bầu không khí mà Hoảng chưa bao giờ thấy buồn cả. Đôi khi Hoảng có ý nghĩ rằng mỗi người khi nói cười như thế đều có sự giả tạo để cố quên đi thân phận bệnh hoạn của mình. Nhưng bây giờ thì Hoảng không nghĩ thế. Có lẽ họ vui thật. Đó là những tiếng động cuối cùng của một ngày ở khu nhà thương này. Lát nữa, khi đèn bật lên, sự im lặng sẽ bao trùm cảnh vật và mỗi người sẽ sống riêng rẽ với thế giới của riêng mình.

Hoảng nằm ngả mình trên ghế máy. Cả khu nhà thương như tách biệt hẳn với thế giới cuộc đời. Từng chỗ, mỗi người ngồi thu mình vào ghế, hoặc đọc sách; hoặc nói chuyện phiếm với nhau. Nhìn cảnh đó Hoảng không thể tưởng tượng họ lại là những sinh viên mới hôm nào đây vui tươi trong các giảng đường. Bất giác Hoảng nghĩ về mình :

— Thế còn mình !

Rồi Hoảng vùng cất tiếng cười. Có tiếng bạn hỏi :

— Anh Hoảng có chuyện gì thú vị thế !

Hoảng quay sang, đưa tay vẫy, và gọi :

— Tất cả chúng mình ngồi vô đây.

Tiếng ghế kéo lê trên sàn gỗ, hưởng ứng lời Hoảng. Chung kéo ghế ngồi sát vào cạnh Hoảng :

— Anh Hoằng hát đi nghe chơi.

Hoằng đưa tay cốc nhẹ lên đầu Chung :

— Lúc nào cũng hát. Những nhẽo vừa chứ nhé.

Chung lắc lắc người, giậm giậm hai chân :

— Em mà những nhẽo ! không chịu đâu.

Hoằng xua tay dõ :

— Ừ thôi. Chung ngoan.

— Thế bây giờ nói chuyện gì, anh Hoằng nói đi.

— Ừ, chuyện gì giờ ?

Ngừng một lát, Hoằng bảo :

— Còn đêm nay, mình phải chia phiên canh lính mới chứ.

Chung có vẻ thích chí, vỗ tay :

— Thôi, anh Hoằng chứ còn ai vào đây nữa.

Hoàng cãi.

— Sao lại anh ?

— Anh chứ còn ai, ai bảo anh lớn nhất ?

— Ừ, nhưng sao chỉ có anh ?

— Có nữa chứ

— Phải có cậu nào cứu bồ chứ ?

— Sợ chị ấy ăn thịt à ?

— Ừ.

Chung thè lưỡi dọa :

— Ma nữa.

— Ma nữa, nhưng ma thì anh bóp cổ chết.

Chung hất mạnh cái đầu :

— Còn lâu.

— Thằng cha trời anh còn chẳng sợ, nữa là lũ nhóc ma.

Cho đến lúc đi ngủ, Hoằng đã phân công xong : Từ tối cho đến bốn giờ sáng do mấy người bên phòng I, còn từ 4 giờ do Hoằng, ngồi canh người bệnh mới.

x^xx

Đang ngủ, Hoằng được đánh thức dậy. Đêm đang chìm sâu thăm thẳm. Hoằng cảm thấy ngái ngủ ghê gớm. Lúc ngồi xuống chiếc ghế tựa, cạnh giường cô bạn mới, Hoằng nghe Chung dặn :

— Tỉnh thoảng chị ấy lại ho, và chị ấy khóc, nghe sợ lắm. Em buồn ngủ ghê, đi ngủ đây.

— Chung đi ngủ đi.

Hoảng cũng thấy buồn ngủ. Có lẽ là do không quen thức đêm, chứ như dạo trước, Hoảng thức thâu đêm là thường. Đây là lần đầu tiên, từ ngày vào nằm ở đây, Hoảng phải thức giấc vào giữa đêm như thế này.

Ngồi im trong ghế, nghe máy chạy rì rì của nhà nước đá đằng sau bệnh viện, Hoảng có cảm tưởng như tiếng hát của đêm ru mọi người ngủ.

Tiếng côn trùng rí rả, Hoảng nghe đã quen tai lắm rồi, mà vẫn không khỏi thấy một vẻ gì xa lạ. Ngồi trong đêm, Hoảng có dịp suy tư nhiều. Nhưng quanh đi quanh lại, chẳng có suy tư nào dứt khoát cả; tâm tư Hoảng bị xô đẩy vào bao nhiêu mối trăm tư vu vơ. Rõ nhất là những kỷ niệm. Những kỷ niệm tràn về khua động trong lòng, Hoảng thấy nhớ mẹ, và thấy thương mình. Bao nhiêu hình ảnh thân yêu xảy đến trong cuộc đời, giờ đây hiện ra rõ rệt hơn bao giờ hết. Cứ nghĩ quanh quẩn, Hoảng cứ muốn tự hỏi không hiểu tại sao mình tự nhiên lại vào đây sống một cuộc đời như thế này?

Có tiếng cựa mình và tiếng ho, Hoảng vội mở choàng mắt. Nhưng tiếng ho im bật. Hoảng nhìn thật lâu vào nét mặt nhợt nhạt của của người bệnh. Nhìn giấc ngủ thêm thiếp, Hoảng bỗng thấy thêm thương. Rồi Hoảng lại nhắm mắt, ngồi chống tay, có ý chống lại giấc ngủ. Nhưng rồi Hoảng cũng thiếp đi trong một giấc ngủ chập chờn.

Vào lúc gần sáng, Hoảng lại nghe tiếng họ. Rồi tiếng cựa mình. Hoảng nghe rõ như tiếng ho hồi chiều qua. Hoảng vội đứng dậy, nhìn sát mặt bạn. Có máu ứa ra ở mép, Hoảng bỗng thấy rợn mình. Một nỗi lo sợ tràn ngập khiến Hoảng nghẹn thở. Hoảng vội vớ lấy chiếc khăn ở đầu giường, đặt vào mồm bạn. Nhịp ho lại nổi lên, Hoảng nâng đầu bạn dậy, húng ra ngoài giường, và chợt thấy mặt bạn đỏ hoe. Hoảng càng cảm thấy sợ, và nghĩ không biết lúc Chung thức, người bệnh có ra máu như lúc này không.

Bỗng nhiên người bệnh khóc lên thành tiếng. Hoảng lấy khăn bụm chặt mồm bạn, hỏi :

— Sao, sao khóc ?

Người bệnh lắc đầu yếu ớt. Hoảng vội nói :

— Đề tôi kêu y tá.

Người bệnh lại lắc đầu.

— Khó chịu lắm không ?

— C. . . ó. . .

— Đói không ?

— Kh. . . ó. . .ng. . .

— Thế nằm im nhé.

Hoảng quệt mạnh chiếc khăn: lau miệng người bệnh, rồi đặt ngửa đầu vào giữa giường. Hoảng thấy đôi mắt bạn chớp chớp, thật tội nghiệp.

Máu đã không ra thêm: Hoảng mấy bận toan đi gọi phòng trực, nhưng lại thôi. Lúc thấy bạn nằm bình thản, Hoảng mới yên tâm. Bàn tay người bệnh đưa nhẹ trên bụng. Hoảng muốn hỏi xem bạn muốn gì; nhưng lại hỏi :

— Khát nước không ?

— Có.

— Uống nước nhé.

Tiếng nước từ chai chảy ra ca nhựa, Hoảng nghe cũng lạ tai: Hoảng nâng đầu bạn, ghé ca nước vào đôi môi khô tái. Lúc đặt đầu bạn xuống Hoảng bảo :

— Chịu khó ngủ giấc nữa đi, gần sáng rồi đấy.

Đôi môi người bạn mấp máy, Hoảng phải ghé thấp xuống mới nghe được ba tiếng yếu ớt :

— Cảm... ơn anh.

Hoảng xoa tay :

— Không sao hết. Cứ yên tâm nằm yên.

Rồi không biết vì muốn an ủi bạn hay muốn khoe cái may mắn mà mình được hưởng, Hoảng nói :

— Chị cứ yên tâm. Ở đây tụi tôi coi nhau như anh em trong một nhà. Cùng cảnh ngộ mà, dễ thông cảm với nhau lắm. Ở đây có hai phòng của sinh viên, phòng này cho con gái và phòng II bên kia cho con trai. Trước đây cũng có một anh bị nặng lắm, tụi tôi chia phiên săn sóc anh ấy gần một tuần lễ. Bệnh này thường lắm, không sao đâu, mấy hôm nữa khỏi ngay đấy mà.

Hoảng ngừng nói, và thử nhớ xem những lời vừa rồi mình đã lần nào nói với ai chưa. Thốt nhiên Hoảng nhớ tới những lời an ủi mà nhiều người nói với mình — ai cũng bảo là « không sao », « bệnh phổi chả có gì đáng ngại ». Hoảng cũng tin như thế. Nhưng Hoảng không khỏi không buồn, nhất là mỗi khi nghĩ đến thân phận mình, đến tấm thân yếu đuối đã phải chịu nhiều thiệt thòi của mình.

Bao nhiêu ý nghĩ miên man không ngớt tràn đến ; Hoảng muốn xoa đuổi hết đi. Cứ thế, cho đến khi trời rạng sáng. Mọi người vẫn còn ngủ say. Hoảng mệt mỏi trở về phòng, chui vào mùng, ngủ tiếp.

Lúc người lao công quét phòng động chổi vào chân giường, thì Hoảng

giật, mình thức giấc. Vừa lúc đó, có tiếng guốc bước mau, rồi tiếng hồi lạnh lạnh của cô y tá vừa bước vào phòng bên :

— Thế nào, cô Ninh đã đỡ chưa ?

Và lúc ấy Hoằng mới để ý đến những chấm đỏ lấm tấm trên ống tay áo mình.

xXx

Hơn nửa tháng sau, Hoằng được ra nhà thương. Khi nghe được tin đó, Hoằng sung sướng như chưa bao giờ sung sướng như thế. Bao nhiều điều mơ ước như cùng một lúc rủ nhau ùa đến. Và Hoằng không khỏi trông tượng đến những ngày sống thanh thoi ngoài đời: Lại đi dạo. Lại đến trường. Lại gặp bạn hữu. Gần một năm phải sống xa lánh mọi người. Hoằng nhìn vào đâu cũng thấy một màu tươi sáng, và thấy ai cũng tưởng như họ đang chia sẻ niềm vui với mình.

Bây giờ thì Ninh cũng đã mạnh rồi. Ninh có thể tự tay bắc ghế ngồi, và đi lại chuyện trò với các bạn. Đến lúc đó thì Ninh mới hiểu là mọi người trong « Dưỡng Lão Viện » này thường yêu nhau còn hơn là anh em ruột thịt nữa. Ninh cảm thấy không thích cái tiếng « bạn đồng viện » mà một vài đề gọi nhau, bằng những tiếng thân mật mà người dùng anh chị em trong một gia đình dùng để gọi nhau.

Buổi sáng, Hoằng lên văn phòng nhận giấy ra, rồi về phòng thu xếp đồ đạc. Cả phòng xúm lại, mỗi người giúp một chút. Hoằng nghĩ đó là những lời chúc tụng đang vang lên trong nỗi khát khao của những người ở lại.

Lúc xách va-ly trên tay, Hoằng không khỏi cảm thấy lưu luyến nơi đã giữ chân mình suốt một năm trời. Nhất là khi đặt chân xuống bậc thang, Hoằng không biết nói gì thêm nữa, chỉ biết cười. Ninh đứng nép mình vào cánh cửa, bảo Hoằng :

— Anh Hoằng về nhé.

— Ừ. Anh vào luôn.

Ninh bước tới, đưa tay đặt lên quai va-ly :

— Anh Hoằng để Ninh xách đỡ.

Hoằng cười :

— Bộ cô muốn phun lửa nữa sao đây ?

— Tiễn anh.

— Thôi, tiễn bằng chân không được sao ?

Đặt chân bước xuống, nhìn lại Ninh bước theo sau, Hoằng thấy mắt Ninh đỏ. Hoằng biết là Ninh buồn, nói nhỏ :

— Khóc hả ? Nín đi chứ.

— Dạ.

— Anh vào luôn với các cô.

— Dạ. Anh về mạnh giỏi.

Nói rồi, Ninh quay vội tay, đi vào phòng. Hoằng thấy nao nao buồn, bước theo tiếng chân của những người đưa tiễn mình ra tận cổng nhà thương. Đến lúc đó Hoằng mới thấy cái buồn thấm thía len vào tâm hồn, như ngày nào ra khỏi chiếc cổng tre, giã từ quê hương về vào Nam.

PHẠM-HỮU.

tìm đọc

đất sống

Nguyệt - San Nghị - Luận Văn - Học
của lớp người ý - thức hiện đại

THỜI MỚI đã phát hành :

- Các dịch phẩm *đầu tiên* của Trần phong Giao, của Vũ đình Lưu, của Vũ Hạnh, của Chương Ngọc, của Võ Lang, của Tràng Thiên ;
- Các tập truyện *đầu tiên* của Thế Uyên, của Túy Hồng ;
- Các bản Việt dịch *đầu tiên* của J. P. Sartre, của F. Kafka ;
- Các tiểu luận và truyện dài *đầu tiên* của Võ Phiến ;
- Kịch phẩm *đầu tiên* của Thế Uyên v.v...

★ MÈO ĐÊM

— Tập truyện đầu tay của Nguyễn Thị Thụy Vũ — Tập truyện đầu tiên của một thiếu nữ viết về những phụ nữ bán bar, sống với ngoại kiều. — giá 40đ.

★ TÌNH ĐẤT

Tập truyện ngắn chọn lọc kỹ nhất của Bình Nguyên Lộc. giá 60đ.

Độc giả đón đợi mỗi tác phẩm THỜI MỚI như đón đợi một khám phá

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Faris 6è

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 B P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 129

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlántico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Tiền đồn

Truyện dài của THẾ-UYÊN (5)

(Xin xem BK.TĐ. từ số 224)

Định lách đầu lưỡi lê vào khe vải, dọc đứt các đường chỉ khâu phù hiệu trên vai áo. Người lính ngồi ghế bố bên kia hỏi sang :

— Chuẩn úy ở lại đại đội chỉ huy à ?

— Không, tôi ra đại đội ngoài kia. Ở lại đồn đêm nay thôi.

— Chuẩn úy động viên phải không ?

— Sao anh biết ?

Người lính cười, đưa tay lên xoa bộ ngực trần :

— Thấy chuẩn úy mang theo nhiều sách thì biết. Ông Vận trợ y, động viên đấy, cũng bao nhiêu là sách.

— Anh đi lính lâu chưa ?

— Ba năm ba tháng. Quân dịch mà chuẩn úy. Bị lưu ngũ hoài, em kêu năn nỉ đại úy mãi mới được về đại đội chỉ huy. Cũng đỡ cực. Mấy tháng trước em buồn ghê hồn, bây giờ cũng nguôi ngoai rồi.

Định một tay kéo căng vải áo, tay kia lách mũi lưỡi lê vào khe bảng tên trên ngực :

— Cái gì rồi cũng phải quen đi

— Quen chi đâu chuẩn úy. Hồi đầu năm con vợ ở quê nó đi lấy chồng.

— Vợ hả ?

— Không hẳn thế chuẩn úy. Bà già ở nhà định đợi em hết quân dịch là về cưới. Nhưng nó không đợi được nó đi lấy chồng từ hồi ấy rồi. Em buồn hoài chuẩn úy.

Định cầm mảnh vải lên ngắm hàng chữ thêu tên bằng chỉ đen.

Linh đã thêu cho chàng và buổi sáng trong khu tiếp tân quân trường, ngồi trên bậc thềm ở phía sau nhà chòi, Linh đã vừa cắt bánh vừa nói : «Em thêu cả tuần mới xong đó. Anh đi lính mà điệu quá đi. Biên bằng bút nguyên tử như mọi người không được sao, bắt em thêu gần chết». Giọng nói bông đùa của nàng vang như một tiếng vọng, chàng dò xét từng đợt hơi ấm từng sự di chuyển nhẹ của từng thớ thịt sau làn lụa quần thấm vào bàn tay chàng những ngón mở rộng «Anh ăn bánh đi. Cầm hai tay không rơi bây giờ». Muốn anh bỏ tay ra thì cứ nói.

Dùng mưu không nổi đâu». Thế anh buông ra đi ! Từ hồi nhập trường, cứ gặp nhau là anh ôm em ác quá đi.» Chàng đưa miếng bánh lên miệng cắn : «Mười năm hôm nữa làm lễ gấn an-pha rồi, anh...», chàng ngừng nói vì qua khe mái nhà tôn kéo chéo cắm xuống đất, chàng thấy bàn tay một người đàn ông bứt tung hàng cúc bấm quần lụa, lùa vào trong. Mái tôn che khuất nửa người trên, chàng chỉ trông thấy hai tấm thân hai đôi chân kề sát «Em nhìn đây này, Linh ! Thấy chưa... Anh ôm em thế này là quá lành mạnh rồi. Nhìn đi, nhìn thiên hạ đi...» Linh vùng vẫy thoát khỏi vòng tay chàng, ngồi thẳng dậy mặt đỏ bừng : «Đi chỗ khác đi anh !» Chàng cười, cầm một miếng bánh đưa lên ăn : «Đi đâu bây giờ. Các câu lạc bộ chặt cứng lại đôn kinh hồn. Em phải biết anh mang poncho ra trải ở đây từ bây giờ sáng mới giữ được chỗ này». Mái tóc Linh rũ xuống che khuất một bên mặt, chàng búng màu thuốc ra phía trước, trông thấy ở chái nhà bên kia một người đang len tay dưới lớp jupe phồng, «Linh nhìn kia kìa ! Trước mặt bọn mình kìa». Nàng bất động, mái tóc vẫn xoã che nửa khuôn mặt, chàng nghiêng người ra phía trước, thấy những giọt nước mắt đọng và hai má đầm nước, những giọt im lặng rớt xuống vạt áo. Chàng thở dài cầm vải bảng tên và phù hiệu đơn vị cũ bỏ vào túi quân trang, tháo cấp bậc cho vào túi áo, đứng dậy ra sân. Người lính nhìn lên, hỏi :

— Gia đình chuẩn úy ở đâu ?

— Saigon.

— Em ở Cao-lãnh kia lặn. Chuẩn úy biết Cao lãnh chứ ? Tụi cộng về nhiều lắm. Thằng bạn em, ở sư đoàn 7 ấy, về thăm vợ bị tụi nó bắt vô trông liền.

— Vợ chưa cưới đi lấy chồng rồi, anh cần gì về làng nữa.

— Không về biết đi đâu chuẩn úy ?

Định bước nhanh ra ngoài, những câu hỏi những lời nói của lính làm chàng khó chịu. Rải rác ngoài sân ven tường đồn, các binh sĩ bắt đầu ăn cơm. Làn khói trắng mỏng bùng dâng lên từ một nồi cơm mở nắp. Chàng không thấy đói, có lẽ tại ly cà-phê vừa uống, có lẽ cũng tại bàn tay đầm máu người lính bị thương vừa rồi. *Không có gì đâu anh, không có gì hết đâu anh !* Chàng đi dọc vách đồn, leo lên lô-cốt đại liên. Cánh đồng phía dưới tràn đầy nắng vàng của buổi chiều. Hai đứa bé đang ở chiếc giếng phía dưới, chiếc gàu bị kéo tung hắt nước vào người con gái. Vài binh sĩ đứng quanh phá lên cười. Chàng tự dưng thấy nôn nao trong người hình ảnh Linh ngồi dưới gốc cây chùm ruột xuất hiện trở lại rõ từng đường nét từng màu sắc. Chàng nhắm mắt lại, hình ảnh biến đi và chàng thấy gió từ cánh đồng phía dưới mơn trớn trên trên da mặt. Mùi hoa cải phảng phất, chàng dựng chiếc xe đạp vào bụi xương rồng trợ trụ, ngồi nghỉ. Những gốc nhãn vỏ nâu chạy dài trên những lớp lá khô di chuyển theo gió tạo những âm thanh xào xạc vá cô quạnh. Đầu người bà bạc trắng cúi xuống thấp hơn nữa : « Bà già rồi, sống ở đây chết ở đây cho gần ông bà. Cháu về nói với bà mẹ là không đi đâu». Khi đạp xe rời làng con đường lát gạch hai bên bờ aêu mọc xanh, nước mắt chàng chảy dần dựa trên má. Khóc tại người bà ở lại lui thủi một mình hay là khóc cho ao bèo dầy đặc mát xanh, những vườn nhãn ven con sông sâu giữa hai bờ đất, một tuổi ấu thời thiên-

đang-tìm-thấy và mất đi vĩnh viễn. Một tràng súng nổ ở xa, chàng ngừng lên nhìn, người lính ngồi sau khẩu đại liên nói : «Chắc đồn dân vệ bên kia sông bắn...» *Em không cần anh vì em biết anh chỉ có thể sống yên bên em sau khi tham dự cuộc chiến.* Những lời nói biểu lộ mật khuất phục. Có phải Linh đã khuất phục, đã để đi văng tâm hồn của nàng quấn quít quanh người yêu như đuôi chiếc diều nên đã có tình yên ấy. Nếu ngược lại, nếu nàng giữ nguyên cá tính, giữ nguyên và khép kín tất cả mọi sự sẽ ra sao. Trở thành và chỉ còn là một cơ thể đàn bà như những cơ thể đàn bà khác ? *Nếu em không yêu anh, ngoại tình dễ quá anh.* Đàn bà sinh ra vốn là một người đi giữa một gái đi và người vợ chỉ khác nhau có thể : một thái độ tình cảm, một khuất phục, một chịu đựng chiếm hữu của kẻ khác. Một binh sĩ cầm súng băng qua sân lại gần lô-cốt bắn lên trời ba phát. Người lính nói :

— Lệnh cho đại đội 3 mở máy liên lạc đó.

Chàng nhay xuống đất. Chiếc cột ăn ten cao và nhọn cong mềm lắc lư theo chiều gió. Bên trong, chiếc bàn chân nham nhở. Một tấm bản đồ mở rộng, các sĩ quan ngồi quanh chờ đợi. Chàng tựa cột châm thuốc hút, lơ đãng ngắm mọi người, các chi tiết, mái tóc dài ngắn, những nét mặt gãy hay cong nhưng không một ý nghĩ nào xuất hiện. Một khoảng trống không với những cử động đưa điếu thuốc lên môi. Hy và Vũ bước vào, đặt súng dựa vào cột, hất ngửa cái mũ sắt trên ghế bố cạnh, ngồi xuống hai chiếc ghế giành sẵn. Chàng đột nhiên cảm thấy nổi uể oải từ dáng điệu mệt nhọc hất chiếc mũ sắt đè nặng lên tất cả. Tiểu đoàn trưởng cất tiếng nói, chỏ vào một điểm trên bản đồ, viên sĩ quan cố vấn Mỹ cúi xuống nhìn, một khoảng nắng từ ngoài vào lấp loáng trên mái tóc nâu nhỏ sợi.

— ... Tin chốt cho biết ngày hôm qua C của tụi chúng còn ở khu này.

Những cái đầu cúi xuống bàn theo hướng chiếc bút chì trong tay viên đại úy, một nhịp điệu gần như thần bí, chậm chạp trong một denn thờ thần linh và tiếng nói viên sĩ quan như một lời giảng hướng dẫn không có một giá trị nào hơn là một thói quen thường ngày.

— Chắc chúng chuyển qua vùng này thôi. Đánh thì chẳng dám đụng tới bọn mình đâu.

— Nếu ý định của chúng là chuyển quân thì thể nào đêm nay tụi du kích cũng phá rồi đa... Đại đội 3 đêm nay đóng đây cho tôi... Cho tôi toán kích nằm chỗ này.

Một người ngồi trước mặt đưa tay lên cởi ngực áo, rút bản đồ ra trải xuống bàn. Một hành động thông thường nhưng làm chàng tự dưng xúc động. Một nổi xúc động. tác động chậm chạp làm tâm hồn chàng như trải dài ra, mềm yếu trong một khắc khoải xao xuyến. Cuộc đời đầy, có phải thế không những tiếng nói nhỏ nhỏ chậm rãi từ cái bàn loang ra, những âm thanh của toán lính làm việc ngoài sân vắng vào cùng những tia nắng chiều hắt trên những sợi tóc nâu sáng. Một ghen ngào luẩn khuất đâu đây, trong chàng, ngoài sân nhộp nhúa, trong phòng trên những cái đầu đang cúi xuống, quanh những âm thanh ngập ngừng. Chàng tìm thấy rồi đó chẳng ? Đúng thế Linh, đúng thế đấy, Linh ? Không có gì ở đây, không có gì ở đây cho anh cả. Hình ảnh Linh mắt long lanh nước dưới ánh trăng mở ra từ

bên trong chàng làm nổi nghẹn ngào thôi không lần khuất, ủa tới tích tụ và đè nặng lên từng phần thân thể. Không có gì thật, không có gì hết trong cái chết. Không có đến cả một khoảng chân không tối đen nữa, như vậy đó Linh, có phải em đã tìm thấy như thế khi anh chơi với trên thân thể em đêm khuya về sáng... Hai tiếng sừng bên trái đồn, tiếp theo từng chuỗi dài. Viên đại úy ngừng đầu lắng nghe :

— Trung đội còn ở phía đó ?

Vũ trả lời ngắn ngủn :

— Trung đội tôi.

Yên la vào phòng truyền tin :

— Vận to lên !

Tiếng lạch cạch rít cao vang từ cái loa nhỏ mắc trên cột. Những cái đầu ngừng lên một bàn tay quay lại phía sau, chàng đưa màu thuốc cháy giờ, những ngón tay khép lấy và màu thuốc biến sau chiếc gáy tóc đen rậm. Tiếng nói bắt đầu phát ra, ngắn ngủn và đứt quãng giữa các âm điện tử :

— Y ê n! Yên !... Đây Vinh, yêu cầu cho gặp thẩm quyền của Vinh...

Đột nhiên Hy mạnh mẽ vụt quay lại, la vào phòng truyền tin :

— Bảo nó có gì thì báo cáo mẹ nó đi cho được việc !

Chàng tiếp tục nhìn chiếc loa, câu nói dữ dằn của Hy vang bên tai chàng thật tự nhiên như hàng cột có đó. Một bàn giờ tay lên trả màu thuốc, chàng cầm lấy đưa lên miệng hút tiếp,

— Vinh bá cáo, Viny bá cáo... Hai tên mặc đồ đen xuất hiện phía chùa, bắn hai phát Mas 36. Chúng tôi bắn trả, bố trí tại chỗ đợi lệnh... Nhắc tại, hai tên mặc đồ đen...

Hy la lớn át tiếng rè rè đang vụt to lên :

— Bảo trung ba cứ ở nguyên vị trí cho tôi !

Âm thanh từ máy vụt nhỏ đi làm những câu tiếng Anh của Vượng và viên cố vấn Mỹ hiện rõ trong không. Những làn khói thuốc bốc từng vệt nhỏ lơ lửng. Tiểu đoàn trưởng giờ tay bắt :

— Định bảo hai anh ở đồn ăn cơm tiễn cố vấn mai về trung đoàn, nhưng chưa chi đã lộn xộn, thôi vậy.

Hy đứng dậy giờ tay bắt hai quân nhân Mỹ, Vũ nghiêng người cầm quai chiếc mũ sắt trên ghế bố, hỏi tiểu đoàn trưởng :

— Còn việc đi phép của tôi thế nào, đại úy ?

— Anh cứ yên trí. Giấy phép tôi ký rồi. Sáng mai anh bàn giao trung đội cho chuẩn úy Định rồi vào đây đi xe về tỉnh cùng thiếu tá.

— Cảm ơn đại úy.

Viên tiểu đoàn trưởng cười, đứng dậy lại gần bàn nước, nói qua vách :

— Máy giờ ăn đẩy các chú ?

Định nói với Vũ :

— Anh ra ngoài luôn tới sáng mai hả ?

—Ừ...Thế là mai anh phải dẫn trung đội của tôi đi mở đường cho tôi đi phép !
Thôi, sáng mai gặp nhau.

— Đợi tôi lấy súng ra ngoài với anh một lát.

Tiếng của Yên gọi với :

— Anh Định nhớ một tiếng nữa ăn cơm đấy!

Chàng gật đầu không quay lại, theo Vũ len lỏi giữa các hàng rào kẽm gai, dáng vàng buổi chiều loang loáng trên các mũi nhọn xám trắng. Hai người ngồi xuống bờ thềm nhà hướng ra cánh đồng phía dưới. Một binh sĩ xách một thùng nước đi theo cô gái vào bếp, ngâm vọng cổ :

— ...Em Lan ôi ! ...Vì ai mà anh phải đọa đầy...

Các tiếng cười xuất hiện rải rác, Vũ tiếp tục nói :

— Không biết anh thế nào, còn tôi, cái khó chịu nhất ở đây là cảm giác mất an ninh thường xuyên. Không thể quen được với cảm giác này. Quen cái gì thì quen, cái này thì không, Nó như bám vào da, như ngấm vào xương tủy. Anh biết không, có lần về phép đang ngủ trên giường, thằng bé nằm giường bên kia đạp chân vào thành giường đến rầm một cái, tôi ngồi nhòm ngay dậy, quơ tay cầm súng. Xoa vào háng bà xã mới nhớ ra là đang ngủ ở nhà...

Chàng cười, bỏ màu thuốc xuống đất, lấy mũi giày di nát. Vũ tiếp tục nói :

— Hậu quả kỳ cục và đôi khi bức mình vì bị méo mó nghề nghiệp. Bây giờ nhìn cảnh vật, tôi không thấy đẹp hay xấu. Óc tự dưng chỉ thu nhận những chi tiết địa thế cần thiết cho việc tiến quân rút hay đóng quân thôi. Một hàng dừa chỉ có nghĩa là chỗ đó có nước, một bờ tre là một nơi phục kích tốt cho địch, con đường quang đãng chỉ có nghĩa là dám bị bắn sẻ, trăng chỉ là một yếu tố để tính xem toán kích đêm nay nên cho đi lúc mấy giờ và về lúc mấy giờ...

Vũ vụt búng màu thuốc lên cao, tiếp tục :

— Thà cứ như thế còn hơn.

— Tôi không hiểu anh nói gì.

Vũ cười :

— Rồi anh sẽ hiểu trong hai tuần nữa là tối đa. Bọn mình sẽ ra sao nếu ngày nào cũng nghe gió thổi với cái tai dân sự... Suy nghĩ nhiều ở đây khó sống.

Một luồng gió mạnh từ phía dưới cánh đồng ủa lên.

Không gian hết nắng, chàng mân mê báng súng tự hỏi nắng hết tự lúc nào, sao chàng không biết. Hồi nhỏ, chàng đã ngồi chờ ven hồ nhiều buổi chiều xem lúc hết nắng ra sao nhưng chưa bao giờ biết. Ánh sáng dịu dàng rồi biến đi lúc nào trong khi chàng cậ một hòn sỏi vút xuống nước hay rút một bông hoa cỏ đưa lên miệng ngậm. Vị cỏ hơi cay và hăng trên đầu lưỡi, tiếng Linh cười : « Sao anh hay ngậm cỏ thế. Chắc kiếp trước anh là con bò ! » Thân thể nàng trong áo dài nằm như một vũng nắng ban sáng còn sót lại trên cỏ đồi, những trái thông khô đen rải rác, đôi môi vương những sợi tóc dài vương vào miệng. Một khoảng thời gian giữa những khi nắng dịu dàng và khi ánh nắng biến đi, nỗi hạnh phúc chỉ có thể, hay hơn thế ? Không, lâu hơn, chàng đã sung sướng suốt ngày hôm đó, cả tuần lễ ấy. Tuần lễ Linh để băng-đỏ hồng trên tóc và cầm cành mimosa. Tiếng Vũ trầm hẳn xuống như một lời thì thào :

— ... Tôi hay tự hỏi một điều như thế này : Tại sao chúng ta tin chúng ta

có chính nghĩa nhưng chính nghĩa ấy lại không giúp gì hết trong việc chiến đấu. Anh tôi, Vương, Yên... tất cả những tên có mặt trong tiểu đoàn này cũng như các đơn vị khác đều đồng ý là phải chống cộng. Nhưng mọi sự đã chẳng ra làm sao hết. Tôi đã từng khai thác tù binh, tội chúng tin tưởng ở chính nghĩa của chúng nó đến độ đến phát ốm lên được.

Chàng đề súng nằm thẳng bằng trên đùi, móc túi lấy bật lửa châm thuốc, nói :

— Tại chúng ngu !

Vũ quay lại, giọng hạ thấp :

— Vì thế tội chúng sung sướng hơn bọn mình ?

— Tôi không biết.

Chàng suy nghĩ, rồi tự dưng những lời nói ủa ra khỏi môi, liên tiếp, chèn ép :

— Không thể hơn được. Ngu thì cũng giống như một đứa trẻ. Sung sướng hay không cũng thế thôi. Tôi cho rằng người nào cũng thế thôi. Đại tá có những cái lo và cái sướng của đại tá, chuẩn úy có cái lo cái sướng của chuẩn úy. Mức độ sướng hay khổ như nhau hết.

Chàng tiếp tục nói những lời thành chuỗi liên tục, chàng không hiểu chàng định nói gì, đi đến đâu. Chàng nói đề trấn áp một nỗi lo sợ kỳ dị, sợ người ngồi cạnh, một người như sắp chết. Tại sao lại có tin tưởng Vũ ngồi đây sẽ chết ? Có gì, cái gì chứng tỏ. Chàng tìm tòi, hỏi hă. Phải có một lý do, cái mũ úp trên nòng súng ? Không, không phải. Chàng thở ra, chính vậy, tại câu văn chàng đọc trong một truyện đã lâu : Ngoài trận, người lính sắp chết hay phân tích sáng suốt toàn thể đời sống của mình. Vô lý. Thế nào là phân tích sáng suốt đời sống. Như Vũ vừa rồi ? Chàng ngừng đầu lên, dáng vàng còn rung rinh trên một ruộng mía phía xa, những ngọn mía đổ nghiêng dưới cơn gió từ phía sông tới, cả một nếp xanh ánh vàng nhẹ chuyển động như lớp cỏ tranh cao nguyên. Những lá cỏ sắc cạnh cọ vào thành xe. Phía xa, những đồi thấp chạy xuôi xa mờ đến chân giãy núi và lúc ấy chàng đã tự hỏi ý thức sáng suốt để làm gì, để biết là mình phải sống hay mình phải chết ? Suốt đêm được phép ra thị trấn, trời mưa nhỏ và lạnh làm chàng kéo cao áo blouson lính và đút sâu hai tay vào túi, lắng nghe bùm lép nhép ầm ướt dưới giầy. Quán cà phê phin độc nhất có bốn bậc gạch dẫn lên và nằm cạnh một rạp hát tối tàn dính những bản quảng cáo của một đoàn hát mới từ đồng bằng lên ướt đẫm nước mưa. Ngụm cà phê nóng bỏng và đắng làm chàng dịu người, chùng xuống. Một điệu nhạc twist nổi lên, một binh sĩ không quân mặc quân phục tác chiến đội mũ xanh đứng dậy tiến ra giữa phòng từng bước đưa dài chậm theo nhịp nhạc. « Solo một bản đi Cường ! Cho đời buồn thêm ! » Binh sĩ tên Cường quay lại nhìn các bạn ngồi sát tường, rồi nhìn chàng, không phải nhìn những bóng người cọ quậy, bàn ghế khăng khiu, hăn nhìn một cái gì khác ở đằng sau, trên kia, trong hăn. Hăn bắt đầu nháy, những mũi giầy xoay đi, day xuống sàn xi măng hai cánh tay cử động. Một nỗi buồn tỏa ra trong từng dáng điệu, từng gót giầy di trên xi măng, chàng không thể rời mắt khỏi Cường, không phải Cường, một người lính, không phải một người lính, một người đang buồn. Không, cũng không phải người đang buồn mà là chính nỗi buồn, chàng biết thế, nỗi buồn của hăn, của người, của

chàng. Âm nhạc ngừng, nỗi buồn sững lại, tích tụ đông đặc lại trong một khoảng khắc, chàng tự dưng nghe thấy một giọt mưa, thật rõ ràng, rơi trên một hộp sắt rỗng ngoài cửa sổ. Vũ hích đầu gối vào chàng, nói :

— Anh nghĩ gì thế ? Nhớ bà xã hả ?

— Không.

— Mai tôi về anh có cần nhận gì bà xã không ?

Định cười :

— Anh hỏi tôi câu ấy một lần rồi.

Vũ cười theo :

— Nhưng anh chưa trả lời.

Định mở ví lấy danh thiếp đưa cho bạn :

— Địa chỉ đây. Anh nói hộ với cô nàng là khi nào có thư tôi, hãy lên thăm. Đừng có có đi đâu trong cái vùng này.

— Chị ấy liều lắm hay sao ?

— Đủ đề tìm đến tôi ở bất cứ nơi nào, trừ...

Định muốn nói «trừ trong cái chết» nhưng âm thanh tắt ngắt, vô lý. Vũ bỏ tấm danh thiếp vào túi, thở dài :

— Anh có lý do để sống hơn tôi nhiều. Tôi chỉ có... một cái tam giác !

Có tiếng gọi từ phía đôn. Vũ lắng nghe, mân mê khẩu súng đề giữa hai chân, rồi hỏi :

— Anh chưa có bằng công hả ?

— Tôi có hỏi tiếp liệu. Không có một chiếc nào hết.

— Dĩ nhiên Bằng của tôi là do hai bằng thường nhờ ông già lò rèn ấy làm hộ. Nạp được 32 viên. Hách hơn cả bằng công Mỹ. Anh cầm lấy mà dùng, mai tôi đi phép, khi về ở tiểu đoàn bộ, ít cần thứ này. Rồi anh sẽ biết quý nó vì đã đụng lớn, không có dịp lắp một bằng thứ hai. Vậy có 32 viên vẫn dễ chịu hơn 15 viên.

Vũ đột nhiên vui vẻ, cười :

— Còn một thứ chưa bàn giao cho tân trung đội trưởng. Khi nào chuyển quân qua tỉnh chỉ ở vài ba tiếng, anh đến số 15 Nguyễn Hoàng, gần ngay chợ. Thường trực có gái. Đợi 5 phút là cùng. Bọn tôi có dịp ghé qua tỉnh là nhào vô liền. Anh chàng Oai, trung đội trưởng trung đội này trước, có một lần mang quân mở đường về cách tỉnh 6km, hẳn trao trung đội cho trung đội phó, rồi xách một bình cận vệ nhảy xe lôi về tỉnh. Nhào vô chỗ đó làm một trận. Cả đi lẫn về mất đúng một giờ, kể cả di chuyển và uống một chai bia. Hẳn hạn định thời gian mà...

— Bây giờ anh chàng ấy đòi đi đâu ?

— Chết rồi. Ở chiến khu D. Hẳn cùng hiệu thính viên chạy bằng qua khoảng trống đầu tiên, bị trúng đạn giữa lưng khi quay lại vây trung đội lên. Tên ấy liều vô kể. Hành quân ba ngày rồi, bình sĩ hết nước, cả túi thiết vận xa cũng không còn một giọt. Hẳn đòi lấy nước trong đầu máy M 113 ra, túi thiết vận không chịu hẳn chửi thề thiếu úy thiết giáp um cả rừng lên. Đến chiều khát quá đi không nổi, hẳn cho quân chiếm luôn mấy cái M 113 rút nước trong radiateur ra uống, chia cho cả bọn thiết vận uống nữa. Thế là cánh quân ỉ ra không tiến được nữa,

đầu máy hết nước lấy gì chạy. Sau cùng, bộ tư lệnh hành quân phải cho trực thăng lên thả nước xuống. Tất cả đều hề hấn, vừa được nghỉ quân một buổi chiều vừa được uống nước. Hấn không tử trận ngày hôm sau, về thế nào cũng lãnh 30 củ.

— Hấn khóa mấy Thủ Đức ?

— Không khóa nào cả. Hấn đang học khóa sĩ quan Hải quân Nha trang thì bị nàng cho rơi đề lấy một ông tá. Hấn chửi um lên rằng : “ Thiên hạ bị thất tình mới đi Hải quân, ta không đi hải quân rồi mới thất tình ! Thế rồi hấn nhảy dù về Saigon, rình cô nàng đi mua đồ, bắt mang về nhà riêng. Hấn lột trường ra nhưng không đựng đến, chỉ chụp một bức ảnh rồi cho về. Rồi vừa vì ba gai, vừa xoay xở, hấn sang bộ binh. Tôi với hấn là bạn khá thân nên khi ra trường, tôi xin đến sư đoàn này để gặp hấn. Trung đoàn đang hành quân nên tôi nằm đợi thì trực thăng trở hấn về. Hấn lục bức ảnh ấy cùng phim nhờ tôi trao lại cho cô nàng. Hấn chết chiều hôm ấy một mình trong quân y viện vì tôi phải theo ngay trực thăng tới tiểu đoàn đang hành quân thế chỗ cho hấn. Thật kỳ cục ! Xoay đến đây đề gặp bạn thì không những được gặp mà còn thay chỗ nữa... Xuất trong cuộc hành quân, tôi mang bức hình ra coi hoài. Hấn chụp ác lắm, bắt cô nàng kia nằm hếch hoác.

— Anh có đưa trả không?

— Có. Tôi có tìm đến sau này ngay sau khi được cái phép đầu tiên.

— Người con gái nói sạp?

— Tôi không biết. Tôi nói là hấn chết rồi và trả bức hình lại. Nàng ngồi im trên ghế và tôi đi về liền.

— Lúc đó cô ta có con chưa?

— Rồi.

Đột nhiên Định hối hận đã không chụp hình Linh khoả thân mang theo tới nơi này. Chàng có định một lần nhưng Linh không chịu. Điều chàng mong ước bây giờ là có ngay một hay nhiều bức nàng không mặc gì rõ từ đầu đến gót chân dưới mọi khía cạnh. Chàng muốn có chúng, cần có chúng, Sự nhớ rằng chàng có một người vợ tên Linh, Nguyễn Thúy Linh, không có nghĩa gì cả. Nhà có cái công gỗ có chiếc sân chứa hai cây muồng cồ thụ, bộ bàn ghế sơn xanh. Không có nghĩa gì cả. Nàng thường ngủ trên chiếc giường sắt nhỏ kê sát tường, cạnh chiếc tủ sách xếp bừa bãi, hay đi đôi dép Nhật quai trắng. Không là gì cả, không là gì hết, toàn những kỷ niệm, những hình ảnh mờ, những dự vị cảm xúc, những nhớ thương khắc khoải... Không, Linh của chàng không phải chỉ còn là thế khi xa nhau. Chàng mở ví, những khuôn mặt nàng lấp loáng dưới lớp nhựa học, Linh không phải chỉ có vậy, những khoảng đậm tối hay sáng uốn quanh tạo một cái gì đó của Linh trên những miếng giấy hình chữ nhật, hình vuông. Trong nghĩa trang, những bức hình người chết gắn trên mộ chí, chàng luôn luôn cảm thấy đó là hình người đã chết rồi bởi vì biết rõ rằng dưới lớp gạch, không còn gì hết. Bây giờ khuôn mặt Linh dưới lớp nhựa này cũng không khác. Nhưng chàng muốn nàng phải là hơn nữa. Muốn thế những kỷ niệm và hình ảnh lưu giữ trong tâm chàng khôn thề đủ, cần phải có một bức hình, tối thiểu là vậy, đầy đủ chi tiết từ vẻ tròn của bộ ngực nặng nặng

trong lòng bàn tay, thung lũng êm mượt giữa hai đùi xuôi dài tới ngón chân, những thứ đã tiếp xúc với chàng làm cho nàng qua chúng trở thành một người giống cái chàng yêu. Rồi cũng chỉ là một thất vọng, một thất bại bởi vì tiếp xúc là ở ngoài, thân thể Linh ở bên ngoài, vĩnh viễn như thế và trong tâm hồn chàng lúc này, Linh ở nơi nào. Một số dày đặc những hình ảnh lưu lại, những dư cảm xúc không thể chấp nối, không thể tích tụ để Linh đầy đủ nguyên vẹn là của chàng. Vẫn một thất bại đến tuyệt vọng, một thứ thất vọng chàng đã tìm thấy ngay khi phủ lên người nàng, chân tay đang lấu vào nhau. Và tới cả những khi cả hai cùng sung sướng đồng thời, chàng chỉ cảm thấy khoái cảm của mình, không phải của Linh. Và có lần hai đứa cùng cố mở mắt nhìn nhau, nhưng nỗi cố gắng phải tạo ra để giữ cho thân thể bất động đã làm cho chàng không tìm thấy được nàng trong đôi mắt như mờ đi ngậy dại phía dưới. «nhiều khi em muốn em là anh quá».Chàng cũng muốn đổi vị trí như thế, nhưng không được đâu, không bao giờ được đâu, mọi sự là như thế rồi, vĩnh viễn là vậy. Chỉ còn có những khoảng khắc sau cơn ân ái, thân thể lấu trong nhau, một tiếp xúc thân mật và một mối. Chúng ta chỉ có được thế thôi, một tiếp cận.

Chàng quay lại hỏi :

— Anh có chụp hình nu bà xã bao giờ không ?

Vũ lắc đầu, mặt nhọc :

— Không. Đề làm gì ? Có thứ đó trên người, dễ sốt ruột vô ích.

(Còn nữa)

THẾ-UYÊN

Tăng cường sinh lực

lãng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

NÉT NHÌN RẠNG ĐÔNG

Này tôi ! tôi với đêm dài
như ngày tháng đã... như mai một còn...
xe khuya chào vội phố buồn
bánh quay ra riết nghe mòn dầu sừng
cây nghiêm bóng lặng mặt đường
lá ngong ngóng gió, cành thương lá sâu
Này tôi, tôi với đêm thâu
nghe thương ngợ ngác, nghe cao dỗi hờn
vòng tay còn lại trống trơn
mùa xuân còn chuyện dã- tràng... thế thôi
Còn tôi, tôi với đêm dài
ngủ trên trang sách, ngủ ngoài sân mưa
ôm vùng đất hẹn trăm hoa
mộng xây biết mấy cho vừa trước sau
Và tôi, tôi với đêm sâu
chợt đau vai yếu- chợt đau sườn buồn
quãng dài tanh tưởi máu xương
quê hương thí điếm quê hương nát nhàu
còn gì đâu ? có gì đâu ?
muôn con mắt lạc trông nhau rã rời
nhưng tôi, tôi với đêm dài
thức trong dòng họ, thức ngoài trăm dân
điều linh hãn sử bao lần
cũng qua-cũng vượt-cũng dần vươn lên
Nên tôi, tôi với đêm hiền
Vòng tay mở rộng, Nét Nhìn Rạng Đông

thối-nát, chợ-đen. Dân nghèo, không có kỹ-nghệ, không có nông-nghiệp, giữa thành phố lớn nhất cũng không có ống-cống, chỉ có rãnh nước chảy ngang chảy-dọc, mà xe Mọc-xê-đét lộng-lẫy thời nằm la liệt ở khắp các nẻo-đường.

Rau cỏ, gạo thịt, đều phải nhập-cảng từ ngoại-quốc vào. Cách thành phố chỉ năm ba cây số là cỏ mọc um-tùm và nông dân vẫn sống như thời Thượng-cổ, chưa có bóng văn minh, mỗi ngày thối một nồi cơm-xôi đem vào rừng, khi nào đói thời dùng ná, bắn hai con tắc-kè nướng lên ăn. Giản-dị như vậy. Nhưng công chức lại sống xa hoa, kiếm tiền như nước nhờ chia lời với các thương-gia gian-lận ngoại-tệ. Hàng mua mười phần chưa chắc đã nhập-cảng thực sự được một. Người ta kể chuyện có những chuyến xe hơi chở hàng-hóa nhập-cảng, đi qua trạm quan thuế, khai-quan rồi, lại tắt đường rừng chạy ngược trở lại, để khai-quan thuế lần thứ hai, thứ ba, cho đến thứ mười, để thanh toán cho xong giấy Phép nhập-cảng..

Trên thị-trường đen, giá Mỹ-kim đã lên tới 110, 120 kíp. Cơ-quan Viện-trợ Mỹ, đau-xót vì tiền viện-trợ không đến được tay nhân-dân Lào, không làm phát triển được kinh-tế Lào, nên giải-phẫu cái rụp, cũng chẳng cần hỏi ý kiến thân-nhân con bệnh chịu hay không chịu lãnh trách nhiệm trước Lịch-sử và thi-hành các biện-pháp sau đây :

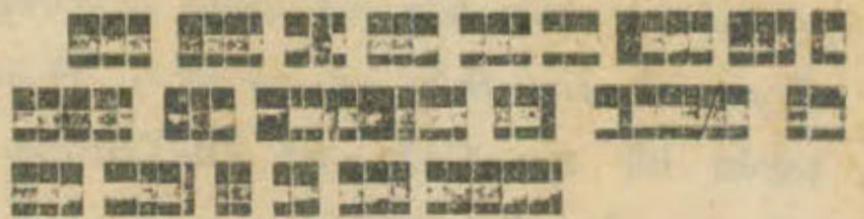
1 — Phá giá đồng kíp.

2 — Cho phép mua Mỹ-kim tự do, và tàng trữ trong nhà như đề dành vàng vậy.

3 — Cấp học bổng cho tất cả sinh-viên du học ở ngoại-quốc.

Theo các chuyên-viên Mỹ và Lào, các biện pháp trên đây có thể ổn-định tình-thế, lành-mạnh hóa nền kinh-tế, ngăn chặn chợ đen, bài-trừ thối-nát và giúp đỡ cho các sinh-viên du học.

Tám năm sau cuộc phá giá để cải cách tiền-tệ, nền kinh-tế Lào chưa tiến được một bước nhỏ, đồng kíp Lào, có khi xuống đến 500 đồng một Mỹ-kim, còn nhân-dân và nhất là giới lao-động Lào, thời chịu trăm điều cơ cực, và luôn luôn chạy theo vật-lộn với vật giá.



Sau hội-nghị Honolulu, sau những lời tuyên bố danh-thếp của Tổng-Thống, Ngoại-Trưởng, các Tướng lãnh-Mỹ, trợ cấp cho Việt-Nam tất cả ngoại-tệ cần thiết, ổn định nền kinh-tế và cải thiện mức sống xã hội Việt-Nam, người dân đã mừng sút đầu gối vì viên ảnh lạm-phát, phá-giá rồi đây chắc phải tiêu tan hết Giáo-sư Tổng-Ủy-viên đã sáng-suốt chủ-trương « tràn ngập thị-trường ». Mình có Mỹ-kim, mình mua được nhiều hàng hóa, xuất-cảng được nhiều sự-vụ cho quân-nhân ngoại-quốc, thì tất nhiên không còn lạm-phát và hàng hóa phải xuống giá, chợ đen, những-lạm phải tiêu-tan.

Nếu vì những sự trở ngại vật-chất như ket-bến, ket-tàu, thiếu dụng-cụ rõ hàng, thì cũng chỉ năm ba tháng là giải quyết xong, và tương lai không thể nào không tốt-đẹp được.

Vả lại, phá giá đồng bạc có ích-lợi gì, khi mà Ông Trần-Văn-Kiến. Ủy-viên Tài chánh, đã tuyên bố với Việt-Tấn-Xã :

« Đề-nghị nhằm phá giá đồng bạc Việt - Nam (dévaluation) « không thể được Chính-Phủ chấp nhận vì các lý do sau đây :

a) Phá giá đồng bạc, nghĩa là áp dụng hối xuất cao hơn, cho cả các nghiệp-vụ nhập cảng, sẽ làm vật-giá tăng vọt.

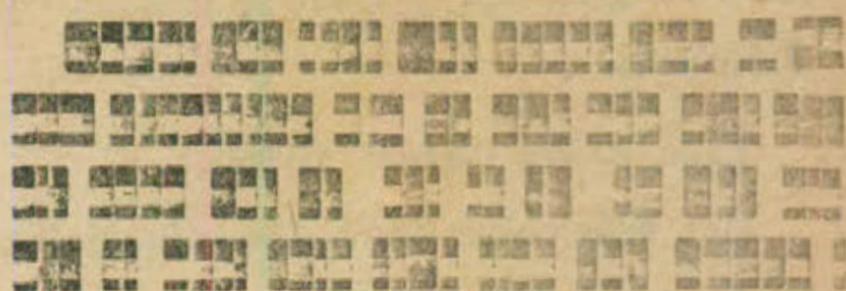
b) Trong trường hợp một nước nhận viện trợ thương mại của Huê-Kỳ, tức trường hợp Việt Nam, sự phá giá tiền tệ sẽ rất tai hại. Viện trợ này giúp ta tăng cường Ngân-sách bằng cách khoản thâu của Quy-Đổi-giá. Như vậy nếu phá giá đồng bạc Việt Nam, chính phủ Hoa Kỳ có thể sẽ giảm tổng số ngoại tệ viện trợ mà vẫn đạt tới số thâu dự trữ Quy-Đổi-giá. Sau nữa tất cả hàng hóa nhập cảng trong khuôn khổ viện trợ Mỹ sẽ phải theo một hối xuất mới cao hơn và làm tăng giá tất cả mọi hàng hóa.

c) Nước ta hiện nay chỉ nhập cảng mà không xuất cảng mấy, các lợi ích của biện pháp phá giá trên lãnh vực kinh tế sẽ không có.

Ngay cả Giáo sư Nguyễn - Xuân-Oánh sau cuộc tranh luận hào hứng với

Giáo sư Trần - Văn - Kiến, cũng đã xác nhận trên báo Chính-Luân, không đề nghị phá giá đồng bạc, không đụng chạm tới khu vực Viện-trợ Thương-mại và hối xuất nhập-cảng hàng hóa.

Chủ trương của Chính-phủ, ý kiến của chuyên-viên, rất rõ rệt : « ổn định kinh tế » và « không phá-giá đồng bạc ».



Chính Giáo sư Erhard khi làm Tổng Trưởng Kinh-tế nước Đức đã từ chối không chịu phá giá đồng Mã-kim đề khuyến khích việc xuất cảng và tuyên bố ngày 20 tháng 9 năm 1950.

« Sách lược xuất cảng chúng tôi đã theo đuổi mặc dù bị nhiều người công kích, phát xuất từ chỗ chúng tôi xác tín rằng chúng ta sẽ bị chết ngộp, nếu chúng ta không theo đuổi con đường ấy.

« Chúng ta không thể thỏa mãn vì một thành công bề ngoài nó sẽ làm tiêu tan tiền-tệ của ta trong một cuộc lạm phát mới và là một cách ăn cướp cơm chim, vì phương hại tới quyền lợi của những người đã ăn nhịn để dành. Đó là những phương pháp đáng lên án, chúng ta không thể nào nghĩ đến được ».

Nước nào cũng muốn ổn định tình-hình giá cả hàng-hóa, nên phải coi biện pháp phá-giá tiền tệ quốc gia là một biện pháp cuối cùng, hạ-sách nhất, và không thể nào làm hơn được, đành là

chặt chân chặt tay mình đi thôi. Bao nhiêu người lao động, bao nhiêu nhân-dân cần-cù lương-thiện làm ăn, để dành được chút đỉnh tiền, mà đầu hôm tối mai, của mồ hôi nước mắt đã trở thành công cốc.

Nhưng than van cũng là vô ích. Chúng ta hãy bình tĩnh mà nghiên cứu các biện pháp cũng là hậu quả của sự phá giá bạc Việt-Nam.

Hối xuất chính thức

Hối xuất chính thức được ấn-định là 80 đồng một Mỹ kim. Hối-xuất chợ đen có lúc đã lên tới 220 đồng, chắc hẳn vì bí mật phá giá đã bị bật mí một tuần lễ trước khi ban hành công khai. Cùng ngày đó báo chí bắt đầu loan tin thị-trường vàng xáo trộn, không ai bán vàng ra nữa và giá vàng nhảy lên 15.000đ. — 17 000đ rồi 20.000đ. một lượng.

Trước khi dự tính phá giá bạc Việt-Nam, Mỹ-kim vẫn ăn 170 đến 180 đồng. Vậy hối xuất chính thức vẫn cao gấp đôi giá thực sự của bạc Việt Nam, nên cuộc cải cách tiền tệ vẫn không hy vọng lành mạnh hóa nền hối-đoái, ngoại-thương quốc-gia. Trên nguyên tắc, sự gian lận ngoại tệ về chuyển ngân tài chánh, về nhập cảng sẽ còn y nguyên, và xuất-cảng vẫn không được khuyến khích vì giá cả bán ra ngoại quốc vẫn còn cao gấp đôi giá hàng hóa tại Việt Nam và không thể nào cạnh tranh với hàng ngoại quốc được.

Lẽ ra, nói đến cải cách phải có nghĩa

là củng cố, ổn định tiền-tệ theo hối-xuất mới 80 đồng.

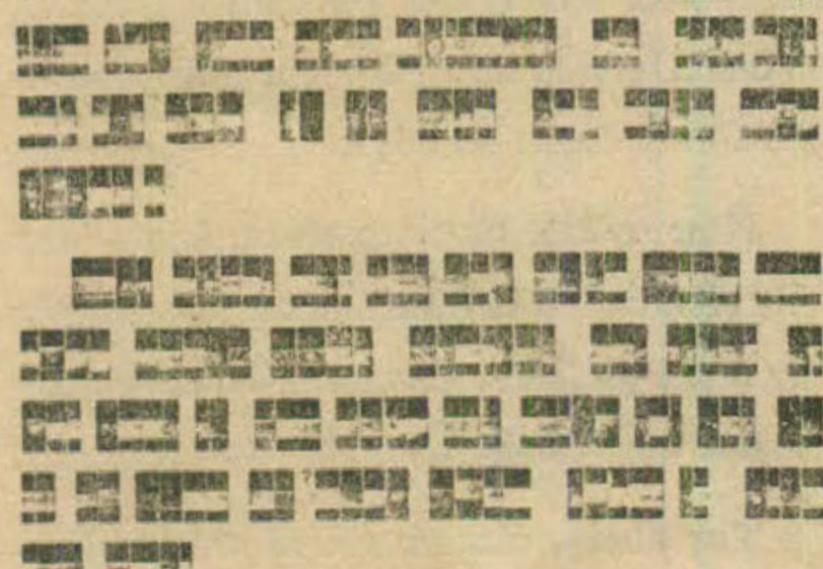
Ngày xưa Chính-phủ Ngô-Đình-Diệm đã dùng đường lối này rồi, và cũng vẫn thất bại, không ổn cố được giá-trị đồng bạc. Khi đó hối xuất là 35 đồng. Cơ-quan viện-trợ Mỹ phải trợ cấp cho Việt-Nam 128 triệu Mỹ-kim để góp phần vào Quỹ Đối-Giá là 4 tỷ 500 triệu bạc. Viện-trợ Mỹ muốn giảm hối-xuất xuống 60 đồng một Mỹ-kim để chỉ còn trợ cấp có: $4 \text{ tỷ} \frac{5}{60} = 75 \text{ triệu}$ Mỹ-kim.

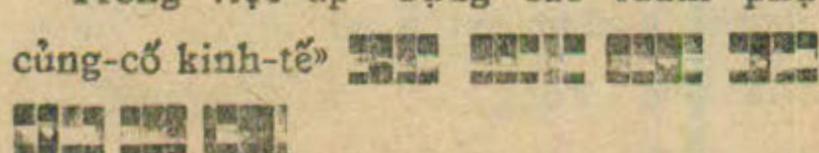
Chính phủ Việt Nam không chịu, và chỉ nhận phá giá trá-hình bằng cách giữ vững hối-xuất chính thức là 35 đồng, nhưng đánh thêm một phân xuất $\frac{5}{7}$ tức là 25 đồng nữa vào các vụ nhập cảng hàng-hóa.

Kết quả là Mỹ vẫn phải trợ-cấp 128 triệu Mỹ-kim, nhân-dân phải mua hàng hóa cao lên gần gấp-đôi để khỏi mang tiếng sai rẻ, sai sang, và Chính-Phủ Việt-Nam thời lợi thêm 3 tỷ 200 triệu cho Ngân-sách.

Hối xuất trước có một, nay đã thành hai, và sự phức-tạp của hối xuất khiến cho nền-tảng hối-đổi càng ngày càng rắc-rối thêm, chỉ còn cách đặt thêm hối-xuất mới cho mỗi khu vực để giải quyết tình-thế.

Chính vì Việt-Nam nhiều hối-xuất quá, không còn làm ăn gì được nữa, nên Ông Tổng Ủy-viên Âu-Trường-Thanh mới phải đưa ra biện-pháp phá-giá đồng bạc để thống-nhất hối-xuất.

Có điều người dân không hiểu là hợp lý-hóa hối-xuất bằng cách đặt ngay một lúc hai hối xuất : chính thức 80 đồng và hối xuất thực sự 118 đồng, 

Trong việc áp dụng các «đảm phụ củng-cố kinh-tế» 

Quân nhân Mỹ không thể coi là tư-nhân được, vì có một qui-chế ngoại-giao rõ rệt và lương bổng do Chính-Phủ Mỹ

đài-thọ. Bởi vậy đô-la đỏ, lẽ ra chỉ được đổi với giá 80 đồng, như chi-phí của các Chính-Phủ ngoại-quốc, của các tổ chức Quốc-Tế, — các tổ chức từ-thiện Quốc-tế cũng không được trừ.

Trong khi đó các hãng xây-cất, mặc dầu thi hành những công tác do các Chính-Phủ ngoại-quốc hay tổ chức Quốc tế, tài-trợ vẫn chỉ là tư nhân.

Luật pháp, cần phải áp-dụng đồng-đều cho tất cả mọi người cùng hoàn-cảnh, không nên đặt ra biệt-lệ. Vì biệt-lệ là bất-công rồi. Muốn công bằng, đô-la đỏ phải đổi theo hối xuất 80 đồng và các hãng thầu xây cất quốc-tế cần được hưởng trợ cấp «đảm phụ củng-cố kinh-tế».

Trên thực tế, biện pháp bất-công trên đây chỉ làm thiệt hại cho người Việt-Nam thôi. Vì đô-la đỏ, cho hưởng-trợ cấp 38 đồng, chỉ làm cho vật giá tăng lên, đời sống xã-hội khó khăn thêm, còn hãng thầu xây cất, đâu có thêm đổi tiền chính thức, và cũng không cần trợ cấp 38 đồng, khi mà giá chợ đen đô-la xanh lên tới 180 đồng.

Bán vàng tự do.

Khi nước Lào phá giá đồng «kip» hồi năm 1958, cơ-quan viện-trợ Mỹ đã phải chấp-thuận cho tư-nhân Lào được mua Mỹ-kim và tàng trữ tự-do, qua sự trung-gian của tất-cả các Ngân-hàng tư, theo giá chính thức.

Sở dĩ các chuyên viên khuyến cáo biện pháp này là để ngăn chặn giá chợ đen

đồng Mỹ-kim không đi tới mức phá sản đồng Kíp.

Tiền-tệ mất giá-trị, ai cũng thích mua vàng hoặc Mỹ-kim để tích trữ. Nghề đời như vậy, có cấm mới khoái còn làm tự do lại chê bai ngay. Vàng khan-hiếm, Mỹ kim cấm đoán, thời đồ xô đi mua, khiến cho giá cả lên không biết đường nào mà rờ. Cho mua tự do theo giá rẻ, lại không thêm mua nữa. Tình trạng bên Lào đã diễn ra đúng như vậy. Khi được phép mua Mỹ-kim theo giá rẻ một phần ba so với giá chợ đen, rất ít người Lào đã bỏ tiền ra mua mỹ-kim để tích trữ. Trong 6 tháng, trong một năm, hầu như không còn giá chợ đen ngoại tệ nữa. Sau này, nếu đồng «kip» có xuống giá đến 500 kip một Mỹ-kim, lại là chuyện khác, và nguyên-nhân là sự sa sút chung của nền kinh tế, chính trị Lào-

Ở nước Việt-Nam, đi đôi với biện pháp phá giá đồng bạc, người dân không ngạc nhiên khi thấy cho phép bán vàng tự-do. Vàng hay Mỹ kim cũng trị giá ngang nhau. Có lẽ Chính phủ không cho mua Mỹ-kim, vì sợ Việt Cộng sẽ thâm vào để mua khí giới và hỗ trợ cho việc xâm chiếm Miền Nam nước Việt.

Đầu sao cũng phải hoan nghênh biện pháp Chính phủ bán vàng tự do ; Đồng bạc Việt Nam sẽ vững vàng được giá

trị, vì đem bạc có thể đổi lấy vàng theo giá chính thức, và chế độ tiền tệ Việt Nam với kim bản-vị gián tiếp vàng này, sẽ làm cho tất cả các nước trên thế giới phải thêm thương, kể cả nước Mỹ, vì bất cứ người dân Mỹ nào cũng không thể đem Mỹ kim bắt chính phủ đổi thành vàng được.

Các đặc-quyền.

Chỉ biết giá mỗi đồng Mỹ-kim nhập cảng, khi trước là 60 đồng, kể cả phân xuất 5/7, nay đã tăng lên 118 đồng. Giá biểu quan thuế chưa được ấn định lại, nên chưa hiểu giá cả mỗi thứ hàng hóa nhập cảng sẽ tăng lên bao nhiêu. Tất cả đều « nằm trong tay » ông Tổng Ủy viên Kinh tế Tài chánh. « Giấy báo có lên hay không là tùy tôi có xữ dụng thuế phân-xuất quán bình hay không ? » (trả lời của ông Tổng Ủy viên cho Báo chí ngày 20-6-66 Chính Luận số 664).

Như radiô, từ giá 3 ngàn, ông Tổng Ủy viên cho bán hơn 4 ngàn, đã lên một phần ba giá tiền. Các hàng hóa khác còn tùy ở ông Tổng Ủy viên quyết định.

Tuy nhiên, căn cứ vào số lương bình-dân của công chức được tăng lên 50%, người ta cũng có thể ước lượng ý muốn của ông Tổng Ủy viên là giá cả trung bình hàng hóa cũng được tăng lên theo mức tương tự.

Trong vòng ba tháng nữa, người dân

phải sẵn sàng chịu trận nhìn vật giá sẽ bò lên **1957** **1958** **1959** **1960**. Một khi đã tăng lương, lương công chức, quân nhân trước, rồi lương tư chức, lao động sau, **1961** **1962** **1963** **1964** **1965** **1966** **1967** **1968** **1969** **1970** **1971** **1972** **1973** **1974** **1975** **1976** **1977** **1978** **1979** **1980** **1981** **1982** **1983** **1984** **1985** **1986** **1987** **1988** **1989** **1990**

Các chuyên-viên cho rằng, các sản-phẩm nội địa sẽ không tăng tới mức 30 0/o. Nhưng người dân không dám quên, đến gạo, thịt, cá mà còn phải nhập-cảng, thời nền kinh-tế quốc-gia đã bị hàng nhập-cảng chi phối quá mức rồi, hy-vọng gì hàng-hóa trong nước không tăng theo hàng hóa nhập-cảng ?

Nếu ba tháng nữa, bó rau muống từ 10 đồng lên đến 13 đồng, rồi ổn định ở mức độ đó cũng là may mắn lắm rồi.

1957 **1958** **1959** **1960** **1961** **1962** **1963** **1964** **1965** **1966** **1967** **1968** **1969** **1970** **1971** **1972** **1973** **1974** **1975** **1976** **1977** **1978** **1979** **1980** **1981** **1982** **1983** **1984** **1985** **1986** **1987** **1988** **1989** **1990**

Không lẽ cứ tăng lương mãi hay sao ? Người dân chỉ ước-mong làm sao Chính-Phủ tinh lại các sắc thuế để hàng-hóa đừng tăng-giá lên nữa, và đời sống xã hội được ổn-định.

Đối với sinh-viên du-học, áp-dụng chính sách của nước Lào hồi năm 1958 có lẽ hay hơn : cấp học-bằng cho tất-cả các tinh-hoa của dân tộc, các sinh viên mà Chính-Phủ xét đáng cho du học ở ngoại-quốc để sau này phục vụ quyền lợi chung Quốc-gia. Còn đối với những gia-đình giàu có, cho con đi du học vì

quyền lợi tư - riêng hơn là lợi - ích công - cộng, thiết tưởng chẳng cần trợ cấp thêm 38 đồng mỗi Mỹ-kim làm gì nữa.

Cải-thiện thương-mại, kỹ-nghệ.

Tất cả các biện pháp của Chính-Phủ nhằm cải thiện guồng máy thương mại, kỹ-nghệ hiện-hữu đều phải hoan-nghênh vì các báo-chí đã phê-bình nhiều về khuyết-điểm chính-yếu rồi. Các giải-pháp vá-viu sẽ không đem lại được kết quả gì hết.

Nếu Chính-Phủ thực-tâm muốn xây-dựng một nền kinh-tế lành mạnh, phồn-thịnh, Chính-Phủ không thể nào giao Bộ Kinh-tế cho một vị chuyên-viên thuần-túy được. Cần phải chọn lựa một chính-trị gia, đã sống với Cộng-sản và chiến-đấu chống Cộng-sản, hiểu chiến lược xâm lăng các nước nhược-tiểu của Mao-Trạch-Đông và có thể đặt kinh-tế vào trong sách-lược chung trong chiến-tranh chống du kích.

Không đặt kinh-tế trong khung cảnh Du-kịch chiến, không có đường lối phối hợp kinh-tế với chính-trị và quân-sự, chắc chắn không thể xây-dựng một hệ thống kinh-tế thích hợp với hoàn cảnh Việt-Nam hiện-đại.

Võ-nguyên-Giáp là một tướng-lãnh giỏi, vì rất am-hiều các vấn-đề kinh-tế chính-trị. Ngược lại, không thể trở-thành một kinh-tế-gia Việt-Nam lỗi lạc, nếu không am hiểu quân-sự và chính-trị chống Du-kịch.

Nội-các hiện-hữu đã là một Nội-các chiến tranh, muốn cải thiện nền thương mại kinh-tế để tranh thủ nhân-tâm đem lại sự phồn-thịnh cho quốc-gia, tất phải đưa ra một đường lối kinh-tế chống du kích. Nếu cứ phó mặc phạm vi kinh-tế cho các chuyên-viên hoạt-động riêng rẽ như một khu vực đặc-biệt tách rời khỏi khối nhân-dân đông-đảo, đang lăn mình vào cuộc chiến đấu một còn một mất với du-kích phá-hoại, tất cả thiện-chí của Nội các chiến-tranh e rồi cũng chẳng gặt hái được bao nhiêu kết quả.

KẾT LUẬN

Xem qua các tân biện-pháp kinh-tế tài-chánh người dân vẫn chưa hiểu tại sao phải phá giá đồng bạc. Bình thường người ta phá giá tiền tệ quốc-gia vì cân cân thương-mại bị thâm-thủng, vì hàng hóa không xuất cảng được ra ngoại-quốc.

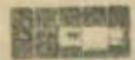
Còn nước ta, trong một tam cá-nguyệt có thể giải tỏa tới 240 triệu Mỹ-kim t ngoại-tệ muốn bao nhiêu cũng có, tuy; rằng không có hàng hóa gì để xuất-cảng, tại sao phải phá giá bạc.

Bạc tung ra nhiều, mà hàng-hóa nhập-cảng vào chưa kịp, tất phải có một thời gian khó-khăn, chợ-đen. Nhưng về lâu dài, tình hình bó buộc phải cải-thiện phương-tiện chuyên chở nhiều thêm và thương cảng sẽ được giải tỏa. Chậm lắm là trong vòng 6 tháng hàng-hóa có thể tràn ngập thị-trường, nạn lạm-phát tiêu tan, giá-cả phải xuống, và đời sống nhân dân sẽ dễ chịu. Đâu có nguy-cơ nào đe dọa đời sống kinh-tế quốc-gia?

Đô-la đỏ không thành vấn đề. Nếu người Mỹ tới đông, nếu tiêu nhiều Mỹ-kim, theo luật cung-cầu, cần nhiều tiền Việt-Nam, cung cấp nhiều Mỹ-kim tất đồng bạc phải lên giá và dân chúng Việt Nam phải sung túc hơn. Có gì đáng ngại?

Nước Việt-Nam phải chi-phi nhiều về chiến-tranh, nhưng ngoại viện lại tăng-gia mạnh mẽ, thì làm sao thiếu hụt được Ngân-sách Quốc-gia?

Chúng ta không xuất-cảng được gạo, cao su, nhưng lại xuất-cảng được sự-vụ trị giá cả mấy trăm triệu Mỹ-kim, thì mức sống xã-hội làm sao xuống thấp được.

Dầu giai-đoạn chuyển tiếp có khó khăn dầu Chính-phủ tăng các sắc thuế làm vật giá tăng cao, nhưng tình-hình kinh-tế mỗi ngày phải sáng sủa thêm,  Quân sự đã thắng lợi rõ-rệt, các sự xáo-trộn chính-trị cũng không làm cho Nội-các chiến-tranh nao-núng, người dân không hiểu tại sao phải kéo cờ báo-nguy về kinh-tế khi mà Mỹ tận tâm viện trợ cho chúng ta, và quân-nhân ngoại-kiều như một đạo binh du-khách đem ngoại-tệ, phồn-thịnh lại cho nước Việt-Nam.

Nguyên lời tuyên-bố mới đây của Thiếu-tướng Chủ-tịch Ủy Ban Hành-Pháp Trung-Ương, khi giao Công Quân Chuyên Chở lại cho Đô-Thành Saion: « Chúng ta nhằn ngoại-tệ quá, rồi đây không biết làm gì nữa » cũng đủ đập tan các mây-mờ bao phủ nền trời kinh-tế, và bác bỏ lý thuyết hối-đoái

đòi hỏi sự phá giá đồng bạc.

Lịch sử tiền tệ thế giới cổ kim chưa bao giờ có chuyện nhiều ngoại-tệ quá mà phải phá giá đơn vị tiền tệ quốc gia. Dầu có thiếu ngoại-tệ, người ta cũng cố gắng ổn định tiền bạc để khỏi xảy ra những thảm trạng mà Thủ tướng Erhard đã nói trên đây.

Nửa là trường hợp nhiều ngoại tệ đến nỗi không biết làm gì nữa. Đó chẳng phải là dấu báo hiệu của sự phồn thịnh sắp tới hay sao ?

Phá giá đồng bạc có lợi cho ai

Phá giá đồng bạc có lợi cho ai

Tất cả các kế ước cung cấp hàng hóa, thầu xây cất, dầu công, dầu tư rồi sẽ phải giải quyết ra sao ?

Người dân Việt Nam,

Người dân Việt Nam,

lo ngại cho tiền

đồng chính trị, kinh tế của nước mình.

DUY

VĂN SỐ 61

ĐỌC VĂN RICHARD WRIGHT

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIES — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai Nạn Hỏa Hoạn Hàng Hải Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHÔNE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
— Hongkong — Tananarive — Tamatave — Addijan — Douala

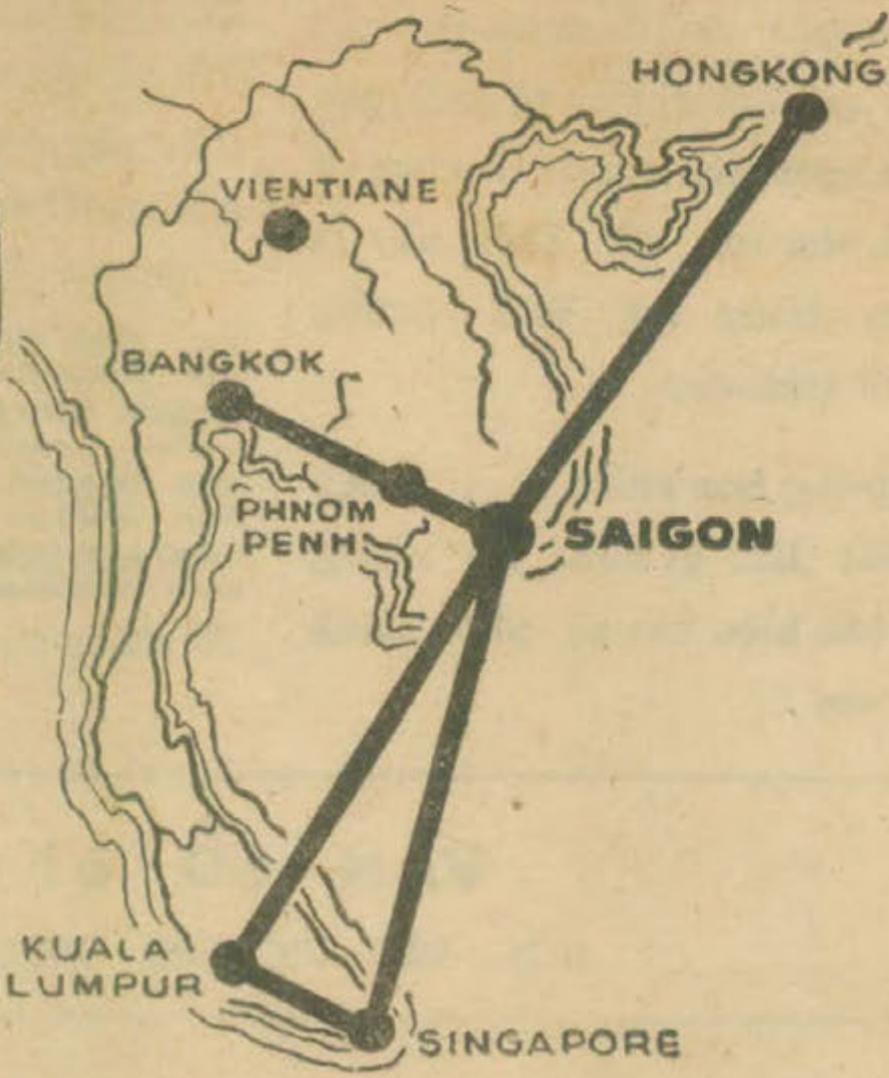
V
i
ệ
t

N
a
m

H
à
n
g

K
h
ô
n
g

**TRONG
ĐÔNG-NAM
Á**



**A
I
R

V
I
E
T
N
A
M**

**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGOẠN**



băng *Caravelle*
của ĐƯỜNG BAY *Hasen* VIỆT-NAM
PHÂN LỰC CƠ TRẠNG LỆ NHỨT THẾ-GIỚI

- ★ NHANH CHÓNG · BOO CÂY SỐNG ANH MỘT GIỜ,
- ★ ÊM-ÁI · MÁT-MÈ · ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN · ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM HANG-KHÔNG
116 NGUYEN-HUE SAIGON. 21.624-625-626

MỤC-LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH KHOA

Từ số 217 đến số 228 — Từ tháng 1 đến tháng 6-1966*

Sự sắp xếp theo bộ môn dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn giúp bạn đọc dễ tìm. Bởi vậy nếu có những sai lầm trong sự phân loại, cũng mong bạn đọc lượng thứ cho

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
KHẢO - LUẬN				
<u>BÁO CHÍ :</u>				
1	100 năm { báo chí hôm qua	Nguyễn-Ngu-Í	217	5
2	báo chí { báo chí hôm nay	Vũ-Hạnh	—	55
3	Việt-Nam { báo chí ở Bắc-Việt	Như-Phong	—	63
4	Tờ báo	Tràng-Thiên	—	73
5	Luật-lệ báo-chí	Trần thúc Linh	—	83
6	Bình đọc báo	Đoàn Thêm	—	89
7	Ký giả ngoại quốc	Vũ Bảo	—	
8	Trường báo chí — Tòa báo Figaro	Minh-Đức	—	107
9	Nói chuyện với các bạn Thích làm báo	Từ-Chung	—	115
10	Những kỷ niệm trong đời cầm bút	Ái Lan	—	135
	- id -	Phạm Trần	—	137
	- id -	Vũ Dzũng	—	139
	- id -	Chu Tử	—	140
	- id -	Thương Sinh	—	141
<u>CHÍNH TRỊ :</u>				
1	10 nhận xét về năm 1965	Vũ-Bảo	218	3
2	Hội nghị Tachkent	- id -	219	3
3	Indira Gandhi	- id -	220	17
4	Fidel Castro chuyển hướng	- id -	221	3

* B.K.T.Đ. số 217	(15-1-1966)	B.K.T.Đ. số 223	(15-4-1966)
B.K.T.Đ. số 218	(1-2-1966)	B.K.T.Đ. số 224	(1-5-1966)
B.K.T.Đ. số 219	(15-2-1966)	B.K.T.Đ. số 225	(15-5-1966)
B.K.T.Đ. số 220	(1-3-1966)	B.K.T.Đ. số 226	(1-6-1966)
B.K.T.Đ. số 221	(15-3-1966)	B.K.Đ.T. số 227	(15-6-1966)
B.K.T.Đ. số 222	(1-4-1966)	B.K.T.Đ. số 228	(1-7-1966)

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
5	Ông Krumah xứ Ghana	Vũ-Bảo	222	3
6	De Gaulle, nước Pháp và O.T.A.N.	- id -	224	3
7	Tướng Mac Arthur và chiến tranh hạn chế	- id -	227	39
8	Ảo ảnh chỉ huy chính trị	Nguyễn-Hữu-Dung	222	71
9	Những biến chuyển sâu đậm trong chính tình Nga xô	Đào-Quang-Huy	223	83
	- id -	- id -	224	47
10	Tái băng tại Cộng - Hòa Dân chủ Đức	Trần-Mai-Lan	218	82
11	Kravtchenko đã tự tìm cái chết	- id -	221	88
12	Nhà cầm quyền và dư luận	Nguyễn-Hiến-Lê	226	28
13	Phụ nữ Ấn-Độ	Cung-Giữ-Nguyên	220	25
	- id -	- id -	221	33
14	Độc sách Phật giáo	Nguyễn	228	
15	Chung quanh thời sự	Đoàn-Thêm	226	11
16	Một vụ án văn nghệ ở Mạc-Tur-Khoa	Tràng-Thiên	220	47
17	Ai-Cập trên đường Cách-mạng	Đông-Triều	226	33
<u>DANH NHÂN :</u>				
1	Somerset Maugham	Nguyễn-hiến-Lê	218	41
	- id -	- id -	219	23
<u>GIÁO DỤC :</u>				
1	Chuyện bỏ thi	Vũ-Hạnh	220	3
2	Một cuộc cách mạng trong giáo dục	Nguyễn-hiến-Lê	220	33
	- id -	- id -	221	25
	- id -	- id -	222	15
3	Một cuộc thăm dò ý kiến về kết quả chính sách bỏ thi	- id -	225	55
<u>KINH TẾ — TÀI CHÍNH</u>				
1	So sánh hai chính sách hối đoái của G.S. Nguyễn-Xuân-Oánh	Duy	221	13
2	Khai thông và củng cố	-id-	223	3
3	Một chính sách thuế khóa	-id-	224	15

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
4	Kinh tế và tiếp tế	Duy	226	3
5	Kinh tế tự túc	- id -	227	3
	- id -	- id -	228	3
6	Lịch sử một sự lạm-phát	- id -	228	
7	Nạn lạm phát trên thế giới hiện nay	Đoàn-Thêm	227	25
8	Chung quanh vấn đề nhập cảng	Nguyễn-Văn-Tư	218	37
<u>KHOA-HỌC :</u>				
1	Gémini 7 - 6 hội ngộ trong không gian	Ngọc-Vân	218	23
2	Luna 9 đáp xuống mặt trăng	- id -	219	91
3	Xem mặt chị Hằng	- id -	220	9
4	Khám phá Kim tinh	- id -	221	91
5	Hai cuốn lịch sống	- id -	227	35
6	Gémini 9 và Survoyer I	- id -	228	43
7	Kỹ thuật gập gờ trên không trung	Võ-quang-Yến	218	32
8	Dưới đất có gì hay?	- id -	219	27
9	Thú vật biết toán và làm toán	- id -	222	9
10	Những giấc mơ hoa	- id -	225	9
<u>NẾP SỐNG NƯỚC NGOÀI :</u>				
		Mộng-Trung	218	67
1	Hôn nhân dị chủng	- id -	220	41
	- id -	- id -	221	75
	- id -	- id -	222	65
	- id -	- id -	223	29
	- id -	- id -	225	39
	- id -	- id -	226	78
	- id -	- id -	228	
2	Lá thư hải ngoại	Linh-Bảo	222	59
3	Lá thư Thụy-sĩ	Minh-Quân	225	67
	- id -	- id -	226	70
<u>NGHỆ - THUẬT :</u>				
1	Lần đầu tiên tôi thấy ông Lão-Tử	Thích-Mãn-Giác	227	29
2	Phỏng vấn họa sĩ Thái-Tuấn	X - H	226	25
3	Dân tộc tính trong nhiếp ảnh Việt-Nam	Phạm-Văn-Mùi	225	27

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
4	Phủ nhận tâm ca	Lý-Chánh-Trung	224	33
5	Đặt lại vấn đề văn minh với Claude Lévi-Strauss	Nguyễn-Văn-Trung	224	41
<u>SỬ- ĐỊA</u>				
1	Câu chuyện An-Dương-Vương — Mị-Châu, Trọng Thủy	Lê-Văn-Hảo	218	45
	- id -	- id -	219	43
2	Chung quanh cổ tiền đời Quang- Trung	Vương-Hồng-Sên	219	73
3	Chung quanh thời sự	Đoàn-Thêm	226	44
4	Tiền đồng và niên hiệu Quang- Trung	Nguyễn-Toại	225	59
<u>VĂN-HÓA</u>				
1				
	Trà với văn học và khoa học Tây phương	Đỗ-Trọng-Huê	222	21
1	- id -	- id -	223	45
	Đặt lại vấn đề văn minh với L. Strauss	Nguyễn-Văn-Trung	222	31
2	- id -	- id -	223	21
	- id -	- id -	224	41
<u>VĂN-HỌC</u>				
1	Sống và viết với Hồ-Hữu-Tường	Nguyễn-Ngu-Í	219	64
	- id -	- id -	220	77
	- id -	- id -	221	41
2	Tái bản tại Cộng-Hòa Dân-Chủ	Trần-Mai-Lan	218	82
3	Đức Somerset Maugham	Nguyễn-Hiến-Lê	219	41
	- id -	- id -	219	47
4	Vài kỷ niệm về nhà thơ Nguyễn- Bính	Sơn-Nam	223	53

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
5	Phiếm luận về James Bond	Cung-Giữ-Nguyên	226	15
	- id -	- id -	227	11
	- id -	- id -	228	11
6	Từng lớp cách nhau	Võ-Phiến	225	15
7	Một vụ án văn nghệ ở Mạc-tur-Khoa	Tràng-Thiên	220	47
8	Nụ cười của thằng Bờm	Bùi-Chánh-Thời	225	3
<u>XÃ-HỘI</u>				
1	Những thanh thiếu nhi du đảng	Trần-Thúc-Linh	219	43
2	Phụ nữ Ấn-Độ	Cung-Giữ-Nguyên	220	25
	- id -	- id -	221	33
3	Hôn nhân dị chủng	Mộng-Trung	218	71
	- id -	- id -	220	41
	- id -	- id -	221	75
	- id -	- id -	222	65
	- id -	- id -	223	29
	- id -	- id -	225	39
	- id -	- id -	226	79
<u>SINH-HOẠT</u>				
1	Nụ cười trong tiểu thuyết V.N. hiện đại (thuật buổi nói chuyện của nhà văn Lê-Tất-Điều)	Vũ-Dzũng	221	86
2	Nông trại dưỡng trí viện b. s. Nguyễn-Văn-Hoài — Vai trò gia đình và xã hội trong việc giáo dục thanh thiếu nhi — Danh dự và kỷ luật trong làng báo quốc tế	Ngô-Bá-Lí	217	162
3	Triền lãm 100 năm báo chí — Báo chí trong việc xây dựng văn hóa	- id -	218	87
4	Nhận diện toàn bộ sân khấu Việt-Nam	- id -	219	89

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
5	Tập san Sử-Địa	Ngô-Bá-Lí	220	87
6	Thanh niên và văn hóa Phật-Giáo	- id -	222	83
7	Những chiều thứ Năm của Đại học Văn khoa — Trách nhiệm nhà văn — Ký giả, nhà văn Chu-Tử bị ám sát — Nỗi cô đơn của người cầm bút	- id -	224	90
8	Thơ tranh đấu — Màu sắc và vần điệu	- id -	227	73
9	Thời sự văn nghệ	Tràng-Thiên	219	89
	- id -	- id -	220	87
	- id -	- id -	221	83
	- id -	- id -	222	77
	- id -	- id -	223	76
	- id -	- id -	224	80
	- id -	- id -	225	85
	- id -	- id -	226	83
	- id -	- id -	227	73
10	Tin tức khoa học	Ngọc-Vân	227	73
	<u>PHỎNG-VẤN</u>			
1	Phỏng vấn họa sĩ Thái-Tuấn	X.H.	226	25
2	Sống và viết với Hồ-hữu-Tường	Nguyễn-Ngu-Í	219	64
	- id -	- id -	220	77
	- id -	- id -	221	41
	<u>DIỆM-SÁCH</u>			
1	Đọc « Quay trong gió lốc » của Lê-Tất-Điều	Vũ-Hạnh	219	79
2	Diễm sách « Mười ngày phép của một người lính » của Thế-Uyên	Lữ-Phương	223	71
3	Diễm sách : « Lược khảo văn học II của Nguyễn-Văn-Trung	- id -	228	35
4	Diễm sách « Tuổi nước độc » của Dương-Nghiêm-Mậu « Chim hót trong lồng » của Nhật-Tiến	Tràng-Thiên	219	87-88

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tập chí	Trang
	<u>HỒI-KÝ</u>			
	Những ngày chưa quên	Đoàn-Thêm	228	25
	<u>TRUYỆN-DỊCH</u>			
1	Gánh xiếc	dịch Abraham Tertz Nguyễn-Minh-Hoàng	210	63
2	Bàn tay	dịch Nicolas Arzak Vũ-đình-Lưu	220	57
3	Lên cao	dịch Eugène Ionesco Nguyễn-k.-Phương	219	33
4	Con dán	dịch Dino Buzzati Tràng-Thiên	222	81
	<u>TRUYỆN-NGẮN</u>			
1	Buổi tối êm đềm	Hồ-trường-An	223	35
	- id -	- id -	224	63
2	Trở về thành phố	Trần-Đại	225	75
	- id -	- id -	226	57
3	Khói rừng	Lê-tất-Điền	222	45
4	Ngày nghỉ	- id -	223	59
5	Truyện một ông giáo sư già	Vũ-Hạnh	224	71
6	Khoảng trống sau lưng	Võ-Hồng	221	63
7	Người bệnh	Phạm-Hữu	228	51
8	Những người không chết	Nguyễn-ái-Lữ	223	45
9	Mười một mùa xuân	Nguyễn-Nguyên	221	49
10	Hoạt cảnh II	Võ-Phiến	217	145
	- id -	- id -	218	49
11	Mùa xuân qua đèo	Y-Uyên	218	73
	- id -	- id -	219	61
12	Riêng núi riêng sông	- id -	227	49
	<u>TRUYỆN-DÀI</u>			
1	Cát lầy	Thanh-Tâm-Tuyều	117	157
2	Tiền đồn	Thế-Uyên	224	51
	- id -	- id -	225	43
	- id -	- id -	226	45
	- id -	- id -	227	62
	- id -	- id -	228	61

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
<u>THƠ</u>				
1	Mùa Xuân thứ nhất của con	Trần-Huyền-Ân	217	134
2	Đóm lửa lời ca	- id -	222	77
3	Về miền tuổi nhỏ	Đỳnh-Trầm-Ca	218	67
4	Họa bài thơ « Xuân du thử địa vô phương thảo » của Đông-Hồ	Giản Chi	218	64
5	- id -	Hư-Chu	218	64
6	Xuân giao	Bùi-Khánh-Đản	217	144
7	Họa bài thơ « Xuân du thử địa vô phương thảo » của Đông-Hồ	- id -	218	64
8	- id -	Bình-Hành	218	64
9	Xuân du thử địa vô phương thảo	Đông-Hồ	217	144
10	Tạ từ	Nguyễn-Ngu-Í	223	44
11	Mùa Xuân của mẹ	Huy-Lực	217	72
12	Cơn hỏa hoạn của thời đại chúng ta	- id -	219	46
13	Đường về	- id -	225	38
14	Vũ khúc buồn Đ.N.Á	Huy Lực	218	42
15	Khởi từ nỗi chết	Hoàng Đ. Huy Quan	222	76
16	Đặc ân thượng đế	Minh-Quân	223	28
17	Ngọn đuốc nào	Lữ-Quỳnh	225	26
18	Năm tháng sương mù	Phan-Phụng-Thạch	223	34
19	Lại xuân	Đoàn-Thêm	217	105
20	Hòa âm XXVI	- id -	221	74
21	Thủy-Triều X	- id -	225	64
22	Trao gửi	Thanh-Thuyền	217	106
23	Mùa sương trên vai	Phạm-Thiên-Thư	225	42
24	Chín cụm hoa vàng	Thành-Tôn	219	32
25	Thú với mùa Xuân	- id -	218	66
26	- id -	- id -	219	37
27	Họa thơ Đông-Hồ	Mộng-Trung	219	60
28	Ngợi ca mùa Xuân mai sau	Tần-Hoài-Dạ-Vũ	217	164

Tìm đọc sách của nhà xuất bản SÁNG TẠO

DỌC ĐƯỜNG tập truyện của Thanh Tâm Tuyền

ĐỐT BIÊN GIỚI truyện dài của Doãn Quốc Sỹ

K.D số 1611 / BTCL / ngày 29-6-66

Sáng Lập : HUỖNH-VĂN-LANG. Chủ Nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

TRONG GIA-ĐÌNH ẸM-ẨM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT



Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"

Chai "HÒA TIÊN"!





FILTER
KING SIZE
CIGARETTES



PURE VIRGINIA